

THÍCH THÁNH NGHIÊM

Niệm Phật **SINH TỊNH ĐỘ**

Người dịch : THÍCH CHÂN TÍNH

NHÀ XUẤT BẢN TÔN GIÁO

thuvienhuequang.vn

Tiểu sử Hòa thượng Thích Thánh Nghiêm

Pháp sư Thánh Nghiêm sinh năm 1930 tại Nam Thông, Giang Tô, Trung Quốc. Năm 1943 ngài xuất gia tu học tại chùa Quảng Giáo, núi Long Sơn, Nam Thông. Năm 1975, ngài tốt nghiệp Tiến sĩ văn học tại Đại học Lập Chánh, Đông Kinh, Nhật Bản; và từ năm 1977 đến năm 1978 được bầu làm Phó Hội trưởng Hội Phật giáo Hoa Kỳ kiêm trụ trì Đại Giác tự. Từ năm 1978 làm Trưởng Sở Nghiên cứu Học thuật viện Phật học Trung Hoa. Từ năm 1978 trở về sau, ngài giảng dạy tại Đại học Văn hóa Trung Quốc, Đại học Hoa Cang và Đại học Đông Ngô. Năm 1980, ngài khai sơn và sáng lập Trung tâm Thiền New York. Đương thời, ngài cũng là người sáng lập Hội Phật giáo Pháp Cổ Sơn (Dharma Drum Mountain Buddhist Association) và trường Đại học Pháp Cổ Sơn tại Đài Loan. Ngài cũng là người có nhiệm vụ duy trì và phát huy dòng Thiền Tào Động và Lâm Tế.

Những tác phẩm tiêu biểu : Tỷ giáo Tôn giáo học, Thiền môn tu chứng chỉ yếu, Sinh hoạt thiền, Thế giới Phật giáo thông sử, Phật giáo chánh tín, Phật học quân nghi, Niêm hoa vi tiểu, Thiền và Ngô... tổng cộng trên 42 loại và nhiều trước tác có giá trị khác.

Pháp sư Thánh Nghiêm hiện là bậc cao Tăng nổi tiếng của Phật giáo Đài Loan, tài đức kiêm toàn và rất được mọi giới quần chúng ngưỡng mộ tôn kính.



Lời người dịch

Phật pháp là phương thuốc hay chữa tâm bệnh cho chúng sinh, là pháp bất định. Chúng sinh có nhiều loại bệnh, Phật pháp phải có nhiều môn. Phương thuốc chủ yếu vẫn là giới, định, tuệ, tùy theo đó mà gia giảm cho phù hợp với căn bệnh, miễn sao cho người bệnh lành bệnh là được.

Phật pháp thì vô lượng, hiện nay giới Phật tử chúng ta chủ yếu tu tập theo ba pháp môn chính là Thiên, Tịnh và Mật. Các pháp môn này đã được Tăng Ni Phật tử thực nghiệm với quá trình khá lâu dài, đã đem lại nhiều kết quả tốt đẹp.

Một vị Thiên sư, Tịnh sư hay Mật sư nếu chỉ biết đề cao pháp môn mình tu và chê bai pháp môn khác thì đó là người thiếu trí, thiếu cặn. Bởi lẽ đã là người Phật tử chân chính thì không nên khen mình chê người, không nên chấp trước nhân ngã bỉ thử. Hậu quả của tâm đố kỵ ấy chỉ làm cho Phật pháp suy yếu mà thôi. Đúng như câu “Chỉ có vị trùng của sư tử ăn thịt sư tử”.

Pháp sư Thánh Nghiêm là bậc cao Tăng cận đại của Phật giáo Đài Loan. Ngài có sở học và sở tu rất thâm hậu, đã viết rất nhiều tác phẩm Phật giáo chủ yếu là thiền. Ngài đã từng mở nhiều khóa tu thiền tại Mỹ và Đài Loan. Thế nhưng ngài cũng tổ chức các khóa tu Phật thất, khuyến khích Phật tử tu Tịnh độ, niệm Phật cầu vãng sinh. Đây quả là một bậc trí, biết khéo dùng phương tiện để độ chúng sinh. Cách hoằng pháp này xứng đáng là tấm gương để Phật tử chúng ta học tập.

Nhận thấy những lời khai thị niệm Phật của ngài rất phù hợp với khóa tu Phật thất tại chùa Hoằng Pháp, nên chúng tôi dịch ra Việt văn để giúp cho Phật tử có thêm tài liệu tham khảo, hầu tăng trưởng niềm tin kiên cố, tinh tấn hành trì niệm Phật.

Trong bản dịch này có một đoạn văn Hán cổ do Đại đức Thích Nguyên Hiền phiên dịch. Xin chân thành tri ân Đại đức.

Ngày 10-8-2001

Lời tựa

Tôi thường niệm Phật, cũng thường dạy người niệm Phật, khuyên người niệm Phật.

Hơn 30 năm trước, tôi từng được mời chủ trì Phật thất Di Đà tại chùa Đông Sơn, thành phố Bình Đông, Nam bộ Đài Loan. Từ năm 1980 về sau, tôi ở Nông Thiên tự Bắc Đâu, Đài Bắc, mỗi năm chủ trì một lần Phật thất Thanh minh báo ân, và cũng tại Nông Thiên tự này thành lập hội niệm Phật Phước Huệ mỗi tuần cộng tu một lần. Cho nên tôi đã từng khai thị pháp môn niệm Phật cho đại chúng, tôi cũng đã từng đảm nhận các khóa giảng về Tịnh độ học nhiều năm tại Trung Hoa Phật học Nghiên cứu Sở, nhưng tôi chỉ viết một thiên “Khảo sát tư tưởng Tịnh độ” cho “Hoa Cương Phật học học báo” mà thôi, chứ chưa xuất bản tác phẩm giới thiệu về pháp môn niệm Phật.

Lý do vì tôi ở nước ngoài nên bất kỳ là diễn giảng hay viết bài đều được người ta yêu cầu, phần nhiều là lấy phạm vi thiên làm chủ đề, chưa gặp cơ hội người ta yêu cầu khai thị pháp môn niệm Phật.

Mãi đến năm nay (1993) từ ngày 27-3 đến 4-4, trong thời gian Phật thất Thanh minh báo ân tại Nông Thiên tự, mỗi ngày tôi đều khai thị pháp môn niệm Phật sinh Tịnh độ, nói rõ Phật pháp xem trọng việc tri ân báo ân, mọi người nên đem tấm lòng cảm ân tiếp nhận cuộc sống hiện thực, lại đem tấm lòng báo ân phụng hiến tất cả chúng sinh. Làm thế nào mới có thể biểu đạt sự cảm ân và báo ân chính xác? Phải nên tu học pháp môn niệm Phật, vì pháp môn này chân tục toàn thấu, sự lý viên dung, thế xuất thế pháp, cho đến phước lợi hiện đời hoặc cảnh giới tốt đẹp ở thân sau đều bao dung trong đó cả.

Tu học pháp môn niệm Phật như thế nào, mỗi ngày tôi đều giới thiệu một hạng mục bao gồm bảy hạng mục: 1/ Báo ân cha mẹ người thân nên niệm Phật. 2/ Niệm Phật nên đầy đủ bốn thứ tâm: Tín tâm, chí thành tâm, thâm tâm, hồi hướng phát nguyện tâm. 3/ Tịnh độ có bốn loại: Nhân gian, thiên quốc, Phật quốc, tự tâm. 4/ Siêu độ có hai loại: Đối với vong linh, đối với người sống. 5/ Phải nên tu hành sám hối nghiệp chướng làm thường khóa mỗi ngày. 6/ Mang nghiệp (đời nghiệp), tiêu nghiệp đều sinh Tịnh độ. 7/ Vãng sinh Tịnh độ phương Tây, nên kiến thiết Tịnh độ nhân gian làm cơ sở.

Sau khi băng ghi âm của tôi lưu truyền, nhiều người nghe được rất hoan hỷ. Có một vài đệ tử nhiệt tâm, từ trong băng ghi âm viết lại thành văn tự, đưa

tôi duyệt lại, tôi nhận rồi đem về Mỹ quốc. Cho đến ngày 22 tháng 11 tôi mới rảnh rồi đem ra duyệt và phát hiện nội dung rộng tuếch, cách hành văn cũng không giống tôi chút nào. Vì thế tôi phải tốn mất mười ngày để viết lại và sửa chữa bổ sung. Cũng nhờ nhân duyên này khiến tôi đọc kỹ lại ba kinh Tịnh độ, ôn lại những tác phẩm của các Đại sư Tịnh độ hơn 30 loại, hơn 70 cuốn.

Sau khi viết xong thấy ý vẫn chưa tận, cho nên thêm vào hai tiết “Nguồn gốc Phật thất” và “Phương pháp niệm Phật”. Văn chương hơn bốn vạn lời, ngoài giá trị thực dụng cũng rất giàu về giá trị tham khảo.

Đông Sơ Thiên tự tại Nữ Ước

Ngày 2 tháng 12 năm 1993

Thích Thánh Nghiêm

1.- BÁO ÂN CHA MẸ THÂN QUYẾN NÊN NIỆM PHẬT

Lúc người mới mất, sau khi chúng ta trợ niệm, thường hay phát hiện người được vãng sinh gương mặt tươi vui. Điều này biểu thị người ta tuy chết thân thức vẫn còn, chỉ cần họ nghe được âm thanh niệm Phật, thì sẽ sinh khởi tâm tín ngưỡng, tâm hoan hỷ, tâm thanh tịnh, liền có thể lìa khổ được vui, vãng sinh Tịnh độ.



Phật thất thanh minh của chúng ta, còn gọi là Phật thất báo ân, cho nên hôm nay sẽ bàn về ý nghĩa của báo ân. Theo quan niệm truyền thống của Phật giáo, ân có bốn loại là : ân Tam Bảo, ân cha mẹ, ân quốc gia và ân chúng sinh. Người Trung Quốc đặc biệt xem trọng ân dưỡng dục của cha mẹ, đối với ba ân kia dường như không xem trọng mấy. Bởi vì từ thời đại Tiên Tần khai thủy đã đề xướng hiếu đạo, Hiếu Kinh của Nho gia cũng từ quan điểm luân lý hiếu thân mà giảng về đạo lý lập thân, thực hành đạo đức giáo hóa mọi người, không chỉ hiếu thân mà còn luận bàn cả tiêu chuẩn làm vua thiên hạ. Do từ trong Ngũ luân lấy quan hệ cha

mẹ con cái làm nền tảng và khởi điểm, cho nên hiếu với cha mẹ thân quyến rất là trọng yếu. Đời Hán từng đề xướng lấy hiếu lập quốc, bao gồm hiếu kính và liêm khiết. Người con hiếu ắt phải thanh liêm, muốn chọn bậc quan liêm khiết, khí tiết phải từ người con hiếu mà chọn. Cho nên nói chọn trung thân nơi cửa hiếu là vậy. Nếu là người con hiếu thảo nhất định đối với mọi người trong xã hội cũng phải có sự quan tâm chăm sóc. Ngược lại, một người nếu đối với cha mẹ mình không quan tâm, hoặc là kẻ nghịch tử, mà muốn họ chí công vô tư quan tâm đến nỗi khổ của nhân dân là điều rất khó thực hiện.

Thế nhưng đến xã hội cận đại, từ khi phương Tây “cách mạng công nghiệp” thì kết cấu của gia đình và xã hội chuyển đổi, quan niệm về luân lý bị phá sản, mỗi người tự lấy chế độ tiểu gia đình làm chính, chỉ biết lợi cho mình, khiến cho xã hội loài người càng thêm tai nạn. Xã hội Trung Quốc ở phương Đông cũng bị ảnh hưởng rất nặng, dần dần đổi với quan niệm luân lý hiếu đạo xem là cổ hủ bảo thủ, quan hệ cha mẹ con cái dần dần lạnh nhạt. Cũng tức là mối quan hệ giữa cha mẹ và con cái chỉ còn ràng buộc nhau khoảng thời gian hơn mười năm trước khi thành niên. Sau khi con cái đã thành nhân, mỗi người tự lo kiếm sống, đối với cha mẹ không còn quan tâm gì nữa. Lại còn cho rằng cha mẹ nuôi con là trách nhiệm, con cái quan tâm đến cha mẹ là thi ân. Bởi vì con người là tự tư, thường vì tiền đồ của mình

mà không đoái hoài đến việc sống chết và nhu cầu của cha mẹ.

Ngày nay tại xã hội Đài Loan, cũng không thể không đi theo con đường ấy. Tuy nhiên vẫn có những nhân viên chính phủ đang khuyến khích chế độ đại gia tộc như tam đại đồng đường, tứ đại đồng đường, nếu làm được như vậy sẽ được khen thưởng ưu đãi, song chỉ có một số ít người làm được, cũng chỉ có một số ít nhân viên chính phủ làm theo ý tưởng này. Bởi vì hoàn cảnh chung của toàn thể thế giới đã diễn biến như thế, chúng ta hy vọng phổ biến và khôi phục chế độ đại gia tộc của thời đại xã hội tiền nông thôn không phải là dễ.

Thế nhưng người Trung Quốc vẫn bảo tồn được phong tục tập quán đối với việc hoài niệm tổ tiên, như tảo mộ vào tiết Thanh minh, thăm viếng lễ bái mộ tổ, biểu thị lòng tưởng nhớ đối với tổ tiên hoặc người thân quá cố. Chúng ta đối với phong tục này nên tán thán. Kỷ niệm tổ tiên chính là uống nước nhớ nguồn, cũng tức là hiếu đạo, là niệm ân cảm ân. Tuy nhiên phong tục này mới chỉ là hình thức chưa phải là ý nghĩa báo ân thực sự. Vậy làm thế nào để tổ tiên ta có được công đức ?

Hôm nay có ba vị cư sĩ từ phía Nam xa xôi đến Nông Thiên tự Đài Bắc để thăm tôi, tôi khuyên họ nên tham gia tùy hỷ niệm Phật một ngày, dùng công đức niệm Phật này hồi hướng cho tổ tiên họ rất tốt, nhưng họ không quan tâm cho lắm. Nguyên

nhân là họ thuộc ba thế hệ già lão, trung niên và thiếu niên, mỗi người có mộ tổ của mình và bên ngoài, tranh thủ ngày nghỉ đi một vài nơi để tảo mộ lễ tổ, cho nên họ phải vội vã đi. Tôi khuyên họ : chỉ đi quét mộ thôi, ý nghĩa không lớn lắm. Tốt nhất là từ khi bắt đầu xuất phát tại Nông Thiên tự nên niệm Phật, đến trước mộ cũng niệm Phật, tại nghĩa trang niệm Phật, tảo mộ xong trên đường trở về nhà cũng nên niệm Phật; trước sau Thanh minh niệm Phật, ngày thường cũng niệm Phật. Một mặt đem công đức hồi hướng cho tổ tiên, mặt khác hy vọng người quá cố ở trong cảnh u minh nghe được danh hiệu Phật cũng có thể tin Phật, học Phật, niệm Phật. Ba vị cư sĩ sau khi nghe xong rất hoan hỷ. Tôi hy vọng họ nghe theo lời khuyên của tôi mà thực hành thì rất tốt.

Quý vị đến tham gia Phật thất Thanh minh báo ân, một mặt là tu hành, một mặt là vì báo ân. Người ta phần lớn vì tổ tiên và người thân lập bài vị vãng sinh, đốt đèn vãng sinh, để làm gì ? Là hy vọng họ tiếp thụ công đức niệm Phật, nếu chưa được chuyển sinh thì linh thể của họ đến chùa này, nghe chúng ta niệm Phật và khởi niệm cùng tu với chúng ta thì càng có ý nghĩa. Quý vị có tin không ? Hiện tại có rất nhiều tiên vong quyến thuộc của quý vị đang nghe tôi khai thị. Nhất định phải tin. Nếu không, quý vị đến làm Phật sự niệm Phật như vậy, không phải là tự dối mình còn dối ai ?

Vì sao chúng ta niệm Phật chính là báo ân ? Đối với tổ tiên và quyến thuộc quá cố có tác dụng gì ? Rất đơn giản, lúc người mới mất sau khi chúng ta trợ niệm, thường phát hiện người chết tắt hơi rồi, nhưng gương mặt biểu lộ tình cảm vui tươi. Xưa nay người chết gương mặt thường xám đen hay trắng xám, song lúc chúng ta vì họ trợ niệm chí thành khẩn thiết, thì mặt và môi người chết có phần hồng hào hơn, điều này biểu thị người tuy chết nhưng thần thức của họ vẫn nghe được tiếng niệm Phật của chúng ta. Chỉ cần nghe được tiếng niệm Phật liền sinh khởi tâm tin ngưỡng, tâm hoan hỷ và tâm thanh tịnh, thì có thể lìa khổ được vui, nhất định vãng sinh Tịnh độ. Cho nên chỉ có làm như vậy mới là báo ân chân chính.

Những quyến thuộc đã mất thấy chúng ta niệm Phật, cúng Phật, lạy Phật họ rất hoan hỷ. Bởi vì lúc niệm Phật không nói lời xấu, không làm việc xấu. Do lẽ đó khiến cho người mất đối với bạn an tâm buông xả, lại còn cảm thấy rất an ổn, cho nên dùng niệm Phật để kỷ niệm và siêu độ họ là phương pháp tốt nhất. Thực ra mỗi năm đến lúc Thanh minh tảo mộ chỉ đem hương, đốt đèn, đốt vàng mã, cúng hoa tươi v.v... không bằng đến tham gia cộng tu niệm Phật một lần. Nói thế không phải tôi phản đối việc tảo mộ, mà tôi chỉ khuyên nên niệm Phật tốt hơn nhiều. Ngoài lúc Thanh minh tảo mộ cũng nên đến tự viện tham gia tu hành niệm

Phật báo ân bảy ngày, thì đối với người mất càng có ý nghĩa, càng có công đức. Cho dù là đến tùy hỷ niệm Phật một cây hương hoặc tham gia niệm Phật một ngày cũng rất tốt.

Tôi rất khâm phục lão Hòa thượng Đông Sơ tiên sư của tôi, ngài di chúc để lại yêu cầu chúng tôi sau khi chôn hoặc thiêu đều không nên lưu lại tro cốt hoặc xá lợi để cúng dường, mà nên đem tán ra trộn với bột thả xuống biển cho cá ăn để kết duyên. Lúc ngài còn tại thế từng nói với tôi : Làm người không nên ngu xuẩn quá lắm, đã biết đời sống đều là tướng giả tạm, sau khi chết lại còn làm mồ to mả đẹp, há chẳng đáng cười ư ? Tôi bèn theo di chúc của ngài mà làm. Thế nhưng sau khi hỏa thiêu tiên sư, phát hiện có rất nhiều xá lợi, tôi không dám làm nữa, lúc ấy rất nhiều tín đồ tranh nhau lấy. Có người thấy vậy nói với tôi rằng : Thưa Pháp sư Thánh Nghiêm, họ tranh nhau lấy xá lợi của Hòa thượng như thế, Trung Hoa Phật giáo Văn hóa quán của chúng ta có cần lưu lại một ít không ? Tôi trả lời : Đã có những người lấy cúng dường như thế chẳng phải là rất tốt hầy sao ? Thế nhưng cuối cùng tôi cũng vẫn phải theo ý kiến của họ lưu lại một ít xá lợi của Hòa thượng cúng dường tại Tổ đường. Song tôi cũng thể hội được ý tứ của Lão Hòa thượng, ngài không muốn chúng tôi lấy phong tục tảo mộ để kỷ niệm ngài, mà là phải tuân theo di chí của ngài để hoằng dương Phật pháp, tu hành

theo lời Phật dạy chính là kỷ niệm ngài, báo ân ngài, điều này so với sự cúng dường xá lợi của ngài hoặc dùng việc tảo mộ để kỷ niệm ngài thì có ý nghĩa hơn nhiều.

Hiện nay tôi kế thừa di chí của Hòa thượng, dùng Đạo tràng của ngài để lại, ngoài việc tu hành bản thân còn hoằng dương Phật pháp, chỉ đạo tu hành, dùng cách thức này để thay thế việc tảo mộ, làm kỷ niệm thì công đức càng lớn hơn. Thứ công đức này cũng không phải xuất phát nơi tôi, mà là do cái nhìn xa thấy rộng của Hòa thượng.

Quý vị có biết năm nay tôi bao nhiêu tuổi không ? (Đại chúng mặc nhiên lắc đầu). Bởi vì từ trước tới nay tôi không tổ chức sinh nhật, cho nên cũng quên mất mình bao nhiêu tuổi. Từ khi tôi ghi chép tư liệu truyện ký mà xét thì năm nay tôi đã 64 tuổi rồi, tôi vẫn có thể có 64 năm khác để sống không ? Không thể ! Quý vị cho là có thể nhưng tôi thì không tin như vậy. Do đó hôm nay tôi cũng tuyên bố : Sau khi tôi chết, không được chôn, cũng không được để vào trong tháp cốt hoặc tháp xá lợi, không thu xá lợi đem về cúng dường, tôi cũng muốn học theo Hòa thượng tiên sư của tôi. Khi tôi chết hàng đệ tử đem tôi hỏa thiêu, sau đó nghiền nát tro cốt rải trên Pháp Cổ Sơn. Hòa thượng tiên sư muốn tôi đem tro cốt của ngài rải xuống biển, lại bị trắc trở, riêng tôi thì quý vị không được tự ý đem tro cốt rải xuống biển. Tôi không muốn làm phiền

các đê tử, cứ đem rải trong rừng trên Pháp Cổ Sơn, trải qua thời gian gặp mưa theo nước chảy xuống các khe nước, rồi chảy ra biển cả. Tôi không muốn lưu lại thứ gì hết, chỉ hy vọng lưu lại hai câu :

*Đề cao phẩm chất con người
Kiến thiết Tịnh độ nhân gian*

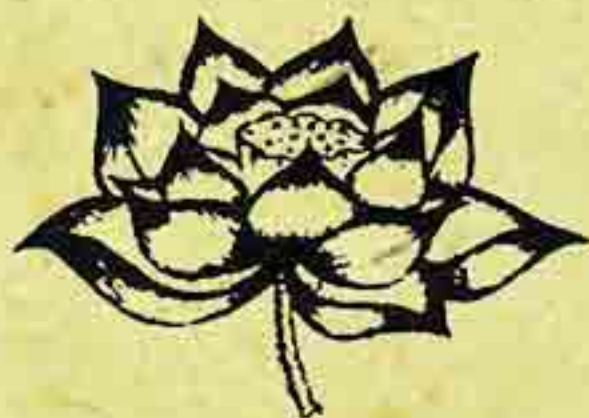
Nếu có thể thực hành được hai câu này tức là đã kỷ niệm tảo mộ tôi. Quý vị hiện nay đã hộ tôi tảo mộ sống, đúng không ? Đức Thích Ca nhập Niết bàn hơn 2500 năm. Chúng ta là đê tử rất khó mà đến được chỗ hỏa thiêu của Ngài để tảo mộ, mà chỉ có cách vâng theo lời dạy của Ngài, hoằng dương Phật pháp cúng dường Tam Bảo để kỷ niệm Ngài. Đó mới là việc làm đầy đủ ý nghĩa, mới chính là Phật tử chân chính.

Phương pháp báo ân tốt đẹp nhất là dùng thân thể mà cha mẹ đã tạo ra chúng ta, để làm những việc có lợi ích cho mình và cho chúng sinh, nói những lời có lợi ích cho mình và chúng sinh, nghĩ những gì có lợi ích cho mình và chúng sinh, đó mới là báo ân chân chính. Quý vị há chẳng nghe qua hai câu : “Thượng báo tứ trọng ân, hạ tế tam đồ khổ” sao ? Trên thực tế một mặt chúng ta nên phụng hiến thân mình để làm lợi ích chúng sinh; mặt khác, chúng ta cũng phải uống nước nhớ nguồn, tri ân báo ân. Các bậc đại đức cao tăng xuất gia cho đến hàng đại thiện tri thức tại gia thường hay nói câu : “Vì báo đáp ơn sâu Tam Bảo, thể

nguyện mãi về sau hiến thân mạng mình, trên cầu Phật đạo, dưới hóa độ chúng sinh, hoằng dương Phật pháp, hộ trì Tam Bảo”. Ý này cũng tức là nói : Ân Tam Bảo chúng ta không cách gì báo đáp, chỉ phải đem những gì mình biết, mình có để làm công tác học pháp, hoằng pháp và hộ pháp, mới thực là báo ân.

Quý vị đến đây tham gia Phật thất Thanh minh, tức là tu học Phật pháp, hộ trì Tam Bảo, cũng tức là báo ân. Quý vị nhất định phải biết câu : “Thừa tiên khai hậu” (kế thừa người đi trước, khai mở cho người sau). Chúng ta kế thừa di âm và phước trạch của tổ tiên, bao quát thân thể của chúng ta và hoàn cảnh sinh tồn, lịch sử của chúng ta và di sản văn hóa, chúng ta phải có trách nhiệm phát huy công năng tự lợi lợi tha, khiến cho di trạch của tổ tiên tồn tại mãi, đó mới thực là phương pháp báo ân tốt nhất. Thời quá khứ rất nhiều người Trung Quốc chỉ biết cha truyền con nối, vì tổ tiên giữ “hương hỏa”, nhưng lại không biết phát dương hương thơm đức hạnh của tổ tiên thêm sáng rõ, vì tổ tiên làm tăng ánh sáng đức hạnh, vì đời sau làm thêm phước, đó mới là sự truyền thừa tốt đẹp nhất. Không phải chỉ có lấy việc đốt hương, đốt giấy tiền để kỷ niệm tổ tiên mới gọi là “thừa tiên khai hậu”. Tín đồ Phật giáo chúng ta nên lấy việc tu học Phật pháp, tịnh hóa xã hội, để báo đáp ân đức của tổ tiên.

Ba năm trước tôi trở về Đại lục thăm người thân, gặp chị dâu thứ ba của tôi, chị ấy lặp đi lặp lại : Chú thấy đấy, tôi đã sinh cho họ Trương năm đứa con. Ý của chị ta nói là tôi xuất gia không có sinh cho dòng họ đứa con nào thật là bất hiếu. Chị ta đã sinh cho họ Trương chúng tôi những đứa con như thế mới trọn vẹn hiếu đạo. Tôi cười và nói : “Thật là cực khổ cho chị quá”. Đối với vấn đề này, tôi muốn hỏi quý vị, như tôi xuất gia làm Pháp sư như vậy, trọn đời tu học Phật pháp, quan tâm đến đại chúng, phục vụ cho mọi người, đối với cha mẹ tôi mà nói không phải là hiếu thuận và báo ân sao ?



2.- BỐN THỨ TÂM CỦA PHÁP MÔN NIỆM PHẬT

Dùng tin tâm đối với bản thể nguyện lực của Đức Phật A Di Đà.

Dùng chí thành tâm miệng niệm tâm nhớ.

Dùng thâm tâm niệm Phật niệm niệm buộc tâm.

Lại dùng hồi hướng phát nguyện tâm, đem công đức niệm Phật hồi hướng cho tất cả chúng sinh, đều lìa khổ được vui, đều tin Phật học Pháp kính Tăng, đều niệm Phật thành Phật.



Hôm nay tôi sẽ giảng về bốn thứ tâm của người tu hành theo pháp môn niệm Phật, đó là : Tín tâm, chí thành tâm, thâm tâm và hồi hướng phát nguyện tâm.

1.- Tín tâm

Ở trong Phật pháp cho dù tu pháp môn nào trước tiên phải có tín tâm, như trong kinh đã nói : Tín thì có thể vào. Người học Phật lấy tín tâm làm điều kiện trọng yếu thứ nhất. Đối tượng của tín tâm

là tin pháp mà Đức Phật Thích Ca Mâu Ni đã nói trong kinh, đều là chân ngữ thật ngữ, câu câu đều hữu dụng, chữ chữ quý như vàng. Đứng ở lập trường phàm phu dù không đủ sức làm được đều phải nên tin. Vì đó gọi là Thánh ngôn lượng, đối với lời nói của bậc đại Thánh Phật Đà, lời lời đều chân thật không được hoài nghi, không nên cân nhắc. Đặc biệt là phương pháp tu hành rất nhiều, có vô lượng pháp môn, mỗi một pháp môn đều tùy theo căn tính bất đồng. Người không cùng chủng loại với nhau có căn tính tương đồng và căn tính bất đồng. Người không cùng hoàn cảnh thời đại cũng có căn tính tương đồng và căn tính bất đồng, cần phải đem pháp môn vô lượng để tiếp dẫn chúng sinh vô biên. Cho nên lúc chúng ta nhận định chính xác và chấp nhận theo một vị Thiện tri thức nào tu hành, không nên hoài nghi về cá nhân họ nữa, cũng không nên hoài nghi về pháp môn mà họ đã dạy với pháp môn khác có giống nhau không? Có mâu thuẫn không? Trái lại thì sẽ không có cách gì sản sinh tín tâm kiên cố, cũng không đạt được chỗ thọ dụng chân chính.

Chúng ta đang ở trong khóa tu Phật thất, niệm là niệm Phật A Di Đà, tu là tu pháp môn Tịnh độ. Pháp môn này trong kinh Phật có hơn 60 loại nói về Tịnh độ phương Tây của Phật A Di Đà, trọng yếu nhất là Kinh A Di Đà, Kinh Vô Lượng Thọ và Kinh Quán Vô Lượng Thọ Phật, hợp lại gọi là ba kinh Tịnh độ. Ở vào thời đại Ngụy Tấn của Trung

Quốc (khoảng trước sau thế kỷ thứ 5 Tây lịch), việc tạo tượng Phật A Di Đà đã được thịnh hành. Ngài Đàm Loan thời Bắc Ngụy, ngài Huệ Viễn thời Đông Tấn, ngài Đạo Xước thời Tùy Đường, ngài Thiện Đạo thời Sơ Đường, về sau có các vị như Từ Mãn, Pháp Chiếu, Thiếu Khang v.v... hoàng dương Tịnh độ Di Đà, nghiêm nhiên trở thành một dòng chính lớn của Phật giáo Trung Quốc. Lần này các vị Bồ Tát đến bốn tự tham gia đả thất niệm Phật có hơn 380 vị là thuộc tổ Tịnh tấn, còn có khoảng 500 vị khác là tùy hỷ, trong số này có nhiều vị đã từng tu hành qua các pháp môn khác, cũng đến tham gia tu hành niệm Phật, điều này biểu thị đối với pháp môn Di Đà cũng có tín tâm. Cho nên nói đường nào cũng đến Trường An, tuy đường có khác mà đích đến là một, pháp môn tuy vô lượng, nhưng cùng mục đích là đưa người đến chỗ lìa khổ được vui, thành tựu đạo Bồ đề. Chúng ta nhất định phải tin pháp môn trước mắt đang tu trì là rất tốt, là rất đáng tin cậy.

Chúng ta tin gì ? Tin trong kinh điển nói có thế giới Cực lạc phương Tây, tin bản thệ nguyện lực của Phật A Di Đà tiếp dẫn chúng sinh hữu duyên đồng đăng chín phẩm sen ở cõi Tịnh độ phương Tây. Trước hết phải có tín tâm đối với bản nguyện của Phật A Di Đà, có tâm nguyện cầu sinh Tịnh độ, thì mới có thể quyết định được Đức Di Đà tiếp dẫn vãng sinh về thế giới Cực lạc phương Tây.

Thế nhưng phương pháp tu hành trong ba kinh Tịnh độ đã giới thiệu cũng có khác biệt. Kinh Quán Vô Lượng Thọ Phật chủ trương dùng 16 pháp môn quán tưởng, tu trì theo quán tưởng tam muội và niệm Phật tam muội để đạt thành mục đích vãng sinh ba bậc chín phẩm. Kinh Vô Lượng Thọ chủ trương tín ngưỡng 48 lời nguyện của Phật A Di Đà, y nguyện tu hành, cho dù phàm phu còn hoặc nghiệp cũng nhất định được vãng sinh Phật quốc. Kinh A Di Đà chủ trương lấy tín nguyện hành, chấp trì danh hiệu Di Đà, cầu nguyện vãng sinh cõi Phật. Kinh Quán Vô Lượng Thọ Phật cũng yêu cầu phải trì giới, tu phước, phát tâm Bồ đề. Kinh A Di Đà thì yêu cầu phải trì danh đến chỗ nhất tâm bất loạn. Kinh Vô Lượng Thọ chủ trương nếu chỉ có thể tin vui không sinh tâm nghi, từ mười niệm cho đến một niệm, người cầu nguyện vãng sinh cũng được như nguyện. Vì Phật giáo Trung Quốc xem trọng Kinh A Di Đà, cho rằng niệm Phật đến nhất tâm bất loạn mới có thể vãng sinh Tịnh độ phương Tây, do đó khiến cho rất nhiều người niệm Phật biến thành tự tử, không quản đến sự việc thế gian, chỉ cầu chuyên tâm niệm Phật, sợ đến lúc lâm chung không được nhất tâm bất loạn sẽ không được vãng sinh Cực lạc. Tín ngưỡng Tịnh độ của Nhật Bản thì không như vậy, họ xem trọng Kinh Vô Lượng Thọ, cho nên Tịnh độ tông của phái Pháp Nhiên, Tịnh độ Chân tông của phái Thân Loan, đặc biệt cường điệu bản nguyện tha lực của Phật A Di Đà, chỉ cần tin bản

nguyện của Đức Di Đà cũng có thể nương nhờ sức Phật mà được cứu, tư tưởng này cũng giống như niềm tin Thượng đế của Cơ Đốc giáo, nhưng trên thực tế thì chẳng đồng. Bởi vì tín đồ Cơ Đốc giáo tin Chúa, tự mình không thể thành Chúa được, còn tín đồ Phật giáo niệm Phật kết quả sẽ thành Phật. Hiện nay tôi chủ trương phải tin kinh Phật, tin lời Phật, nếu y theo Kinh A Di Đà trì danh hiệu Phật, từ một ngày đến bảy ngày nhất tâm bất loạn, lâm chung thấy Phật đến tiếp dẫn, quả là quý báu vô cùng, cho nên cần dùng phương thức tu Phật thất để trợ duyên tu chứng. Nếu căn cứ theo Kinh Vô Lượng Thọ thì trừ người phạm tội ngũ nghịch ra, người nào muốn sinh về cõi Tịnh độ nên hết lòng tin vui, cho đến niệm Phật mười niệm cũng đều quyết định vãng sinh. Theo phương pháp này thì không phải lo không được nhất tâm bất loạn và không được vãng sinh Tịnh độ nước Phật. Nếu y theo Kinh Quán Vô Lượng Thọ Phật thì so ra phiền phức hơn, phải chia làm ba điểm tiến hành tu trì Tịnh độ Di Đà. 1/ Tu ba phước (bao hàm luân lý thế gian, quy giới thập thiện, phát tâm Bồ đề, tụng kinh Đại thừa). 2/ Tu 16 pháp quán tưởng. 3/ Tu pháp chín phẩm vãng sinh. Cho nên kinh này tại Trung Quốc và Nhật Bản đều ít người tu. Thời xưa Trung Quốc và Nhật Bản xem trọng Kinh Vô Lượng Thọ. Người Trung Quốc hiện nay xem trọng Kinh A Di Đà, cứu cánh của pháp môn Tịnh độ ở tại chữ tín, có tin bản nguyện của Đức Di Đà, mới có thể niệm Phật vãng sinh. Ngay như Bồ Tát Long Thọ

cũng nói, Tịnh độ thuộc về đạo dễ hành nhờ tha lực trợ giúp, nếu tu thiên quán thì cũng giống như Kinh Quán Vô Lượng Thọ Phật nói, ngược lại có điểm giống như đạo khó hành phải tự lực giải thoát.

Pháp môn tu hành Tịnh độ Di Đà, pháp này sở dĩ được nhiều người sùng tín tại Trung Quốc và Nhật Bản, là ở chỗ bản nguyện tha lực của Đức Di Đà ban cho người ta tín tâm tuyệt đối an ổn, không phải suy nghĩ công đức của mình đã làm nhiều hay ít, cũng không cần quan tâm đến công sức lớn nhỏ mà mình tu chứng. Chỉ cần tín ngưỡng bản nguyện của Phật A Di Đà, lập thệ vãng sinh là được, sau đó có thể an tâm gánh vác những việc tự lợi lợi tha. Cho dù trì giới không nghiêm, phiền não chưa đoạn hết, cũng có Đức Phật A Di Đà y theo bản thệ nguyện lực của Ngài đến tiếp dẫn. Hành giả Tịnh độ có thể an tâm tu tập.

Quý vị Bồ Tát đến tham gia Phật thất thanh minh báo ân, chấp trì Thánh hiệu Di Đà, cần phải tin bản thệ nguyện lực của Đức Phật A Di Đà, tin người niệm Phật lúc lâm chung quyết định thấy được Đức Phật A Di Đà từ bi tiếp dẫn, trong bảy ngày tu có thể được nhất tâm niệm Phật rất tốt, cho nên cần phải mỗi niệm dùng tâm niệm. Nếu vẫn tán tâm niệm mà không được hiệu quả nhất tâm cũng không lo, như trong Kinh Quán Vô Lượng Thọ Phật đã nói, dù là người phạm tội ngũ nghịch thập ác, nếu đến lúc lâm chung gặp được bậc tri thức

dạy cho niệm Phật A Di Đà, niệm được mười niệm thì thấp nhất cũng được hạ sinh hạ phẩm vãng sinh Cực lạc. Thế nhưng đã đến đây tham gia Phật thất niệm Phật thì không được để tâm giải đãi, nếu bạn không kịp thời niệm Phật, niệm cho thành tập quán, đợi đến khi lâm chung, ai có thể bảo chứng bạn gặp được thiện hữu đến khuyến dẫn, ai lại có thể bảo chứng lúc ấy bạn còn đủ sáng suốt để niệm được mười niệm danh hiệu Phật A Di Đà ? Do đó phải ngay tại trong Phật thất này tinh tấn niệm Phật, nếu có thể trì niệm liên tục mọi lúc mọi nơi, thì đó là sự chuẩn bị rất tốt cho việc vãng sinh cõi nước Cực lạc phương Tây.

2.- Chí thành tâm

Là tâm khẩn thiết, tâm thiết tha, không phải lòng này ý khác, tinh khí bốc đồng, làm lấy lệ cho xong. Lúc niệm Phật phải miệng niệm tâm nhớ, như Đức Phật A Di Đà đang ở trước mặt mình, tiếng từ miệng xuất, lại từ tai vào, tiếng tiếng in vào ruộng tâm, câu câu đều từ tâm xuất. Niệm niệm đều là danh hiệu Phật, chỗ chỗ đều là cõi Phật. Nếu như không có cách gì chuyên tâm niệm Phật thì nên quán tưởng : bạn là hành khách trên chiếc thuyền, gặp phải nạn biển bị bể, trôi hụp trong những cơn sóng dữ. Rất may lúc ấy bạn với được tấm ván thuyền bể, tất phải nắm chắc ôm chặt, không được sơ suất, ngược lại sẽ bị sóng to nhận chìm. Chỉ cần sơ ý lỏng tay một chút là tấm ván vọt ra khỏi tay

trôi đi biên biệt, khi đó muốn nắm giữ cũng không còn kịp nữa. Lúc ấy thân bạn ở trong biển cả mênh mông, chỉ còn có con đường chết mà thôi. Lúc chúng ta niệm một câu danh hiệu Phật, cũng giống như người ở trong biển cả mênh mông sắp bị chết chìm ôm được tấm ván thuyền kia, ôm giữ danh hiệu Phật để niệm cũng vậy, lúc niệm phải đem danh hiệu Phật làm chiếc ván nổi cứu mạng trong biển, không thể đem tâm lơ là mà niệm Phật. Tôi tin rằng quý vị đã xem câu biểu ngữ treo trên điện Phật tại Nông Thiên tự này rồi : “Miệng cùng với tâm tiếng tiếng tương ứng, niệm cùng với Phật bước bước không lìa”. Lúc ngồi niệm Phật thường dùng câu thứ nhất, dùng sức niệm lớn tiếng, dùng tâm niệm cao tiếng. Lúc kinh hành niệm Phật, thường dùng câu thứ hai, mỗi một câu niệm đều cùng với danh hiệu Phật tương ứng, mỗi một bước đều phối hợp với tiết tấu niệm Phật, niệm niệm không gián đoạn, bước bước không xa lìa. Đem toàn bộ ba nghiệp thân khẩu ý chăm chú vào từng câu niệm Phật.

3.- Thâm tâm

Phẩm Phật quốc trong Kinh Duy Ma có nói : “Thâm tâm tức là Tịnh độ”, còn trong phẩm Bồ Tát của kinh này thì lại nói : “Thâm tâm là đạo tràng hay tăng trưởng công đức”. Tín tâm kiên cố không lay chuyển là do chỗ kinh nghiệm tu chứng và sự ứng nghiệm niệm Phật mà có. Khởi tâm niệm niệm buộc tâm niệm Phật, khi thành thói quen rồi thì tự

nhiên lúc nào cũng niệm Phật, đó chính là thâm tâm niệm Phật. Nếu lúc niệm lúc không, ngày có ngày không, một ngày nóng mười ngày lạnh, thì đó là thiếu tâm niệm Phật. Nếu vừa niệm Phật lại vừa khởi vọng tưởng, vừa niệm Phật lại vừa hôn trầm ngủ gục thì đó là thiếu tâm niệm Phật.

Ngài Vĩnh Minh Diên Thọ ở vào đầu đời Tống cuối đời Đường, đề xướng Thiền Tịnh song tu, nhưng lại lấy Tịnh độ làm chỗ quy thú, mỗi ngày trì niệm danh hiệu Phật A Di Đà 100.000 câu. Đây là tấm gương của thâm tâm niệm Phật, phải niệm liên tục cả lúc ăn cơm, làm công việc, đi vệ sinh, không lúc nào lìa câu niệm Phật mới có thể một ngày niệm đủ số 100.000 câu. Nếu có thể thâm tâm niệm Phật như vậy thì phiền não vọng tưởng không có cách gì sinh khởi được.

Đủ chứng tỏ thâm tâm tức là tâm vi tế miên mật, là định tâm thật sự, là huệ tâm sáng suốt. Nếu có thể dùng thâm tâm niệm Phật, thì chính là nhất tâm niệm Phật, như vậy không chỉ thông đạt sự nhất tâm, cũng có thể tương ứng với lý nhất tâm. Không chỉ nhất định được vãng sinh Tịnh độ phương Tây, còn có thể tự mình thể nghiệm được Tịnh độ tự tính và Tịnh độ tự tâm. Thảo nào ngài Vĩnh Minh Diên Thọ chủ trương Thiền Tịnh song tu, khác đường nhưng chung mục đích đến. Nếu có thể thâm tâm niệm Phật cho đặc pháp đặc lực, thì đã thông cả cửa ngõ của người tu thiền rồi.

4.- Hồi hướng phát nguyện tâm

Ý cặn của hồi hướng là đem mục đích niệm Phật mà cầu vãng sinh Tịnh độ phương Tây, là đem tất cả công đức tu hành hồi hướng vãng sinh thế giới Cực lạc phương Tây. Ý sâu của hồi hướng là phát tâm Bồ đề rộng độ chúng sinh, nghĩa là nguyện đem công đức niệm Phật của mình hồi hướng cho tất cả chúng sinh, đều lìa khổ được vui, đều tin Phật học Pháp kính Tăng, đều niệm Phật, thành Phật. Cũng đem công đức niệm Phật hồi hướng cải biến chúng sinh có tâm cang cường, khiến cho họ hồi tâm tin ngưỡng Phật giáo, tu học Phật pháp, sớm được vãng sinh về thế giới Cực lạc, sớm thành tựu Vô thượng Bồ đề. Đủ biết mục đích hồi hướng niệm Phật có hai : cầu nguyện mình được vãng sinh, cầu phước cho tất cả chúng sinh đều được vãng sinh.

Không nên chỉ vì tự mình cầu vãng sinh Tịnh độ mà niệm Phật, còn phải vì tổ tiên được vãng sinh phương Tây mà niệm Phật, cũng nguyện cho tất cả chúng sinh nhờ sự niệm Phật của chúng ta mà được vãng sinh phương Tây. Cho nên ý của hồi hướng phát nguyện tâm và phát đại Bồ đề tâm tương ứng tương thông.

Thông thường người ta đến tham gia niệm Phật cộng tu Phật thất, chỉ mong tự thân được tiêu tai giải nạn gặp điều may mắn. Khi chúng ta nghe lời khai thị trên rồi, phải biết ngoài việc tự thân cầu

phước cầu tiêu tai khỏi nạn, chúng ta niệm Phật, lễ Phật, kinh hành, làm các việc công đức, nên vì phát tâm Bồ đề rộng độ chúng sinh. Xưa nay oán thân trái chủ của chúng ta, nhờ đem công đức tu hành này hồi hướng cho họ, họ sẽ biến thành kẻ hộ trì, tăng thượng duyên cho chúng ta, giúp chúng ta tiêu tai khỏi nạn. Thế nhưng chẳng thể nói nhờ bạn niệm một vài câu danh hiệu Phật mà có thể tiêu tai được, mà là do oán thân trái chủ thấy bạn phát tâm Bồ đề đại nguyện, tương lai bạn sẽ thành Bồ Tát, Phật, thì oán thân bình đẳng, cho nên không quấy rầy bạn nữa, họ cũng nhờ sự tu hành niệm Phật của bạn mà được lợi ích, đủ thấy niệm Phật rất tốt. Như vậy điều tốt ấy từ đâu đến ? Là từ trong phát nguyện hồi hướng mà đến, là từ trong sự phát Bồ đề nguyện rộng kết thiện duyên mà đến.



3.- BỐN LOẠI TỊNH ĐỘ TÙY BẠN THÍCH

Người có trí tuệ biết rằng phạm sự việc gì đều có nguyên nhân của nó, không nên oán trời trách người, vì có oán trách cũng không bổ ích gì, tuy sinh nơi ác thế ngũ trược của thế giới Ta Bà, nhưng vẫn có thể hưởng được sự tự tại vô ngại của Tịnh độ nước Phật.



Hôm nay tôi sẽ giảng cho quý vị về các loại Tịnh độ, tổng hợp từ trong các kinh luận thì có thể chia làm bốn loại là : Tịnh độ nhân gian, Tịnh độ thiên quốc, Tịnh độ Phật quốc, Tịnh độ tự tâm. Tôi đã viết một bài khảo sát tư tưởng Tịnh độ đăng trong Hoa Cương Phật học học báo, giới thiệu và so sánh rất rõ về bốn loại Tịnh độ trên, về sau lại được trích đăng trong “Mục ngu dũ tâm kiếm”, quý vị muốn tham khảo thêm nên tìm đọc.

Hôm nay tôi sẽ từ góc độ của cuộc sống hiện thực mà bàn về bốn loại Tịnh độ này.

1.- Tịnh độ nhân gian

Ý của Tịnh độ nhân gian là chỉ cho hoàn cảnh sinh hoạt hiện thực của chúng ta tức là Tịnh

độ. Nơi chúng ta đang ở trong kinh Phật gọi là thế giới Ta Bà đầy dẫy khổ nạn. Kinh A Di Đà hình dung là kiếp, kiến, phiền não, chúng sinh, mạng đều là “ngũ trước ác thế” không trong sạch. Thế nhưng lúc chúng ta nghe pháp Phật, tu hành giới định huệ, thậm chí chỉ cần có một người tu hành, người ấy liền thấy Tịnh độ, nếu có hai người tu hành, hai người ấy có thể thấy Tịnh độ, nhiều người tu hành thì nhiều người đều có thể thấy được Tịnh độ nhân gian. Nếu do tu hành mà thể nghiệm được sự thanh tịnh của thân tâm thì Tịnh độ hiển hiện trước mặt của bạn.

Hay trì tịnh giới thì không tạo nghiệp ác, ba nghiệp thân khẩu ý dần dần thanh tịnh, tuy ở tại nhân gian nhưng trong tâm không còn lo sợ cảm thọ khổ báo, đã không sợ thì không có ưu sầu, không nghĩ đến việc trốn thoát, cõi đời này há chẳng phải là Tịnh độ ư!

Hay tu thiên định, nội tâm tự nhiên bình an. Bình an là không bị hoàn cảnh quấy rối mà khởi phiền não, không vì sự động loạn của hoàn cảnh mà nội tâm khởi sóng gió không yên. Tâm định như nước lặng yên, như gương trong sáng, như khoảng trời xanh biếc vạm vỡ không mây, thì thân thể tuy trụ cõi đời xấu ác năm trước cũng không khiến chúng ta cảm thấy phiền não bất an, có thể xem thế giới dơ bẩn này là Tịnh độ nhân gian.

Ví như có một lần chiếc xe hơi của chúng tôi đang chạy trên đường cao tốc, đột nhiên phát hiện bên cạnh có một chiếc xe hơi chạy rất nhanh đang vượt qua chiếc xe của tôi, ngoài ra, phía sau lại có một chiếc xe hơi tăng tốc chạy bám sát cũng muốn vượt vào con đường phía trước mặt chúng tôi, kết cục khiến cho xe của chúng tôi tiến thoái không được, nếu chạy nhanh sẽ đâm vào xe trước, còn chạy chậm sẽ bị xe sau đâm vào xe mình. Đệ tử của tôi quá sợ hãi, người thì la lên, người thì tái mặt, tâm lo sợ không yên. Tôi ngồi kế bên người lái xe trước sau vẫn giữ thái độ trầm mặc. Một lúc sau qua khỏi nguy cơ rồi, họ bèn hỏi tôi : Bạch sư phụ, sư phụ không sợ sao, còn một chút xíu nữa là bị xe tông chết rồi ? Tôi nói : Đã có sư phụ ở trên xe rồi còn gì phải lo sợ xe tông. Trên thực tế câu nói ấy là để cho họ an tâm thôi. Tôi lại nói : Đã chết thì không chết cũng không được, sợ cũng chẳng có tác dụng gì. Không chết, dù thế nào cũng không chết, cho nên chẳng có gì phải sợ. Về sau quý vị phải học tập thái độ như vậy, giữ tâm bình khí hòa cẩn thận khi lái xe. Họ lại nói : Bạch sư phụ, chúng con chưa có cách gì công phu được như vậy. Tôi bèn khuyến khích họ : Quý vị mỗi ngày phải tập ngồi tịnh, giữ cho tâm được bình tĩnh, khi gặp phải tình huống như vừa này sẽ không bị hoảng hốt, biết cách ứng phó xử lý vấn đề. Nếu gặp việc nguy cấp mà la toáng lên thì không giải quyết được gì cả.

Phải tùy cơ ứng biến, gặp việc nguy không được rối loạn, nếu có định lực biết rằng thiên hạ vốn vô sự thì mọi việc sẽ xử lý tốt.

Nếu hay tu trí tuệ thì không khởi phiền não. Trí tuệ vô ngã có thể từ chỗ nghe Phật pháp, thể nghiệm Phật lý, phản quan tự ngã, nhìn thấu nhân sinh mà có được. Cũng có thể từ tu hành bố thí, rộng kết thiện duyên, thường biết hổ thẹn, và từ trong chỗ tu thiền định mà có được. Người có trí tuệ thì không dùng tâm phiền não để xử lý việc của chính mình, lại khéo dùng tâm bình thường để đối diện với hoàn cảnh trước mắt. Đã chấp nhận xem nhân gian là hoàn cảnh tu hành đạo Bồ Tát, thì việc thiện ác, được mất, phải trái, lợi hại xem như những hiện tượng do nhân duyên giả sinh giả diệt, không vì vui quá phát cuồng, cũng không phải đau khổ mà muốn chết.

Người có trí tuệ biết rõ sự phát sinh của tất cả hiện tượng trên thế gian, đều có nguyên nhân của nó, nếu có thể nỗ lực đem sự việc trước bổ cứu cho sự việc sau thêm hoàn thiện thì rất tốt, oán trời trách người thì vô ích, việc gì phải si mê phiền não cho mệt.

Cho nên người có trí tuệ tuy sống nơi đời ác năm trước của cõi Ta Bà này, nhưng vẫn có thể hưởng thụ được sự tự tại vô ngại của Tịnh độ Phật quốc.

2.- Tịnh độ thiên quốc

Tu hành thập thiện thì sinh lên cõi trời (thiên quốc). Cõi trời vẫn nằm trong phạm vi tam giới, vẫn còn hữu lậu hữu hạn. Do nhờ tích phước mà hưởng thụ dục lạc ở cõi trời Dục giới, hoặc nhờ tu thiên định mà hưởng thụ định lạc ở các cõi trời Thiên. Song lúc hưởng thụ hết phước báo ở cõi trời Dục, lúc định lực thoái thất ở cõi trời Thiên, lại phải từ cõi trời rớt xuống nhân gian hoặc có thể đọa lạc nơi tam đồ ác đạo. Cho nên dù cõi trời đáng ưa nhưng một ngày nào đó lại trở thành khói mây qua mắt. Chẳng qua sinh lên cõi trời hưởng thụ phước trời một thời gian nào thôi, so với các hiện tượng tai nạn, những khốn ách ở nhân gian thì cõi trời đã là một mảnh Tịnh độ rồi. Trong cõi trời Dục giới không có loạn lạc, không có tội phạm, không có tai biến, không có bệnh tật, muốn ăn có ăn, muốn mặc có mặc, bay đi tự tại, đến đi tùy ý, thân nhẹ như hư không, sở cầu như ý, kỹ nhạc tùy thân, tuyệt không tối tăm. Cho nên có rất nhiều tôn giáo khuyến khích tín đồ cầu sinh thiên quốc. Chỉ có điều họ không biết khi được sinh lên trời rồi một ngày nào đó cũng hưởng hết phước, lúc ấy có năm thứ tướng suy hiện ra trước mắt, cho dù quý như vua trời Đao Lợi, cũng chung số phận như Kinh Niết Bàn quyển 19 đã nói “Thích Đề Hoàn Nhân, mạng sống sắp hết, có năm tướng hiện : 1/ Y phục dơ bẩn. 2/ Hoa trên đầu khô héo. 3/ Thân thể hôi hám. 4/ Nách ra mồ hôi. 5/ Không

ưa chỗ ngồi”. Cho nên đối với người thông thường, cõi trời là Tịnh độ. Còn đối với tín đồ Phật giáo thì cho rằng thà sinh tại nhân gian tu học Phật pháp, còn hơn là sinh về thiên quốc để hưởng phước trời.

Căn cứ theo kinh Phật, cõi trời có hai loại, một là chỗ ở của hàng phàm phu hữu lậu, hai là chỗ ở của hàng Bồ Tát bồ xứ. Như Đức Phật Thích Ca Mâu Ni trước khi thành Phật thân sau cùng của Bồ Tát ở trên trời Đâu Suất, đồng thời Ngài cũng giới thiệu đức Bồ Tát Di Lạc sẽ đến nhân gian thành Phật, hiện nay cũng đang ở cõi trời Đâu Suất tầng thứ tư của cõi trời Dục giới. Cõi trời này chia thành hai viện nội ngoại, ngoại viện là nơi ở của hàng phàm phu dục lạc, nội viện là khu giáo hóa của đức Di Lạc, thật là Tịnh độ thiên quốc thanh tịnh. Ở đây khác với phàm phu cõi trời Dục là thấy được pháp tướng của đức Di Lạc, thân nghe ngài thuyết pháp, không chỉ hưởng thụ phước trời mà còn tu hành Phật pháp. Cho nên nếu đại chúng muốn sinh về cõi trời thì khuyên quý vị nên chọn nội viện Đâu Suất của Bồ Tát Di Lạc thì tốt hơn. Đợi đến lúc Di Lạc hạ sinh nhân gian thành Phật, chúng sinh ở nội viện Đâu Suất đều theo đức Di Lạc giáng sinh nhân gian, đều trở thành đệ tử của Phật, cùng chung tu hành, tịnh hóa nhân gian, Long hoa tam hội, người người ở trong hội chúng đều được giải thoát. Chỉ cần sinh lên nội viện Đâu Suất của Di Lạc thì đã bảo đảm được giải thoát rất ráo. Vì trong Kinh Di

Lặc Hạ Sinh có nói Di Lặc sẽ ở dưới cây Long Hoa. Hội đầu thuyết pháp có 96 ức người đắc A la hán, đại hội thứ hai nói pháp có 94 ức người đắc A la hán, đại hội thứ ba nói pháp có 92 ức người đắc A la hán. Trong ba hội độ thoát tất cả chúng sinh hữu duyên. Cho nên Phật giáo sử Trung Quốc, từ lúc Pháp sư Đạo An thời Đông Tấn khai thủy, trải qua Đại sư Huyền Trang, Đại sư Khuy Cơ đời Sơ Đường, Đại sư Thái Hư thời cận đại cho đến Pháp sư Từ Hàng viên tịch tại Đài Loan, các ngài đều phát nguyện vãng sinh Tịnh độ thiên quốc nội viện Đâu Suất.

3.- Tịnh độ Phật quốc

Phật quốc tại đâu ? Là chỉ cho quốc độ do phước đức trí tuệ và bản thể nguyện lực của chư Phật tạo thành, Tịnh độ này có hai tác dụng : Một là thị hiện công đức quả báo của Phật, hai là tiếp dẫn hóa độ tất cả chúng sinh hữu duyên, tu học Phật pháp, đồng thành Phật đạo, cho nên gọi là Tịnh độ Phật quốc.

Đức Thích Ca tại thế giới uế độ này thành Phật, nhưng Kinh Đại Bát Niết Bàn quyển 24 thì nói : “Chỗ nói chư Phật xuất hiện nơi thế giới bất tịnh”. Kinh Pháp Hoa quyển 5 cũng nói : “Núi Linh Thứu ở Ấn Độ nằm trong cõi Tịnh độ”. Đủ chứng tỏ hễ chỗ nào có Phật nơi đó là Tịnh độ Phật quốc. Song tổng hợp trong các kinh luận thì Tịnh độ Phật quốc chia làm ba, chỗ ở Pháp thân Phật tự tính, chỗ ở Báo

thân tự tha thọ dụng, chỗ ở Ứng hóa thân Phật, cho nên mới có luận về ba thân, bốn độ. Như các ngài Pháp Thường, Trí Nghiễm, Đạo Tuyên, Đạo Thế đời Đường, có thuyết bốn loại Tịnh độ là : Pháp tính, Thật báo, Sự, Hóa như : Pháp thân Phật ở tại Pháp tính độ, Tự thọ dụng thân Phật ở tại Thật báo độ, Tha thọ dụng thân Phật ở tại Sự Tịnh độ, Ứng hóa thân Phật ở tại Hóa Tịnh độ. Ngài Thiên Thai Trí Khải thì chủ trương : 1/ Phạm thánh đồng cư độ như thế giới Cực lạc phương Tây. 2/ Phương tiện hữu dư độ, là chỗ ở của Bồ Tát địa tiền và hàng Thánh nhân nhị thừa. 3/ Thật báo vô chướng ngại độ, là chỗ ở của Pháp thân Bồ Tát từ Sơ địa trở lên. 4/ Thường tịch quang độ là chỗ qua lại của chư Phật Như Lai. Bốn độ phối hợp với ba thân là lấy Ứng hóa thân Phật trụ ở Đồng cư độ và Phương tiện hữu dư độ. Báo thân Phật trụ ở Thật báo độ, Pháp thân Phật vĩnh trụ ở Tịch quang độ.

Từ Kinh A Di Đà có thể thấy được Tịnh độ chư Phật sáu phương, cho đến quốc độ Cực lạc của Phật A Di Đà, nếu theo chỗ thấy của ngài Trí Khải đều là chỗ ở của Ứng hóa thân Phật, trên thực tế có Tịnh độ chư Phật mười phương vô lượng vô số, và chúng ta có nhân duyên rất lớn với cõi Tịnh độ của Phật A Di Đà ở thế giới Cực lạc phương Tây. Nương bản nguyện của Phật, phàm phu có thể vãng sinh Phật quốc còn ba cõi Tịnh độ kia đều phải tự tu phước trí mới được kết quả hiện tiền.

Điều kỳ lạ là chúng ta ở thế giới này, thường thường lúc sống cầu xin Đức Phật Dược Sư độ cho được trường thọ bất tử, tiêu tai khỏi nạn, nhưng lại không nghĩ đến về cõi Tịnh độ Lưu Ly Quang phương Đông, lúc sắp chết chỉ mong cầu vãng sinh thế giới Cực lạc phương Tây của Phật A Di Đà, dường như hai vị Phật này, một vị là thọ tinh, một vị là thần chết. Loại quan niệm này đã đem tín ngưỡng Tịnh độ làm sai lệch đi. Thật ra trong “Đông phương Tịnh độ phát vi” của Pháp sư Ấn Thuận có nói : “Sự nhiếp hóa của Tịnh độ phương Đông đối với hàng chúng sinh ở cõi này, không những sau khi chết được an ổn, mà hiện đời cũng có thể miễn trừ các loại tai nạn nguy ách”. Ngài lại nói : “Cầu vãng sinh phương Tây mà không thành tựu, cũng có thể thừa uy quang của Phật Lưu Ly Quang, lúc sắp mạng chung, được sự nhiếp dẫn của tám vị đại Bồ Tát mà đến được phương Tây”. Pháp sư Ấn Thuận còn nói : “Phật và Tịnh độ là sự phạm, là thế giới lý tưởng của chúng ta, nhưng đồng thời chẳng phải chỗ hướng ngoại tìm cầu mà là thể hiện đức hạnh ở bên trong”. Ngài lại nói : “Nếu giác ngộ được pháp tính thanh tịnh, viên mãn rốt ráo, đó là Lưu Ly Quang Phật”. Đủ chứng tỏ tư pháp môn Dược Sư cũng có thể tương thông với Tịnh độ của Phật A Di Đà phương Tây. Kẻ phàm phu công cạn chướng sâu, tu Tịnh độ phương Đông và Tịnh độ phương Tây đều được vãng sinh Phật quốc. Nếu là chúng sinh công sâu chướng ít, dù chuyên tu pháp môn

Tịnh độ nào cũng sẽ tự thân thấy được Di Đà Như Lai tự tính, Phật Lưu Ly Quang Pháp thân.

Song mục đích Tịnh độ Phật Dược Sư, ở chỗ khích lệ nhân gian, tịnh hóa nhân gian, đó là sự thật, vậy mà trong Kinh Dược Sư cũng vẫn tán thán Tịnh độ phương Tây. Vì Tịnh độ của Phật A Di Đà là ba căn thượng trung hạ đều độ tận. Bất luận thượng trí hạ ngu chỉ cần tin vào nguyện lực của Phật A Di Đà, nguyện sinh về Tịnh độ phương Tây liền được Đức Phật từ bi nhiếp thọ, tiếp dẫn vãng sinh. Do đó trong các kinh điển Đức Phật Thích Ca đều hết sức tán thán nguyện lực rộng sâu của Phật A Di Đà. Nhất là khiến cho rất nhiều chúng sinh nghị lực yếu kém, không đủ tự tin đều có thể nhờ nguyện lực này mà được bảo đảm vãng sinh Phật quốc. Nhờ nguyện lực này mà lòng người được an định, tin tâm được tăng trưởng, được công đức lớn. Cho dù trình độ tu hành của mình như thế nào đi nữa, chỉ cần đầy đủ đức tin vào bản nguyện lực của Phật Di Đà, cho đến niệm Phật mười tiếng thì có thể vãng sinh cõi nước Cực lạc. Đủ chứng tỏ pháp môn Tịnh độ của Phật A Di Đà có chỗ thù thắng độc đáo như thế.

4.- Tịnh độ tự tâm

Tịnh độ tự tâm tức là nói ở trong tâm của mỗi người, dù phàm hay thánh vốn đầy đủ Phật tính. Cũng tức là từ xưa tới nay chưa từng xa lìa Tịnh độ Phật quốc. Hôm qua đã nói đến thâm tâm, tức là

tâm chúng sinh và tâm Phật tương đồng, thế giới chúng sinh và cõi Phật không khác. Chẳng qua tâm chúng sinh bị phiền não ngăn che, không cách gì thấy được bản tâm thanh tịnh bất động, cũng không cách gì thể hội được sinh hoạt ở Tịnh độ Phật quốc. Nếu có thể soi thấu phiền não lưới trần, xét rõ chỗ sâu xa của tâm thì sẽ phát hiện tâm Phật tức là tâm mình, thế giới này với Phật quốc giống nhau. Bởi vì nếu tâm thanh tịnh nhìn thế giới này cũng thanh tịnh, nếu tâm không thanh tịnh thì hoàn cảnh sinh hoạt sẽ là khổ hải vô biên.

Thế giới Hoa Tạng trong Kinh Hoa Nghiêm, pháp môn Tâm địa Bồ Tát trong Kinh Phạm Võng, Tịnh độ Linh Sơn trong Kinh Pháp Hoa, chân tâm, thâm tâm trong Kinh Duy Ma là Tịnh độ Bồ Tát. Lại nói : “Tùy tâm mình tịnh thì quốc độ tịnh” v.v... đều là chỉ cho Tịnh độ tự tâm. Ngay như tại Trung Quốc, các vị như Tri Lễ và Nguyên Chiếu đại học giả Thiên Thai đời Tống, các bậc thầy như Duy Tắc đời Nguyên v.v... đều chủ trương tư tưởng duy tâm Tịnh độ, đề xướng thuyết “Duy tâm Tịnh độ, bản tính Di Đà”. Và nói, mười phương vi trần quốc độ chỉ là cõi trong tâm của ta. Lại nói : “Cực lạc há chẳng phải duy tâm Tịnh độ sao?”. Đại sư Ngẫu Ích cuối đời Minh cũng chủ trương : “Tâm này là Phật, tự tâm làm Phật”. Dùng niệm Phật tam muội mà vượt thẳng tam giới liền thấy duy tâm Tịnh độ. Dùng phương tiện tha lực mà vượt ngang tam giới, thì sinh

Tịnh độ phương Tây. Điều này cũng rất giống với chỗ nói trong Đàn Kinh của Lục Tổ Huệ Năng bên Thiên tông như : “Người mê niệm sinh cõi kia, người ngộ tự tịnh tâm mình”.

Làm thế nào để tự tịnh tâm của mình ? Người thường không dễ gì thể hội được, đương nhiên cũng không làm được. Nếu người tu pháp môn niệm Phật, ngay lúc niệm Phật đem tất cả tạp niệm trong tâm buông bỏ hết, chỉ chuyên tâm niệm Phật, tâm này với Phật tương đồng, trong tâm lúc ấy không có tạp niệm như lo sợ, hoài nghi, tham, sân, kiêu ngạo v.v... Nếu có thể tiến thêm một bước, trong khoảng nhất thời toàn bộ tạp niệm lìa bạn mà đi, lúc ấy cùng với Tịnh độ của Phật tương ứng. Một niệm tương ứng một niệm thấy Tịnh độ, hai niệm tương ứng hai niệm là Tịnh độ, niệm niệm tương ứng niệm niệm trụ nơi Tịnh độ.

Tuy ở giai đoạn phàm phu không thể niệm niệm tương ứng với Phật, không thể niệm niệm trụ nơi Tịnh độ. Nhưng nếu bạn niệm niệm niệm Phật, niệm niệm đặt nền tảng ở tín tâm, thâm tâm, chí thành tâm, hồi hướng phát nguyện tâm thì sẽ dần nhập cảnh diệu, thiên hạ vốn vô sự, vọng tưởng từ đâu khởi. Niệm niệm đều ghi nhớ danh hiệu Phật, giữ cho thường hằng, thời gian không lâu có thể tu thành niệm Phật tam muội, Tịnh độ tự tâm hiện bày rõ ràng. Người công phu cạn có thể cảm ứng được Tịnh độ phương Tây, người công phu sâu thì thấy được

Phương tiện độ và Thật báo độ, cho đến Thường tịch quang Tịnh độ, chỉ có Phật với Phật mới qua lại thấy được.

Tôi có một người đệ tử tu hành ở trong núi sâu, ban ngày thì rất tốt, chiều tối khi ngồi thiền nghe rất nhiều chúng sinh ở gần đó dọn nhà, nhóm họp, cãi nhau bèn mở cửa ra quan sát rất kỹ, nhưng không thấy gì cả, lúc trở lại ngồi thiền tiếp thì lại nghe những tiếng ấy. Ông ta nghĩ : Hiện tại tâm ta bị cảnh chuyển, phải làm sao cho cảnh tùy tâm chuyển mới đúng. Vì thế ông ta quán tưởng những tiếng quấy nhiễu kia đều là y chính trang nghiêm của thế giới Cực lạc, đều là tiếng niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng, nghe âm thanh này cũng giống như nghe âm thanh của thế giới Cực lạc phương Tây. Quán tưởng như thế chẳng bao lâu những âm thanh kia không còn nghe nữa.

Lấy một ví dụ khác xuất phát ở Nghị viện Văn hóa, có một vị nhân viên cao cấp của chính phủ đương nhiệm, mới vừa học Phật nhưng lại học chú Chuẩn Đề. Mỗi lần ông đến nghị viện, các nghị viên đều dùng đủ loại ngôn từ để chọc giận ông, làm nhục ông, phê bình ông. Trước đây ông rất dễ nổi nóng, thậm chí có lúc muốn từ quan không làm nữa, nhưng nay, ông đã định tâm bình tĩnh lắng nghe tất cả, thuật hàng phục của ông là mặc niệm chú Chuẩn Đề, viết chú Chuẩn Đề, một bên nghe nghị viên chỉ trích, một bên tâm niệm một bên tay

chép. Lúc nghị viên trách mắng ông, vẫn cho là ông đang ghi chép rất nghiêm chỉnh. Lúc bị trách mắng đã không phản bác, lại còn mỉm cười vui vẻ. Sau khi các nghị viên la mắng xong, ông chỉ đứng lên nói : “Xin đa tạ các nghị viên, tôi xin tiếp thu hết tất cả”. Lần nào ông cũng làm như vậy và cảm thấy phiền não ít đi, các nghị viên đối với ông cũng hòa nhã lại, thật là đạt được mục đích cảnh tùy tâm chuyển.

Đủ chứng tỏ, nếu không bị hoàn cảnh làm cho dao động trong tâm mình chính là Tịnh độ. Tịnh độ tự tâm tuy không ở ngoài tâm, song hoàn cảnh bên ngoài cũng tùy theo tâm bạn mà chuyển. Đây là điều rất thiết thực, cứ làm rồi sẽ thấy.

Niệm Phật liền thấy Phật, tâm tịnh quốc độ tịnh.



4.- SIÊU ĐỘ KẺ CÒN NGƯỜI MẮT

Siêu độ là dùng sự hiểu biết và thực hành, tín ngưỡng và kinh nghiệm tu học Phật pháp, giúp cho người ta từ trong khổ nạn đạt được an lạc, từ trong nguy hiểm đạt được an toàn, từ trong trói buộc đạt được giải thoát.



Nhân dịp Thanh minh báo ân, rất nhiều người vì tiên vong thân hữu lập bài vị siêu độ. Cho nên buổi khai thị chiều nay là : Siêu độ gồm có hai loại lớn : 1/ Siêu độ đối với vong linh. 2/ Siêu độ đối với người sống.

Ý nghĩa siêu độ là dùng sự hiểu biết và thực hành, tín ngưỡng và kinh nghiệm tu học Phật pháp, giúp cho người ta từ trong khổ nạn đạt được an lạc, từ trong nguy hiểm đạt được an toàn, từ trong trói buộc đạt được giải thoát.

Có một vị cư sĩ từ Cao Hùng đến, chiều nay sẽ siêu độ cho tôi, vì ông ấy thấy tôi đã suy yếu, có hơi mà không có lực, công việc thì lại bề bộn quá nhiều, cho rằng tôi sống rất thống khổ, cho nên tuyền tặng tôi một thùng dầu thanh lương tinh chế

rất bổ dưỡng, khuyên tôi nên uống sẽ khỏe mạnh trở lại. Đủ biết tôi được ông ta siêu độ, tôi cũng sẽ siêu độ lại quý vị.

1.- Siêu độ vong linh

Trong ấn tượng của người Trung Quốc nói chung, cho siêu độ là làm Phật sự, chỉ vì người mất làm các nghi thức như niệm Phật, tụng kinh, bái sám, Mông sơn thí thực, Diệm khẩu thí thực v.v... nhờ sức Phật siêu tiến, khiến cho người mất được vãng sinh Phật quốc hoặc chuyển sinh cõi lành.

Do đó, đối với người Trung Quốc, siêu độ có hai ý nghĩa : một là theo thói tục, trong nhà có người qua đời, theo tập quán mời Tăng Ni hoặc Đạo sĩ đến tụng vài ba quyển kinh, cử hành một số nghi thức tôn giáo, mới cảm thấy an tâm, ngược lại không những bị thân hữu bàn tán mà dường như trong tâm cũng không yên. Xin hỏi đó là vì siêu độ người sống, hay là vì siêu độ người chết ? Thật ra rất mập mờ, chính vì cầu an tâm nên mới mời Tăng Ni Đạo sĩ đến niệm kinh siêu độ, người này không nhất định tin người mất có ích lợi, chỉ vì không dám làm trái với tập tục mà thôi. Hai là thật vì siêu độ vong linh, tin tưởng Phật pháp có thể khiến cho người mất siêu sinh thoát khổ, lúc sắp mạng chung vì họ mà trợ niệm. Mỗi thất đều có tụng kinh, trong 49 ngày thường làm Phật sự, tu phước cúng dường, nhờ lời kinh tiếng kệ và danh hiệu Phật Bồ Tát, khiến cho vong linh nghe được hiểu được và bỏ những oán

hận, buồn bực trong tâm, cùng tất cả các thứ chấp trước, nhờ đó mà tâm khai ý mở, không bị đọa vào ác đạo, được sinh về thiện đạo, nếu thiện căn sâu dày có thể vãng sinh Tịnh độ của Phật A Di Đà. Hoặc nương theo nguyện lực từ bi của Phật Bồ Tát, siêu độ vong linh thoát khỏi khổ thú, phương pháp này nên y theo lời dạy trong Kinh Địa Tạng mà thực hành.

Phương pháp siêu độ vong linh theo như trong kinh Phật có thể nêu ra hai cuốn như:

1/ *Kinh Vu Lan Bồn* : Kinh này do Đức Thích Ca vì Tôn giả Mục Kiền Liên muốn siêu độ vong mầu bị đọa trong loài ngạ quỷ mà nói. Phương pháp siêu độ là vào lúc chư Tăng tự tứ trong ngày 15 tháng 7 “sắm cơm trăm vị trái cây năm thứ, đặt vào trong bồn các thứ dầu thơm, đèn cây, tất cả những thứ ngon ngọt cùng giường nằm chiếu lót, cúng dường mười phương đại đức chúng Tăng”. Người cúng dường các thứ ấy cho chư Tăng nhân ngày tự tứ, hiện tại cha mẹ, sáu loại thân thuộc được ra khỏi cảnh khổ tam đồ, liền được giải thoát, ăn mặc tự nhiên đầy đủ. Nếu cha mẹ hiện còn được hưởng phước lạc trăm năm, nếu đã mất rồi, cha mẹ bảy đời được sinh lên trời, tự tại hóa sinh, được vào cõi trời Hoa Quang, hưởng vô lượng khoái lạc. Đó là lấy công đức cúng dường Tăng ngày 15 tháng 7 làm Phật sự siêu độ tiên vong, trước lúc cúng dường thỉnh cầu chư Tăng tụng kinh niệm Phật siêu độ cho người mất.

2/ *Kinh Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyện* : Được lưu truyền tương đối sâu rộng trong Phật giáo Trung Quốc, vì kinh này đề xướng tư tưởng hiếu thân, lại đề xướng pháp môn siêu độ vong thân cần trọng đối với người chết, cho nên đặc biệt được dân tộc Trung Quốc tôn sùng vì rất gần với văn hóa Nho gia. Trong Kinh Địa Tạng có nói : “Chúng sinh tạc ác ở Diêm Phù Đề, người mới chết, sau khi trải qua 49 ngày không người kế tự, vì họ mà làm công đức, cứu bạt khổ nạn, lúc sống lại không làm được nhân lành, căn cứ tội nghiệp xưa mà cảm nơi địa ngục”. Lại nói : “Như sau khi người đã chết, lại có thể trong 49 ngày vì người ấy mà tu tạo nhiều phước lành, thời có thể giúp cho người chết đó khỏi hẳn chốn ác đạo, được sinh lên cõi trời hoặc người hưởng lấy nhiều sự rất vui”. Lại có đoạn nói : “Thần hồn vẫn mịt mờ, chưa rõ là tội hay phước, trong 49 ngày như ngây như điếc... Người mất đó lúc chưa được thụ sinh, trong 49 ngày luôn luôn trông ngóng hàng cốt nhục thân quyến tu tạo phước lành để cứu vớt họ. Qua khỏi 49 ngày thời cứ theo nghiệp mà thọ lấy quả báo”. Những dẫn chứng trên nêu rõ người ta sau khi chết trong vòng 49 ngày mong muốn thân bằng quyến thuộc vì họ mà làm phước để siêu độ, qua khỏi thời gian đó phải chuyển sinh tùy theo nghiệp mà thọ báo. Tuy siêu độ vẫn có một số tác dụng, nhưng không phải hữu dụng liền.

Đặc biệt trong thất đầu rất là trọng yếu, Kinh Địa Tạng nói : “Giả sử thân thức của người ấy phân tán đến hơi thở đã dứt, thời 1 ngày, 2 ngày, 3 ngày, 4 ngày cho đến 7 ngày, lớn tiếng tán thán (ca ngợi việc tu phước hành thiện của người chết), lớn tiếng tụng kinh, sau khi người đó chết cho dù tội nặng từ trước như tội ngũ vô gián cũng vĩnh viễn được giải thoát”. Điều này nói rất rõ siêu độ cho người chết trong thời gian bảy ngày đầu rất tốt.

Thế nhưng siêu độ tốt nhất vẫn là lúc còn sống tự mình phải tu hành. Cho nên Kinh Địa Tạng nói : “Sau khi người mạng chung, hàng quyến thuộc lớn nhỏ, vì người chết mà làm các điều phước lợi, tất cả việc về Thánh đạo, thời trong bảy phần công đức, người chết hưởng một phần, còn sáu phần công đức người sống hưởng. Vì cớ ấy nên những thiện nam tín nữ ở hiện tại và vị lai, nghe lời nói này nên cố gắng tu hành sẽ hưởng trọn phần công đức”. Nếu lúc sống chưa biết tin Phật, chưa tu các thiện pháp, sau khi chết còn ở giai đoạn trung ấm thân trong vòng 49 ngày mới phải nhờ thân thuộc vì họ tu phước siêu độ. Như lúc còn sống sớm tin Phật pháp, tinh tấn niệm Phật hồi hướng cầu nguyện vãng sinh Tịnh độ phương Tây, đến lúc lâm chung liền có ba vị Thánh : Một vị Phật và hai vị Bồ Tát ở phương Tây đến tiếp dẫn, thân nhân thiện hữu vì người đó mà trợ niệm, giúp cho tín tâm người đó được tăng trưởng, vãng sinh Cực lạc quốc. Cho nên

trong các kinh luận đều khuyến tấn người ta lúc sinh tiền nên cố gắng tu hành.

2.- Siêu độ người sống

Siêu độ người sống quan trọng hàng đầu. Sau khi Đức Thích Ca Mâu Ni thành đạo, kinh pháp mà Ngài nói, đối tượng chủ yếu trong các bộ kinh Đại Tiểu thừa chính là bảy chúng đệ tử tại nhân gian, kể đến là thiên thần, cho nên gọi Phật là thầy của trời người hoặc giáo chủ của người trời.

Chúng hội trong các kinh Đại thừa như Hoa Nghiêm, Pháp Hoa, ngoài chư Phật Bồ Tát và hàng nhị thừa Thánh giả là tất chúng nhân gian và bát bộ thiên chúng. Chúng sinh ở ba đường ác địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh không có phước báu tham dự đại hội. Tuy trong Kinh Địa Tạng quyển Trung có nói : “Đức Thế Tôn... nói khắp tất cả cõi nước chư Phật, chư Bồ Tát Ma ha tát và thiên long quỷ thần, nhân cùng phi nhân v.v... nghe ta ngày nay ca ngợi tán thán Ngài Địa Tạng Bồ Tát Ma ha tát”. Đủ chứng tỏ quỷ thần nói trên là chỉ cho quỷ nhiều phước chứ không phải quỷ tội ác hoặc ngạ quỷ, nên được xem là quỷ thần ở Địa Cư thiên và Không Cư thiên. Vì thế trong kinh Địa Tạng lại nói : “Tuyên thuyết về các việc nhân quả của ngài Địa Tạng Bồ Tát làm lợi ích cho hàng trời người... vì các ông nói lược về những phước đức của ngài Địa Tạng Bồ Tát làm lợi ích cho người và trời”. Kinh Vô Lượng Thọ cũng vì : “Khai hóa cho tất cả chư thiên và nhân dân mà nói

kinh này”. Đặc biệt cường điệu lợi ích nhân thiên, chính là biểu thị sự siêu độ chủ yếu của Phật pháp là con người (nhân), thứ đến là trời (thiên).

Trong quyển 36 Kinh Tăng Nhất A Hàm nói rõ lúc Đức Phật ra đời, vì người trời mà rộng diễn giáo pháp, đạt đến chỗ Niết bàn. Vậy mà chúng sinh ở trong địa ngục, loài súc sinh, ngạ quỷ, người sống ở biên địa, ở Trường thọ thiên đều không nghe, không thấy. Quyển 26 Kinh Tăng Nhất A Hàm nói : “Chư Phật Thế Tôn, đều xuất hiện nơi nhân gian”. Lấy thân thể loài người để thành Phật, cũng lấy loài người làm đối tượng chủ yếu để nhiếp hóa họ. Cho nên cha của Da Thân Già, vị đệ tử tại gia đầu tiên của Phật là người. Đức Phật tại Lộc Uyển sơ chuyển pháp luân độ năm vị đệ tử Tỳ kheo là người. Thường theo Phật có 1250 vị đại A la hán toàn là người. Cho đến lúc Ngài sắp nhập Niết bàn, người đệ tử cuối cùng được độ là Tu Bạt Đà La 120 tuổi cũng là người. Đủ chứng tỏ Đức Phật Thích Ca Mâu Ni trên mặt lịch sử, đệ tử Tăng tục bảy chúng theo Ngài tu học đều là loài người. Như vậy tương lai lúc Đức Phật Di Lạc hạ sinh nhân gian, các đệ tử của Ngài ở nội viện Đâu Suất, cũng đều phải hạ sinh nhân gian, dùng thân phận con người, nghe Phật pháp, rồi chứng đạo giải thoát.

Siêu độ đối với người sống, ý là vận dụng sự tin hiểu tu chứng pháp của Phật mà siêu việt nhà lửa tam giới, vượt qua biển khổ sinh tử.

Ví dụ nhà lửa xuất phát từ phẩm Thí Dụ trong Kinh Pháp Hoa, như : “Tam giới không an, giống như nhà lửa. Các khổ lây lừng, thật đáng sợ hãi, thường có các thứ sinh già bệnh chết lo sợ v.v... như lửa cháy mãi không dứt”. Cho nên lấy xe dê, xe nai, xe trâu lớn để thí dụ Phật nói pháp phương tiện và pháp cứu cánh như nhị thừa, tam thừa và duy nhất Phật thừa nhằm đưa chúng sinh ra khỏi nhà lửa sinh tử trong tam giới. Thí dụ biển khổ được thấy rất nhiều trong các kinh. 1/ Phẩm Thọ Lượng trong Kinh Pháp Hoa nói : “Ta thấy các chúng sinh đắm chìm trong biển khổ”. 2/ Kinh Lăng Nghiêm quyển 4 có nói : “Hướng dẫn chúng sinh u mê ra khỏi biển khổ”. 3/ Kinh Tâm Địa Quán nói : “Thường ở trong biển khổ sinh tử làm đại thuyền sư cứu vớt chúng sinh”. Nếu theo thứ tự nhân quả trước sau mà xét thì nhà lửa là phiền não tham sân v.v... Biển khổ là quả báo của sinh tử v.v... Nếu chúng sinh không kịp thời tu học Phật pháp, siêu thoát biển khổ sinh tử ba cõi, thì cứ mãi mãi từ nơi phiền não mà tạo nghiệp, do tạo nghiệp mà chịu khổ báo, lúc thọ khổ báo lại sinh phiền não mà tạo nghiệp, về sau lại chịu khổ báo nữa, cứ thế mà xoay vần nổi chìm trong biển lớn vô biên.

Ở trong biển khổ sinh tử mê mông này, làm thế nào để được lên bờ, nếu không nhờ vào sự cứu độ của thuyền từ Phật pháp, thì khó có hy vọng thoát ra khỏi. Thuyền từ Phật pháp là những lời dạy của Đức Phật như Tam quy, Ngũ giới, Thập thiện,

Cụ túc giới, Bồ Tát giới cho đến Tam học giới định huệ, hoặc Lục độ tứ nhiếp, tự lợi lợi tha.

Đức Phật đầu tiên thuyết pháp ở Lộc Dã uyển, tức là chuyển pháp luân Tứ đế gồm khổ tập diệt đạo. Biết có khổ thì không tạo tác nhân để chịu khổ, muốn diệt tuyệt gốc khổ thì phải tu chứng Bát chánh đạo, 37 Bồ đề đạo phẩm, cho đến tất cả pháp môn như tam học, lục độ v.v... không chỉ tự cầu diệt khổ, cũng cần phải giúp người diệt khổ, tự lợi rồi phải lợi tha. Chúng ta cần phải học hiểu các pháp trên, vận dụng chúng để được lợi ích cho mình và cứu giúp mọi người.

3.- Niệm Phật siêu độ

Pháp môn siêu độ dễ dàng nhất là niệm Phật. Bất luận lúc nào, bất luận căn cơ nào chỉ cần niệm Phật liền được lợi ích. Nếu lấy mục đích mà nói thì pháp môn niệm Phật Di Đà Tịnh độ phương Tây đích thực là lấy việc sau khi chết vãng sinh về thế giới Cực lạc làm chính. Song Kinh A Di Đà cũng nói : Bộ kinh này được hết thảy chư Phật hộ niệm. “Nếu có thiện nam tử thiện nữ nhân nào nghe kinh này mà thọ trì, cùng nghe được danh hiệu của chư Phật, thì người thiện nam thiện nữ ấy, đều được tất cả chư Phật hộ niệm, đều được bất thối chuyển nơi đạo Vô thượng Chính đẳng Chính giác”. Kinh Pháp Hoa nói : “Niệm Phật một tiếng, tội diệt hà sa”. Dù niệm Phật nào cũng đều tiêu trừ tội lỗi, tiêu tai khỏi nạn, được lợi ích hiện tại, cũng được lợi ích cả đời

sau. Kinh Quán Vô Lượng Thọ Phật cũng nói : “Hai tay chấp lại, xưng niệm Nam mô A Di Đà Phật, xưng danh hiệu Phật rồi trừ được tội lỗi trong đường sinh tử 50 ức kiếp”. Kinh này lại nói : “Chỉ tâm xưng danh hiệu Phật, trong mỗi một niệm trừ được tội lỗi trong đường sinh tử 80 ức kiếp”. Lại nói : “Nếu có người niệm Phật, nên biết người này chính là hoa Phân Đà Lợi (hoa sen thanh tịnh) trong loài người, đức Quán Thế Âm Bồ Tát và Đại Thế Chí Bồ Tát là bạn tốt của người ấy, và người này ngồi ở đạo tràng, trụ tại nhà của chư Phật”. Người niệm Phật có nhân cách cao thượng tinh khiết giống như hoa sen trong loài người, đương nhiên đây chính là biểu trưng của tự lợi lợi tha. Kinh Vô Lượng Thọ quyển hạ có nói : “Người nghe được danh hiệu Đức Phật A Di Đà, vui mừng hớn hở, cho đến một niệm nên biết người này được lợi ích lớn, có đầy đủ công đức vô thượng”. Nghe danh hiệu Phật tâm sinh hoan hỷ, cho đến chỉ cần một niệm cũng được công đức vô thượng, huống chi thường thường niệm Phật, tùy chỗ niệm Phật.

Trong Tông Kính Lục của Thiên sư Vĩnh Minh Diên Thọ thường nói đến : “Một niệm tương ứng một niệm Phật, niệm niệm tương ứng niệm niệm Phật”. Chỉ cần niệm Phật không luận là tán tâm hay chuyên tâm đều có công đức. Chuyên tinh nhất tâm đương nhiên là tốt, mà tán tâm niệm Phật cũng không đến nỗi kém, chỉ cần muốn niệm là niệm, niệm niệm đều tốt. Một niệm niệm Phật, một niệm liền từ vọng

tướng ác nghiệp mà được siêu độ, niệm niệm niệm Phật, niệm niệm đều từ vọng tưởng ác nghiệp mà được siêu độ. Có người siêu độ được một phút, có vài người siêu độ được một giờ hoặc một ngày. Quý vị ở đây niệm Phật bảy ngày tức là siêu độ bảy ngày. Quý vị Bồ Tát thuộc tổ Tùy hỷ, trong thời gian tùy hỷ một hoặc hai cây hương, miệng thanh tịnh, tai thanh tịnh, mắt thanh tịnh, tức là từ thế giới trần lao, nói chuyện huyền thuyên, ôn ào nhón nháo, noa cả con mắt liền được siêu độ tức khắc.

Đến như mong muốn đạt được siêu độ vĩnh cửu là chỉ cho người đại giải thoát đại ngộ triệt để, đòi hỏi người này phải có tâm tu hành dài lâu, thường hành đạo Bồ Tát, ngày ngày tăng trưởng trí tuệ, thời thời giữ lòng từ bi, độ mình rồi lại độ người.

4.- Tự độ độ người

Người mê phải nhờ Phật độ, người ngộ thì mình tự độ. Bước đầu cần nhờ người khác độ, khi đã ở trên đường, có phương hướng rồi, thì phải học theo bi nguyện của Phật Bồ Tát, phát nguyện tự độ rồi độ người. Tôi thấy có một ông già, chưa biết niệm Phật tu hành, tôi bèn khuyên ông nhưng ông lại nói : “Việc này để cho con cháu của ông làm, sau khi ông qua đời chúng sẽ siêu độ cho ông”. Tôi nhận thấy con của ông đều rất hiếu thuận, tôi hỏi ý kiến của chúng, chúng đều đáp là : “Dạ đúng như thế, lúc đó sẽ bái thỉnh sư phụ hoan hỷ đến tụng kinh niệm Phật, trợ giúp cho ông được siêu độ”. Họ

chỉ biết hy vọng người xuất gia giúp cho họ siêu độ mà thôi.

Lần này là khóa Phật thất thanh minh báo ân. Vậy báo ân gì ? Báo tất cả ân mà mình thọ, chủ yếu là thân ân. Lấy cái gì để báo ? Lấy siêu độ để báo ân. Siêu độ ai ? Siêu độ vong linh, cũng là siêu độ chính mình. Thật ra do công đức niệm Phật siêu độ chính mình, khiến cho tiên vong thân hữu đã qua đời cũng nhờ đó mà được siêu độ. Không chỉ siêu độ chính mình, siêu độ cho vong linh, mà còn do sự tu hành của quý vị cải thiện được hành vi của ba nghiệp thân khẩu ý. Sau khi trở về nhà hoặc nơi làm việc, quý vị nên đem ánh sáng trí tuệ và lòng từ bi cảm hóa và siêu độ cho người thân và bạn đồng nghiệp trong sinh hoạt hằng ngày được thấm nhuần Phật pháp thì thật là công đức vô lượng.

Tu Phật thất xong, trở về đời sống hằng ngày của mình, tất cả những suy nghĩ, lời nói, nhân cách, cử chỉ, cư xử với người, chúng ta phải nên tỏa sáng vị đạo của người niệm Phật, đó chính là tinh thần từ bi, trí tuệ, là biểu thị công năng giáo hóa thế gian mà bản thân mình đã được siêu độ rồi cần phải siêu độ cho người.



5.- SÁM HỐI NGHIỆP CHƯỚNG LÀM HẰNG KHÓA

Sám hối là thừa nhận bản thân mình có bệnh, biết tìm thuốc, cầu chữa trị, chịu uống thuốc. Nếu “dấu bệnh tránh thuốc”, bệnh càng thêm nặng, đi đến chỗ không thể cứu chữa được.



1/ Chủng loại và phương pháp sám hối

Mỗi tối trong thời gian Phật thất, chúng ta đều xướng tụng bài kệ sám hối, vừa lễ vừa xướng : “Con xưa đã tạo bao nghiệp ác, đều do vô thủy tham sân si, từ thân miệng ý phát sinh ra, nay đối trước Phật cầu sám hối”. Đồng thời cũng khuyên tất cả quý vị ngoài công khóa cùng tu, mỗi ngày nên tự mình lễ Phật ít nhất là 300 lễ trở lên. Mục đích là để sám trừ những nghiệp ác từ vô thủy đến nay, tiêu trừ chướng ngại vô tận, để cho việc tu hành được thuận lợi.

Do đó tối hôm nay tôi sẽ khai thị cho quý vị về “Sám hối nghiệp chướng”.

Từ “Sám hối” trong các kinh luật Đại Tiểu thừa thường thấy và cũng rất coi trọng. Bởi vì tác

dụng của sám hối cũng giống như người ta mỗi ngày đều phải súc miệng, rửa mặt vậy. Đối với Đại thừa nếu chưa đạt đến Sơ Địa thì không thể sáu căn thanh tịnh. Đối với Tiểu thừa nếu chưa đạt đến địa vị Sơ quả thì không thể trì giới thanh tịnh. Trên nguyên tắc tu đến địa vị sáu căn thanh tịnh mới không đến nỗi tâm tạo tội ác. Cho nên đại chúng học Phật còn ở địa vị phàm phu cần phải mỗi ngày sám hối, mới có thể mỗi ngày một thêm mới, mỗi ngày một thêm tiến bộ.

Sám hối vốn thuộc thời khóa phải tu của phạm vi giới luật, người đệ tử Phật là do thọ Tam quy ngũ giới, cho đến Cụ túc và Bồ Tát giới mà thành tựu. Đã thọ giới mà không phạm dường như là việc khó có thể, song nếu phạm, tùy theo lỗi nặng nhẹ mà như pháp sám hối thì sẽ được thanh tịnh trở lại.

Công năng của sám hối có hai loại : 1/ Trải qua một lần sám hối, là một lần tự mình kiểm thảo và làm tăng sức sống cho bản thân. 2/ Trải qua một lần sám hối là đối với hành vi của mình biểu thị toàn bộ trách nhiệm. Bởi vì tội chia làm hai loại : người chưa thọ giới tạo nghiệp ác, nếu là tính tội thì dù chưa thọ qua giới luật của Phật, phạm tội vẫn phải chịu quả báo. Người đã thọ giới mà tạo nghiệp ác, ngoài tính tội ra còn tăng thêm một loại giới tội nữa. Giới tội nặng không thể sám hối, nhẹ thì trải qua sám hối liền được thanh tịnh trở lại.

Phương thức sám hối cũng có hai loại : 1/ Sự sám, còn gọi là tác pháp sám. Phạm giới tội, lớn thì phải có Tăng đoàn tập hợp làm pháp yết ma sám hối, trung bình thì đối với một người mà sám hối, còn nhỏ thì tự trách tâm mình mà sám hối. Giới tội phải dùng sự sám. 2/ Lý sám, còn gọi là Thật tướng sám hoặc Vô tướng sám. Là dùng thật chứng tính không vô ngã, thân chứng bản tính của tất cả các pháp đều không, do tâm tạo tác, dù là giới tội hay tính tội, một khi ngộ nhập thật tướng vô tướng, chân tính vô tính, liền tức thời tiêu diệt. Loại lý sám này tợ hồ như trái ngược với nhân quả thế gian, kỳ thật không phải vậy, ý nói diệt tội là chỉ cho trong tâm không còn lo sợ ác báo nữa, bởi vì người này đã đem thiện ác khổ vui đối xử bình đẳng, không phải lẩn tránh, trốn nợ mà là đối với nghiệp ác đã tạo sẵn sàng gánh lấy trách nhiệm. Người chưa ngộ thật tướng sẽ bị động khi chịu khổ báo, cho nên có tâm lo sợ. Người đã chứng vô tướng, thừa theo nguyên lực chủ động đi sâu vào chúng sinh, rộng kết thiện duyên, ra tay cứu tế, tuy cũng thọ khổ thọ nạn, nhưng tâm đã được tự do cho nên cũng không lấy khổ nạn làm khổ nạn. Do đó gọi là tiêu diệt tội nghiệp.

Sám hối lại có hai loại : 1/ Tội trái ngược với giới luật, dùng “Chế giáo sám” chỉ hạn cuộc trong việc vi phạm giới luật hiện đời, và do Tăng đoàn năm chúng xuất gia sử dụng. 2/ Tội trái ngược với

đạo nghiệp, dùng “Hóa giáo sám”, thông dụng cho cả Tăng tục bầy chúng, cũng thông dụng cho cả Đại Tiểu thừa, lại thông dụng cả thập ác nghiệp đạo ba đời.

Trong giới Phật giáo Trung Quốc, rất ít sử dụng “sự sám” hoặc gọi là “chế giáo sám” để phân biệt với “Chúng pháp sám” “Đối thủ sám” “Tâm niệm sám”, cử tội, xuất tội, trừ tội. Ngược lại hay dùng “lý sám” và “hóa giáo sám”, để sám trừ các loại tội nghiệp. Chẳng qua các vị đại đức Thiên tông và các vị đã đạt đại thành tựu lúc dùng lý sám, ắt phải minh tâm kiến tính, thân chứng bản tính vô tính, mới đạt được mục đích sám hối. Cho nên có thể có nghi quỹ sám pháp, cũng có thể không có nghi thức tác pháp nhất định. Pháp Hoa tam muội Sám nghi của Đại sư Trí Giả tông Thiên Thai là một trong bốn loại tam muội chỉ quán viên đốn, là dùng sự sám làm phương pháp để đạt thành mục đích lý sám. Vô tướng sám của Thiên tông không có nghi quỹ. Đến như Hóa giáo sám là phương pháp mà bầy chúng Tăng tục Phật giáo Trung Quốc thường dùng và thông dụng, như Lương Hoàng Bảo Sám, Từ Bi Tam Muội Thủy Sám, Đại Bi Sám v.v... đều thuộc loại hình Hóa giáo sám.

Sám hối, chữ Ấn Độ là sám ma (Ksama) chữ Hán là hối quá, âm nghĩa hợp dịch mà tạo thành từ mới. Nó còn có nghĩa là hối tội, diệt tội, trở lại thanh tịnh. Như trong Kinh Đại Bát Niết Bàn quyển

9 có nói : “Đại vương nên biết. Thần nghe Phật nói : Người trí có hai, một là người không làm các điều ác, hai là người phạm lỗi mà biết sám hối... hối rồi hổ thẹn không dám làm nữa... Đại vương, nếu người sám hối, ôm lòng hổ thẹn tội liền trừ diệt, trở lại thanh tịnh như xưa”.

Sám hối có vô lượng công đức, như Kinh Đại Thừa Bản Sinh Tâm Địa Quán quyển 3 có nói : “Nếu người có thể như pháp sám hối, những phiền não thấy đều tiêu trừ”. Kinh lại nói : “Sám hối có thể thiêu đốt củi phiền não, sám hối có thể vãng sinh cõi trời, sám hối có thể được cái vui tứ thiên, sám hối mưa báu Ma ni châu, sám hối có thể kéo dài tuổi thọ kim cang, sám hối có thể nhập cung Thường Lạc, sám hối có thể ra khỏi ngục tam giới, sám hối có thể khai hoa Bồ đề, sám hối thấy được đại viên kính của Phật, sám hối có thể đến nơi bảo sở”. Do đó nên biết, pháp môn sám hối cũng là tổng trì của Phật pháp, nếu hay tu trì đặc lực thì đó chính là pháp môn tối thượng.

Các nghi quỹ tu hành sám pháp của Đại thừa cũng giống như đàn thành của Mật tông, yêu cầu phải trang nghiêm, cúng dường, thanh tịnh, uy nghi, tề chỉnh. Như Kinh Chiêm Sát Thiện Ác Nghiệp Báo quyển thượng, Viên Giác Kinh Tu Chứng Nghi của Thiền sư Tông Mật - Ngũ tổ tông Hoa Nghiêm, Pháp Hoa Tam Muội Nghi Sám của Đại sư Trí Giả tông Thiên Thai, Kim Quang Minh Tối Thắng Sám Nghi

của Tứ Minh Tri Lễ cho đến các loại sám nghi đã nêu trước hiện đang lưu hành đều có nghi quỹ thiết đàn, thỉnh thánh, cúng dường, lễ tụng v.v...

Làm thế nào để biết được hiệu quả công đức sau khi sám hối ? Có thể nêu ra hai kinh để dẫn chứng như :

1/ Kinh Chiêm Sát Thiện Ác Nghiệp Báo quyển thượng có nói : Sau khi như pháp sám hối, nếu được thanh tịnh, có thể phát sinh các loại tướng lành. “Hoặc có chúng sinh lúc được tướng lành ba nghiệp (thân khẩu ý), trong một ngày một đêm, lại thấy ánh sáng đầy khắp trong nhà, hoặc có mùi hương thơm thù thắng kỳ diệu, thân ý an vui. Hoặc chiêm bao lành, trong chiêm bao thấy được sắc thân Phật, thị hiện chứng minh, dùng tay xoa đầu người ấy, ca ngợi lành thay, người nay thanh tịnh ta đến chứng minh cho. Hoặc mộng thấy Bồ Tát thân đến chứng minh. Hoặc mộng thấy hình tượng Phật phóng quang mà chứng minh cho”.

2/ Kinh Phạm Võng Bồ Tát giới Bản có nói : Nếu có người thọ giới Bồ Tát rồi mà phạm một điều trong mười điều giới trọng nên dạy họ sám hối như : “Ở trước tượng Phật Bồ Tát, ngày đêm sáu thời, tụng mười giới trọng và 48 giới khinh (tức là Bồ Tát Giới bốn trong Kinh Phạm Võng), chí thành khẩn thiết lễ ngàn vị Phật ba đời, cho đến lúc thấy được hảo tướng, hoặc bảy ngày cho đến một năm sẽ thấy được hảo tướng. Hảo tướng là thấy Phật đến

lấy tay xoa đầu, thấy ánh sáng và thấy hoa báu, các loại tướng lạ, tội chướng liền được tiêu diệt”.

Hai loại pháp sám hối này tương đối khó, nếu không có hoàn cảnh thuận lợi và thời gian rảnh rỗi, không dễ gì thực hành thành tựu được. Không bằng dùng pháp môn niệm Phật, dễ dàng hơn nhiều, không nhất định phải thấy tướng lạ mới diệt trừ tội lỗi được, như trong Kinh Quán Vô Lượng Thọ Phật có nói : “Chỉ tâm xưng niệm danh hiệu Phật, trong mỗi một niệm, trừ được tội trong đường sinh tử 80 ức kiếp”. Đó cũng chính là nguyên nhân vì sao chúng tôi đề xướng pháp môn niệm Phật Tịnh độ của Phật A Di Đà, và cũng chính là vì trong kỳ Phật thất Di Đà tiết Thanh minh này, tôi có dụng ý muốn giới thiệu với quý vị về pháp môn sám hối.

2.- Chuyển biến nghiệp chướng thành phước báo

Nghiệp chướng có hai hàm nghĩa : 1/ Do từ nơi công việc của nghề nghiệp nào đó khiến cho không được rảnh rỗi để tu học Phật pháp, cũng không muốn tu học Phật pháp. 2/ Do tạo các loại nghiệp ác bất thiện, cho đến kéo theo các loại chướng ngại thuộc tiên thiên tính và hậu thiên tính, không có cách gì tu học Phật pháp chính tín, chính hạnh, chính tri, chính kiến được. Do đó nếu phân tích tỉ mỉ thêm thì có nghiệp chướng, báo chướng, phiền não chướng, nếu phân tích thêm nữa thì gọi

là tám vạn bốn ngàn cửa chướng. Bao quát các ma chướng từ hoàn cảnh thân tâm cho đến quý thần yêu linh. Nghiệp chướng phần lớn chẳng phải từ ngoài đến mà là do tâm tạo ra, tự tâm hiện ra, tự làm tự chịu. Cũng có cả nhân tố của ngoại ma, sám hối cũng có thể tiêu trừ được.

Nghiệp chướng, báo chướng và phiền não chướng, ba loại này có thể quy kết thành một hạng mục, đó chính là nhân quả. Tạo nhân nhất định phải chịu quả báo. Bất cứ một loại chướng ngại nào đều khởi nguồn từ “giao nhân nào, gặt quả nấy”.

Quả báo của nghiệp chướng có lúc khiến cho người ta nhận lầm là phước báo. Như thấy người sống giàu sang sung sướng, đứng ở góc độ Phật pháp mà xét không phải là phước báo, bởi vì hưởng phước không phải là có phước, tiếc phước, bồi phước mới thật là có phước.

Có một số người cả đời đều rất khổ chẳng hạn khổ như tôi vậy, xin hỏi đó có phải là một loại quả báo không? Đối với bản thân tôi, tâm tôi tình nguyện mỗi ngày sinh hoạt bận rộn khổ cực mà không ngại. Vì tôi đang trả nợ, trả được càng nhiều thì chủ nợ càng ít, tôi càng hoan hỷ. Như vậy sự cảm thọ ấy của mỗi người như thế nào? Có thể dùng quan niệm Phật pháp để đo lường không? Nếu có thể ứng dụng quan niệm Phật pháp thì phước báo thế gian chẳng phải là khởi đầu của khổ báo sao? Bởi vì phước báo hưởng hết, tiếp đến là

khổ báo kéo tới. Nếu hiện tại chúng ta biết nắm lấy cơ hội, không thấy là khổ sở, không so bì nhục nhã, mà lại hay giúp đỡ người khác giải quyết mọi khổ nạn, càng không vì tiếng tăm lợi dưỡng của bản thân, luôn luôn nỗ lực cầu tiến bộ, đem hết khả năng của mình cống hiến trợ giúp cho người, trên thực tế đó chính là cầu phước, bồi phước.

Bình thời, những thứ sinh hoạt trong cuộc sống của bản thân mình nên tiết kiệm không xa hoa lãng phí, để lấy những tài vật đó trợ giúp cho người. Loại hành vi này xem ra tự hồ như tự làm khổ mình, thậm chí bị chê là có phước mà không biết hưởng. Nếu chúng ta sợ người khác chê bai như thế thì không có cách gì tu phước được, chỉ là người nghèo cùng ngu xuẩn mà thôi. Ngược lại, hay thực hành như trên thường xuyên thì mới gọi là người phú quý có trí tuệ.

Có một vị cư sĩ thường cúng rau cho đạo tràng của chúng ta, người chấp sự nhà bếp thấy nhiều quá, chỉ chọn lựa lấy những lá non còn lá già và rễ bỏ đi. Vị cư sĩ đó thấy vậy, không nói một lời bèn gom tất cả lá già, cộng rau lại chuẩn bị đem về nhà. Có người hỏi : “Cư sĩ đã đem rau này cho chúng tôi rồi lại còn đem về nhà làm gì?”. Vị cư sĩ ấy đáp : “Quý vị không ăn tôi có thể ăn. Tôi chỉ cần đem muối những lá rau này liền biến thành dưa muối, hoặc đem luộc lấy nước uống có rất nhiều dinh dưỡng. Còn cộng rau hoặc rễ thì tước vỏ già

bỏ đi, dùng muối nhào sạch ăn rất ngon. Nếu quý vị thích ăn, đợi tôi làm xong sẽ đem đến cúng dường”. Đây thật là một bài học rất quý giá. Từ đấy về sau chúng xuất gia chúng tôi không dám mặc ý bỏ phí một thứ gì cả.

Tu hành không đắc lực, là vì thiện căn không thâm hậu, đó chính là chướng ngại. Trong tâm có phiền não là nghiệp chướng, muốn tu hành mà lại không có thời gian, lúc nào cũng có người có việc làm trở ngại bạn, đó cũng là chướng ngại. Những thứ chướng ngại này đều do nghiệp nhân đã tạo đời quá khứ, cho nên đời nay mới sinh ra như vậy, dù là trên sinh hoạt, tâm lý, thân thể, hoàn cảnh, nhân sự đều có thể có sự trở ngại. Hoặc có một số người cho rằng bản thân mình là không có vấn đề gì, có chăng là do hoàn cảnh, ví như muốn tham gia Phật thất tinh tấn, nhưng người chủ không cho phép nghỉ, quan trên không ký tên, hoặc người nhà đột nhiên có sự cố v.v...

Có một vị cư sĩ đến tham gia Phật thất kiên trì tu tập cho đến ngày thứ ba rồi phải xin về. Tôi hỏi : “Nguyên nhân gì mà lại về ?”. Người ấy trả lời : “Con muốn tham dự khóa tu Phật thất này cho được trọn vẹn, nhưng nó lại không cho phép con được tiếp tục nữa”. Tôi hỏi : “Nó là ai ?”. “Bạch thầy là thân thể của con, hiện tại không cách gì chịu đựng được nữa, cho nên con đành phải bỏ cuộc”. Thân thể của anh ta khiến cho anh ta không thể tu Phật

thất trọn vẹn, vậy thân thể của anh ta cứu cánh là gì ? Là nghiệp chướng từ đời quá khứ đem theo. Nếu anh ta có thể kiên định tu trì, thì thân thể ấy không phải là nghiệp chướng mà là phước báo.

Cũng có người lúc niệm Phật trong tâm rất bồn chồn, không cách gì an tâm được, càng không an tâm lại càng chán nản niệm Phật. Tôi hỏi họ vì sao ? Họ trả lời ý nghĩ quá nhiều. Tự thân họ cũng không hiểu vì sao, tuy họ không nghĩ gì nhưng ý nghĩ cứ tự động xuất hiện liên tục. Loại ý nghĩ này là gì ? Cũng là nghiệp chướng từ đời quá khứ mang theo. Nếu họ có thể chuyên tâm niệm Phật, mỗi ý đều chuyển hướng niệm Phật thì ý nghĩ của họ không còn là nghiệp chướng nữa mà là phước báo. Vì lúc niệm Phật chỉ thấy nghiệp chướng trùng trùng mà không thấy được phước báo hiện tiền, làm thế nào để tiêu trừ nghiệp chướng đây ? Chỉ có cách là chí tâm sám hối.

3.- Nguyên tiêu ba chướng các phiền não

Ba chướng là :

a/ Nghiệp chướng : Nghiệp chướng nghĩa hẹp là chỉ cho nghề nghiệp, có một số nghề nghiệp khiến cho người ta không có biện pháp soi rọi lại mình để tu hành Phật pháp, ví như nhiều đời làm nghề nuôi heo, nuôi bò, đánh cá, cờ bạc v.v... một thời gian ngắn không thể thay đổi được. Cũng có một số người một năm 365 ngày đều phải làm việc,

lại có người phải làm việc ban đêm ban ngày thì ngủ, đối với việc tu hành Phật pháp đều cấu thành chướng ngại về mặt nghề nghiệp.

b/ Báo chướng : Chỉ cho thân thể và hoàn cảnh, thân thể của chúng ta không thể thực hiện nguyện vọng của mình, muốn làm gì thì làm. Như bạn rất muốn nghe kinh thính pháp tu học, kết cuộc thân thể, hoặc hoàn cảnh khiến cho bạn không cách gì như nguyện tu hành Phật pháp, đó chính là báo chướng. Nếu sinh làm thân thể động vật như trâu, ngựa, heo, chó v.v.. thì không biết đến việc học Phật, nếu thiện căn thâm hậu, muốn tu Phật thất cũng không thể tiếp thụ được đạo tràng Phật thất. Dù là động vật phóng sinh ở trong tự viện, cũng không có cách gì tham gia cộng tu niệm Phật và lễ Phật, đó chính là báo chướng. Lại như người mù không thấy được tượng Phật trang nghiêm, kẻ điếc không nghe được pháp âm vi diệu, người câm không thể dùng miệng hoằng dương Phật pháp. Một số người này có thể là Bồ Tát thị hiện nhưng phần lớn là do báo chướng.

c/ Phiền não chướng : Chỉ cho tâm không theo mình, lúc nào ở trong tâm cũng sinh ra các thứ phiền não vu vơ như : tham, sân, đố kỵ, kiêu mạn, hoài nghi, lo sợ v.v... mong cầu cái này lại chán ghét cái kia, hy vọng lại thất vọng... Những vấn đề này thường ở trong tâm nổi lên không ngừng, khiến cho mình rối loạn không thôi, chẳng những niệm

Sách ebook này dùng để phục vụ đối tượng sinh viên, học viên cao học, nghiên cứu sinh... và những độc giả chưa có điều kiện mua sách.

Vui lòng không sử dụng file vào mục đích thương mại.

Nếu có khả năng, mời quý độc giả đặt sách giấy để ủng hộ công tác của thư viện.

Chân thành cảm ơn!

THƯ VIỆN HUỆ QUANG

116 Hòa Bình, Hòa Thạnh, Tân Phú, TP. HCM

Website: thuvienhuequang.vn

Phật khó chuyên tâm, mà lúc ăn uống cũng loạn tưởng. Do vì phiền não quá nặng nên không thể tu học Phật pháp, thật là chướng ngại.

Việc giải thích như trên là hợp lý, thế nhưng ở trong kinh luận đối với việc giải thích ba chướng là chỉ cho “Chướng chính đạo hại thiện tâm” có ba loại chướng : 1/ Phiền não chướng, tức là các hoặc như tham dục, sân hận, ngu si v.v... 2/ Nghiệp chướng, tức là nghiệp ngũ nghịch thập ác. 3/ Báo chướng, tức là quả báo địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh v.v...

Y cứ vào A Tỳ Đạt Ma Phát Trí Luận quyển 11 có chép : Ba chướng là phiền não chướng, nghiệp chướng, dị thực chướng (tức là báo chướng). Thế nào là phiền não chướng ? Do lửa phiền não tham sân si đốt cháy bản tính, nên khó có thể sinh yếm ly, khó có thể giáo huấn, khó có thể khai ngộ, khó được giải thoát. Thế nào là nghiệp chướng ? Đó là nghiệp ngũ nghịch. Thế nào là dị thực chướng ? Là chỉ cho các hữu tình ở Na Lạc Ca (địa ngục), bàng sinh, ngạ quỷ, Bắc Câu Lư Châu (phước báo rất tốt nên không dễ gì học Phật), trời Vô tướng (thuần là cõi trời ngoại đạo).

Tôi thường nói Phật pháp tốt đẹp như vậy, vì sao người biết đến thì quá ít, người hiểu lầm lại nhiều ? Ấy là do nhân tài hoằng pháp của chúng ta quá ít, cũng là do chúng sinh có ba chướng này quá nhiều. Cho nên giới Phật giáo cần phải bồi dưỡng nhân tài hoằng pháp. Người biết Phật pháp là tốt

mà không có duyên tu học, cho đến người có duyên tiếp xúc Phật pháp nhưng lại gặp nhiều chướng ngại, cần phải khuyên họ dùng pháp môn sám hối để tiêu trừ ba chướng.

Xin khuyên các vị thiện tri thức đang lúc học Phật niệm Phật tu hành Phật pháp, nếu thời thời chỗ chỗ đều có lòng sám hối thì chướng ngại tự nhiên giảm dần, trái lại nếu không biết hổ thẹn và sám hối thì chướng ngại cứ chồng chất. Ý nghĩa của sám hối là thừa nhận bản thân mình có bệnh, biết thân mình có bệnh chướng thì phải tìm thầy chữa trị, uống thuốc có như vậy thì các loại bệnh chướng tự nhiên dần dần tiêu trừ, nếu không biết hổ thẹn và sám hối thì bệnh càng thêm nặng, diễn tiến trở thành không thể cứu chữa được. Cho nên sám hối nghiệp chướng là hằng khóa phải tu mỗi ngày của tín đồ Phật giáo.



6.- ĐỐI NGHIỆP, TIÊU NGHIỆP SINH TỊNH ĐỘ

Siêng niệm Phật, siêng tu cúng dường, rộng gieo ruộng phước, không những đời này có thể tiêu trừ một phần tội nghiệp, mà phẩm vị hoa sen ở phương Tây cũng được cao lớn hơn.



1.- Tu tịnh nghiệp và tiêu tội nghiệp

Quý vị thiện tri thức thân mến, chúng ta trong thời gian Phật thất, mỗi chiều sau khi tiến hành đại hồi hướng đều có lễ bái phát nguyện cầu sinh Tịnh độ. Như vậy có thể sinh Tịnh độ không? Đương nhiên không cho phép hoài nghi, thế nhưng người tu pháp môn Tịnh độ, thiện căn có sai biệt sâu cạn, thời gian tu hành có khác là sớm hay muộn, công phu tu trì có siêng năng hoặc biếng nhác, nghiệp chướng cũng có nhiều ít không đều. Cho nên lúc phàm phu vãng sinh Phật quốc, trong Kinh Quán Vô Lượng Thọ Phật nói, hoa sen chia ra làm chín phẩm. Kinh Vô Lượng Thọ nói, những chúng sinh vãng sinh Phật quốc chia làm hai loại hoa sen hóa sinh và biên địa thai sinh. Hoa sen hóa sinh chia làm ba hạng; còn Biên địa thai sinh là tiếp nhận người

không tin Phật trí, nhưng tin tội phước mà nguyện sinh về nước kia. Vãng sinh Phật quốc có cao hạ trung biên bất đồng, điều kiện vãng sinh tự nhiên cũng có tiêu nghiệp vãng sinh và đời nghiệp vãng sinh không đồng.

Căn cứ theo yêu cầu của Kinh Quán Vô Lượng Thọ Phật thì : “Tất cả phàm phu, muốn tu tịnh nghiệp, để được sinh về cõi nước Cực lạc phương Tây, phải tu ba phước”. Ba phước tức là nhân chính tịnh nghiệp để được vãng sinh Tịnh độ. Ba phước tịnh nghiệp ấy là :

1/ Hiếu dưỡng phụ mẫu, phụng sự sư trưởng, từ tâm bất sát, tu mười thiện nghiệp.

2/ Thọ trì tam quy, đầy đủ các giới, không phạm uy nghi.

3/ Phát Bồ đề tâm, tin sâu nhân quả, đọc tụng kinh điển Đại thừa, khuyến tấn người tu hành.

Phần phát Bồ đề tâm trong mục thứ ba, y cứ vào “Tịnh độ luận” của Ca Tì đời Sơ Đường nói là hàm nhiếp toàn bộ nội dung tam tụ tịnh giới, dừng tất cả việc ác, tu tất cả điều thiện, hóa độ tất cả chúng sinh.

Trong kinh A Di Đà cũng nói : “Không thể có chút ít nhân duyên phước đức căn lành mà được sinh về cõi kia”. Tuy có các vị Đại đức xưa kia cho rằng, chỉ cần nhất tâm niệm Phật liền có được nhiều nhân duyên phước đức thiện căn. Nhưng nếu

đối chiếu với ba phước tịnh nghiệp đã nêu trong Kinh Quán Vô Lượng Thọ, thì đó chính là phước đức căn lành trong Kinh A Di Đà. Đủ chứng tỏ điều kiện tiên quyết để được vãng sinh về cõi kia là tự tu ba phước tịnh nghiệp và khuyên người khác cùng tu ba phước tịnh nghiệp.

Kinh Quán Vô Lượng Thọ Phật phần Thượng phẩm thượng sinh có nói : “Nếu có chúng sinh, nguyện sinh về cõi nước kia phát ba loại tâm thì được vãng sinh”. Ba loại tâm ấy là : 1/ Chí thành tâm. 2/ Thâm tâm. 3/ Hồi hướng phát nguyện tâm. Kinh cũng nói : “Có ba loại chúng sinh sẽ được vãng sinh”. 1/ Từ tâm bất sát, đủ các giới hạnh. 2/ Đọc tụng kinh điển Đại thừa Phương Đẳng. 3/ Tu hành lục niệm (niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng, niệm giới, niệm thí, niệm thiên) hồi hướng phát nguyện nguyện sinh cõi nước Cực lạc. Một ngày cho đến bảy ngày liền được vãng sinh. Điều kiện vãng sinh của hạng mục này, ngoài việc dụng tâm và tu lục niệm ra, cũng cần phải trì giới, để trợ giúp cho phước đức căn lành thêm lớn.

Đương nhiên điều kiện vãng sinh cũng vẫn còn có xưng danh niệm Phật như trong ba kinh Tịnh độ cùng đề xướng, cho đến quán tượng, quán tướng trong Kinh Quán Vô Lượng Thọ Phật đã nêu. Pháp môn chỉ dẫn trong ba kinh này, dù pháp môn niệm Phật quán tượng, quán tướng, thật tướng hoặc xưng danh đều có công năng tiêu trừ tội chướng. Nếu ta

quán thành tựu thì có thể tiêu trừ bao nhiêu kiếp tội nặng trong đường sinh tử. Cho đến nghe được đề kinh xưng danh hiệu Phật cũng có thể tiêu nghiệp. Như Kinh Quán Vô Lượng Thọ Phật phần Hạ phẩm thượng sinh có nói : “Như người ngu này tạo nhiều điều ác, không biết hổ thẹn, lúc sắp mạng chung, gặp được thiện tri thức, vì người ấy mà nói danh tự đầu đề của 12 bộ kinh Đại thừa, người ấy nghe được tên của các kinh này rồi có thể trừ được hàng ngàn kiếp nghiệp ác cực nặng. Người trí lại dạy chấp tay xưng niệm Nam mô A Di Đà Phật, người ấy xưng danh hiệu Phật rồi, trừ được tội trong đường sinh tử 50 ức kiếp”. Kinh lại nói : “Người ấy xưng danh hiệu Phật rồi, các tội tiêu diệt, ta đến đón tiếp người ấy”. Từ kinh văn mà xét thì tựa hồ như nói, phàm là chúng sinh vãng sinh Tịnh độ, trong khoảng một niệm trước lúc vãng sinh Phật quốc, tất cả tội nghiệp đều đã tiêu diệt hết. Tuy nhiên một số câu cuối trong phần Hạ phẩm hạ sinh của kinh lại nói, sau khi vãng sinh Phật quốc, ở trong hoa sen trụ mãn 12 đại kiếp, hoa khai được thấy hai vị đại Bồ Tát là Quan Âm và Thế Chí, vì người ấy mà rộng nói thật tướng các pháp, cách trừ diệt tội chướng. Như thế đủ biết, chúng sinh ở Hạ phẩm hạ sinh lúc vãng sinh cõi nước Cực lạc tội nghiệp vẫn chưa tiêu hết. Kinh Quán Vô Lượng Thọ Phật, bộ kinh này cũng gọi là Kinh Tịnh Trừ Nghiệp Chướng Sinh Chư Phật Tiên, và lại còn có một quyển Thần chú Bạt Nhất Thiết Nghiệp Chướng Căn

Bản Đắc Sinh Tịnh Độ Đà La Ni do Tam Tạng Cầu Na Bạt Đà La xứ Thiên Trúc dịch từ thời đại Lưu Tống, dạy người ta thọ trì pháp môn A Di Đà Phật, thọ trì chú pháp này, “nên súc miệng sạch sẽ, ở trước tượng Phật quỳ gối chấp tay, ngày đêm sáu thời, mỗi lần tụng 37 biến diệt được bốn tội nặng (Tỳ kheo giới), ngũ nghịch, thập ác, hủy báng Đại thừa, đều được diệt trừ, hiện đời sở cầu đều được như ý đến lúc lâm chung theo nguyện vãng sinh”. Tụng đủ 20 vạn biến, cảm được mầm Bồ đề sinh trưởng, nếu tụng đủ 30 vạn biến liền thấy được Phật A Di Đà. Đây là sự cường điệu về việc dụng tâm trì tụng chú này, có thể hiện tại bạt trừ tất cả nghiệp chướng, hiện đời được lợi ích, vị lai được vãng sinh Phật quốc. Thảo nào gần đây có một vị học giả tạng Mật tên là Trần Kiện Dân chủ trương tiêu nghiệp vãng sinh, rất phù hợp với tinh thần trên.

Bậc thánh giả Đại Tiểu thừa đồng ý rằng sau khi tiêu diệt tội nghiệp vãng sinh Tịnh độ, người ấy thành tựu tam muội, thành tựu lý sám thân chứng thực tướng vô tướng, tiêu nghiệp vãng sinh, còn có thể lý giải được. Đến như kẻ phàm phu phiến não ràng buộc chỉ nhờ niệm danh hiệu Phật, tín nguyện vãng sinh về nước kia, cũng có thể tiêu nghiệp vãng sinh, càng không dễ gì được người ta chấp nhận. Cho nên chỉ có cách cường điệu nương nhờ vào bản thể nguyện lực của Đức Phật A Di Đà cứu giúp và cả sự gia trì của thần chú Mật thừa.

2.- Tiêu nghiệp, đời nghiệp đều được độ

Căn cứ vào bốn loại Tịnh độ mà tôi đã giảng thì chúng ta hễ tin Phật, học Phật đều có thể sinh Tịnh độ. Thế nhưng Tịnh độ ở thế giới Cực lạc phương Tây là do nguyện lực của Phật A Di Đà mà hình thành, nên phải nương nhờ nguyện lực của Phật A Di Đà mới có thể vãng sinh. Như vậy có phải ai cũng đều được vãng sinh không ? Căn cứ vào lời nguyện thứ 18 trong 48 nguyện mà Kinh Vô Lượng Thọ chép thì : Muốn cầu sinh Tịnh độ của Phật A Di Đà, cho đến chỉ cần niệm danh hiệu Phật mười lần, nhất định được vãng sinh, đó là nhờ nguyện lực gia trì của Phật A Di Đà. Thế nhưng, nếu căn cứ vào Kinh A Di Đà thì phải niệm Phật đến nhất tâm bất loạn, kinh còn nói : “Không thể có chút ít nhân duyên phước đức căn lành mà được sinh về cõi nước kia”. Ý nói nếu có người niệm Phật chưa được nhất tâm bất loạn, lại thêm căn lành cạn kiệt, phước đức thiếu kém thì không thể sinh Tịnh độ của Đức Di Đà. Nguyện thứ 19 trong Kinh Vô Lượng Thọ có nói : Trừ người phạm tội ngũ nghịch và hủy báng chánh pháp, tất cả chúng sinh hễ muốn sinh về nước kia đều được như nguyện vãng sinh. Tuy nhiên Kinh Quán Vô Lượng Thọ Phật lại nói, người phạm ngũ nghịch thập ác tu pháp môn niệm Phật A Di Đà cũng được Hạ phẩm hạ sinh ở cõi nước Cực lạc. Do đó trong pháp môn Tịnh độ sản sinh quan niệm của hai phái. Một phái cho rằng,

người ta có thể đời nghiệp vãng sinh Hạ phẩm hạ sinh nơi cõi Phật, phải khác thì cho rằng lúc vãng sinh nghiệp chướng phải được tiêu trừ hết.

Có một ông cư sĩ nói với tôi : “Kính bạch thầy ! Sau khi con chết, con hy vọng sẽ được vãng sinh thế giới Cực lạc”. Tôi hỏi : “Đi như thế nào ?”. “Xin thầy trợ giúp cho con”. “Ai đi trước ?”. Ông ta suy nghĩ một lát rồi nói : “Bạch thầy, đương nhiên là thầy phải đi trước”. Ông mong muốn tôi vãng sinh trước rồi sau đó đem ông cùng sinh về Tịnh độ phương Tây. Kỳ thật chỉ có Phật A Di Đà mới có loại sức mạnh ấy. Kinh Vô Lượng Thọ nói, đó là do kiếp lâu xa về trước, thời Đức Phật Thế Tụ Tại Vương, có một vị Tỳ kheo tên là Pháp Tạng, đã phát lời thệ nguyện ấy, nguyện rằng sau khi thành Phật thành tựu quốc độ thanh tịnh, tiếp dẫn tất cả chúng sinh và Pháp Tạng chính là Phật A Di Đà.

Câu “Nguyện sinh chín phẩm sen ở phương Tây”. Ý nói hoa sen chín phẩm đều nương nhờ bản nguyện của Phật A Di Đà, tiếp dẫn chúng sinh phàm phu, vì thế giới hóa thân bằng hoa sen, là thế giới sinh tồn của phàm phu, đương nhiên vẫn còn phiền não, đó tức là đời nghiệp vãng sinh, chứ không phải tiêu nghiệp vãng sinh. Phải nhờ nguyện lực cứu bạt của Phật A Di Đà, dù tự mình tu hành không đầy đủ, không thể giải thoát, nhưng vẫn có thể vãng sinh Tịnh độ. Thật ra được sinh về Hạ phẩm trong chín phẩm hoa sen còn tốt hơn không.

Nếu tin tâm của chúng ta không đủ, thời thường có ý nghĩ không biết có thể giới Cực lạc phương Tây không. Nửa tin nửa nghi, rồi cũng theo gót người khác hành thiện, niệm Phật, tu cúng dường bố thí. Xin hỏi loại người này có thể vãng sinh Tịnh độ phương Tây được không? Đương nhiên là có thể, nhưng chỉ có thể vãng sinh ở biên địa của Tịnh độ. Thế nào là biên địa? Là thai cung, cũng là thai sen, tức là chỉ cho hoa sen vẫn chưa nở, ngồi trong thai hoa sen thời gian rất lâu dài. Không có tội báo, hưởng phước như cõi trời, nhưng lại thiếu cơ duyên nghe pháp tu hành.

Tuy nói lúc lâm chung niệm danh hiệu Phật A Di Đà mười lần thì có thể vãng sinh Tịnh độ. Nếu chúng ta bình thời không tin Phật, không niệm Phật, không tu cúng dường, không trồng căn lành, chỉ chờ đến lúc lâm chung cầu nguyện được vãng sinh là điều rất mạo hiểm. Lúc sống không niệm Phật, khi sắp chết thỉnh đoàn trợ niệm đến trợ niệm cầu vãng sinh, đương nhiên cũng có tác dụng nhưng rất ráo không bằng tự mình kịp thời niệm Phật vẫn tốt hơn. Một khi chúng ta nghe được Phật pháp dù tuổi già hay trẻ nên lập tức niệm Phật, trì giới, tu cúng dường, trồng căn lành, tu phước đức mới có hy vọng vãng sinh phẩm vị sen cao.

Người tu hành pháp môn Tịnh độ không nên tự tư tự lợi chỉ cầu cho mình được vãng sinh Tịnh độ, mà không thiết gì đến thế gian này còn có rất

nhiều chúng sinh đang chịu khổ nạn, chúng ta cần phải lấy từ bi và trí tuệ để giúp đỡ cứu tế họ. Đó chính là phát tâm Bồ đề, thực hành tam tụ tịnh giới của Bồ Tát đạo.

Các vị Tổ sư đời xưa giải thích thiện căn, phước đức trong Kinh A Di Đà là muốn chúng sinh niệm Phật nhiều, niệm Phật thường và niệm Phật chuyên cần. Niệm Phật cũng có hai loại phương pháp : 1/ Dùng miệng niệm ra tiếng, là niệm Phật hữu tướng. 2/ Dùng tâm tưởng niệm, thời thời khắc khắc cùng với lòng từ bi và trí tuệ của Phật tương ứng. Dù niệm Phật ra tiếng hay không, niệm niệm cùng với Phật tương ứng mới gọi là chân thật niệm Phật. Công phu sâu sẽ thành niệm Phật thật tướng, niệm Phật vô tướng. Niệm Phật hữu tướng vẫn là niệm đối nghiệp, niệm Phật vô tướng thì thành tiêu nghiệp vãng sinh.

Thật ra người chuẩn bị đối nghiệp vãng sinh cũng cần nên học tiêu nghiệp, tiêu trừ dần dần chút nào hay chút đó, đời nay tuy không có biện pháp toàn bộ đoạn trừ tội nghiệp đã có, nhưng tội nghiệp tiêu trừ càng nhiều thì phẩm vị sen lên càng cao. Trái lại, thiết nghĩ được Hạ phẩm hạ sinh vẫn có vấn đề.

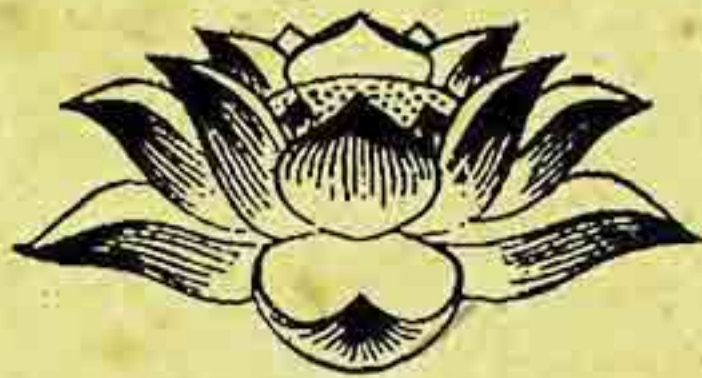
Có một nữ cư sĩ đến hỏi tôi rằng : “Bạch sư phụ, có người nói định nghiệp không thể chuyển được, nếu quả thực như thế thì chúng con sám hối, niệm Phật, tu thiện đều không có tác dụng, lúc thọ

quả báo vẫn phải thọ, vậy thì tu hành căn bản không có tác dụng sao?”. Tôi hỏi cô ta : “Lời hỏi này là ý gì?”. “Bạch sư phụ, cha của con bệnh đã hơn một năm nay, con đã làm mọi thứ như đến chùa dâng hương cầu nguyện, thếp vàng lên tượng Bồ Tát, cúng dường Tăng chúng, thỉnh thầy tụng Kinh Địa Tạng, lễ lạy Kinh Thủy Sám, cũng tích cực tham gia pháp hội Lương Hoàng Bảo Sám, thế nhưng cha của con vẫn không thuyên giảm”. Tôi hỏi : “Cha của cô hiện nay bao nhiêu tuổi?”. “Dạ thưa 83 tuổi”. Tôi nói : “Nghệp tuy có hữu định và bất định, nhưng tính tội vốn không, bản tính của tội nghiệp là không, chỉ vì tâm của mình chẳng không cho nên phải thọ báo. Nếu tâm của ta thật chứng chư pháp vô ngã thì không tội, không nghiệp ngay lúc ấy là giải thoát”.

Vì thế cô muốn tôi dạy cho cha cô phương pháp tâm không, nếu tâm không nghiệp tiêu thì bệnh sẽ dứt. Vấn đề là ở chỗ cha của cô có thể quán sắc tức là không? Có thể quán pháp vô ngã được không? Nếu không thể quán được thì tâm chẳng không, nghiệp cũng chẳng thể tiêu. Như bóng theo hình, không thể nói chỉ quan trọng nơi thân thể mà không quan trọng nơi hình bóng. Trừ phi tâm không chấp trước, không phân biệt, cũng không hữu tâm, vô tâm là vô ngã, đã vô ngã đương nhiên cũng không có quả báo của tội nghiệp, một khi tâm bệnh trị khỏi thì bệnh của thân cũng sẽ

chuyển biến tốt đẹp. Đó là pháp môn tối cao để tiêu tai kéo dài tuổi thọ. Vị nữ cư sĩ sau khi nghe xong rất vui mừng, hy vọng trở về nhà sẽ nói lại cho cha cô biết, tâm không là phương pháp tốt có thể tiêu nghiệp trừ bệnh. Song tôi cũng nói với cô ta, nếu theo pháp môn niệm Phật, dù chưa được tâm không, cũng có thể nghiệp tiêu bệnh trừ.

Đối với người thường, hy vọng cầu sinh thế giới Cực lạc phương Tây, thì lúc sống cần phải niệm Phật, siêng tu cúng dường, rộng gieo ruộng phước, dùng quan niệm báo ân để tiêu nghiệp chướng của mình. Đó cũng là lý tưởng mà Pháp Cổ Sơn chúng ta đề xướng “Đề cao phẩm chất con người, kiến thiết Tịnh độ nhân gian”. Dùng pháp này để trợ giúp cho phạm phu tiêu trừ một ít tội nghiệp, lúc sống tiêu trừ được một phần tội nghiệp thì phẩm vị hoa sen ở phương Tây cũng cao thêm một tí và rộng lớn ra thêm.



7.- TỊNH ĐỘ PHƯƠNG TÂY VÀ TỊNH ĐỘ NHÂN GIAN

Không buông bỏ được thì tự mình không có trí tuệ, không buông bỏ được thì đối với người sẽ không có từ bi. Nếu như không vì một mục đích nào, luôn luôn đem lòng giúp đỡ và cảm thông để đối đãi với người, đó chính là học tập từ bi và trí tuệ của Đức Phật. Người niệm Phật đến lúc từ bi và trí tuệ viên mãn cũng chính là Phật.



Khai thị 1 : Phật thất Thanh minh báo ân

1.- Dùng khăn bông để bảo vệ môi trường

Để bảo vệ môi trường, trong trai đường có đề xướng dùng loại khăn bông bền chắc thay thế cho khăn ăn bằng giấy, sau khi sử dụng xong, giặt sạch phơi khô, rồi lại dùng tiếp, không chỉ sử dụng trong thời gian Phật thất, khi Phật thất viên mãn đem về nhà, lúc trở lại Nông Thiền tự cũng đem theo mình. Rất mong quý vị đến nơi nào ăn uống cũng nên tập thói quen dùng khăn bông và những dụng cụ ăn uống đem theo bên mình.

Trong kỳ Phật thất, khăn tay tặng không để kết duyên. Bình thời đến chùa nên tự mua sắm, sử

dụng đến khi nào hư thì thôi. Nếu dùng xong vất đi, sẽ trái ngược với nguyên tắc đạo lý tiếc phước được phước, tận dụng đồ vật, không nên xài phung phí, tự nhiên sẽ khá.

2.- Thời thời chỗ chỗ đều niệm Phật

Hôm nay là ngày nghỉ có thể có rất nhiều Bồ Tát tùy hỷ hoặc thân hữu của quý vị đến chùa tham gia niệm Phật, có thể gặp mặt nhưng không nên nói chuyện. Tối hôm qua tôi đã khai thị, quý vị dù ở chỗ nào, thời gian nào trong tâm trong khẩu chỉ có một tiếng niệm Phật. Ở trên chính điện, khi kinh hành niệm Phật ra tiếng chậm rãi, sau khi ngồi xuống, trước là dùng tiếng niệm nhanh, càng niệm càng nhanh, sau đó dừng lại, dùng lối mặc niệm. Lúc niệm Phật ra tiếng không luận là nhanh hay chậm đều nên đem tâm đặt nơi danh hiệu Phật, cùng với chúng niệm Phật. Lúc mặc niệm cũng lấy tốc độ như thế dùng tâm mặc niệm. Dù làm việc, kinh hành, uống nước, ăn cơm, rửa tay, lúc nào cũng đều niệm Phật.

3.- Phước lợi xã hội

16 giờ chiều, thị trưởng thành phố Đà Bắc là ông Hoàng Đại Châu đến thăm chúng ta, chúng tôi thay mặt vho toàn thể đại chúng, tin đồ Nông Thiên tự sẽ đem số tiền phước lợi xã hội trong một năm quyên góp linh tinh chia làm ba khoản chi. 1/ Cục Xã hội của chính phủ tại thành phố Đà Bắc. 2/ Khoa

xã hội khu Bắc Đâu mà Nông Thiên tự trực thuộc. 3/ Đội cứu hỏa của làng Kim Sơn tại Pháp Cổ Sơn. Ba đơn vị này có khoảng mười người đến chùa tham gia nghi thức thọ quyên, do thị trưởng họ Hoàng thay mặt nhận tiền. Đây là sự phụng hiến của tín đồ Phật giáo chúng ta đối với xã hội, bao gồm toàn thể tín chúng bản tự và quý vị, do việc làm này cũng được vô lượng công đức.

4.- Khó tu dễ tu

Niệm Phật là phương pháp dễ hành, cũng là phương pháp khó tu hành. Nói dễ là chỉ cần niệm hồng danh sáu chữ Nam mô A Di Đà Phật thì có thể tu hành được. Nói khó là chỉ cho phải niệm đến tâm không tạp niệm. Ngày đêm 24 giờ không rời Phật hiệu, đó chính là hoàn thành niệm Phật tam muội, điều này rất khó.

5.- Sau bữa ăn trưa nghỉ một chút

Chúng ta thức dậy lúc 4 giờ sáng, đi ngủ lúc 10 giờ tối, chỉ có khoảng 6 giờ ngủ, nếu người thể lực yếu cảm thấy rất mệt. Sau khi ăn cơm trưa, lúc công việc kết thúc có thể đến liêu phòng nghỉ 20 phút. Sau ngộ trưa mà mệt mới ngủ gật, thà đi ngủ một giấc còn hơn. Nếu sau khi ăn xong không muốn nghỉ, thì nên vào chính điện lễ Phật, kinh hành, không nên đi chơi hoặc nói chuyện. Có rất nhiều Bồ Tát tùy hỷ niệm Phật, xin quý vị hãy lợi dụng thời gian ngắn ngủi này niệm Phật rất tốt,

không nên nói chuyện với nhau, để khỏi ảnh hưởng đến việc dụng công tu hành của người khác. Nếu muốn nói chuyện, để về nhà hãy nói.

6.- Chỉ niệm Phật không nói chuyện

Các vị Bồ Tát thuộc tổ Tịnh tấn trong thời gian Phật thất cần làm cho được việc thấy mà không thấy, nghe mà không nghe, tuyệt đối không được nói chuyện.

Nguyên nhân của việc cấm nói chuyện có hai :
1/ Nói ở trong tâm không nên hướng ra ngoài nói, dưỡng thành tập quán không nói ra miệng. Cho nên có câu : “Bệnh tự miệng mà vào, họa từ miệng mà ra”. Cấm nói chuyện là dạy chúng ta không chỉ cẩn trọng lời nói, mà còn tiêu trừ được phiền não bên trong. Không gây ảnh hưởng đến người khác, cũng không gây khổ não cho chính mình. 2/ Chúng ta đến đây để niệm Phật tu hành, bình thời đã nói chuyện quá nhiều rồi, trong tâm cũng loạn tưởng quá nhiều rồi, không dễ gì có cơ hội chuyên tâm niệm Phật bảy ngày như vậy. Thật là nhân duyên khó được nên cố gắng tranh thủ niệm Phật nhiều không nên để phí thời gian nói chuyện.

Đêm thứ nhất tôi đã nói, dù thời gian nào cũng đều nên niệm Phật, hoặc ra tiếng hoặc mặc niệm, trong tâm chỉ có một câu Phật hiệu mà thôi. Nghe người khác nói chuyện, hoặc những tạp âm khác, trong tâm phải vừa niệm Phật vừa quán tưởng

đó là y chính trang nghiêm của thế giới Cực lạc, tất cả âm thanh nghe được đều là niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng.

Nếu bạn nói không cẩn thận, hoặc giả trong tâm cũng quên cả niệm Phật, thì phải khởi tâm hổ thẹn, nói với chính mình : Ta đến đây để niệm Phật tu hành, không phải đến nghe người ta nói chuyện, tự mình nói tạt, nghĩ tưởng lung tung. Khởi tâm hổ thẹn lập đi lập lại như vậy, cải sửa chính mình, dần dần tự nhiên có thể chuyên tâm niệm Phật.

7.- Dùng tâm hổ thẹn mà niệm Phật

Thời thời khắc khắc dùng khẩu niệm, dùng tâm niệm. Dùng tâm của mình chiếu cố đến âm thanh niệm Phật của mình với tâm niệm Phật. Chiếu cố là quán chiếu chính ta có đang niệm Phật không. Khi phát hiện mình đang xa rời danh hiệu Phật liền khởi tâm hổ thẹn, rồi chú tâm niệm Phật trở lại. Tâm hổ thẹn không phải là chúng ta quá hối hận buồn rầu, mà chính là sau khi biết liền sửa đổi cho tốt. Đương nhiên khởi tâm hổ thẹn để rồi sau đó sám hối. Nếu biết mà không thể cải tiến được thì phải dùng tâm sám hối mà lễ Phật.

8.- Hồi hướng như thế nào ?

Có người niệm Phật hy vọng mình được tiêu trừ tai nạn, được thỏa mãn tâm nguyện. Có người niệm Phật nguyện đem công đức hồi hướng cho sự nghiệp của mình hoặc của người nhà được thành

tự, nghiệp chướng tiêu trừ, gia quyến bình an, thân thể kiện khang. Hồi hướng hiện đời được lợi ích cũng là chính đáng, nhưng trong bảy ngày này không phải lúc nào cũng đều hồi hướng, vì quý vị đến tham gia Phật thất là đã có tâm hồi hướng rồi. Và lại mỗi ngày tại thời khóa niệm Phật đã có đọc kệ hồi hướng, mỗi tối lại có đại hồi hướng, cho nên phải chí tâm niệm Phật không ngừng, không thể cứ hồi hướng mãi làm mất thời gian niệm Phật, nhiều loạn công phu chuyên tâm niệm Phật.

9.- Thế giới thanh lương (trong sạch mát mẻ)

Khí hậu hôm nay rất mát, mát là đại biểu cho tâm trong sạch ít dục, đại biểu cho cảnh giới trong sạch mát mẻ, cũng là đại biểu cho trí tuệ. Phiền não càng ít thì cảm giác thế giới càng trong mát, phiền não càng nhiều thì nhìn thế giới giống như ngọn lửa lớn đang thiêu đốt. Cho dù khí hậu nóng bức, nhưng nếu có thể niệm Phật đến mức tâm không lo nghĩ thì sẽ cảm được thế giới này là vô ưu vô lự, tự do tự tại. Cũng có thể thể hội được khoảng cách Tịnh độ cõi Phật ngày càng đến gần.

Bởi vì tin Phật càng khẩn thiết, xưng niệm Phật hiệu càng thâm trầm, phiền não cũng sẽ càng ít đi. Chỉ cần nguyện sinh Tịnh độ phương Tây, lúc sắp mạng chung Đức Phật A Di Đà nhất định sẽ đến tiếp dẫn, phẩm vị hoa sen hóa sinh cũng càng cao càng lớn, đó tức là thế giới thanh lương.

10.- Chuyên tu trì danh niệm Phật

Pháp môn niệm Phật vốn có bốn loại : quán tượng, quán tưởng, thật tướng và trì danh. Đại sư Trí Giả tông Thiên Thai chủ trương từ thiên quán mà vào thật tướng. Đến Đại sư Liên Trì cuối đời Minh chủ trương thể cứu niệm Phật, khuyên tu niệm Phật tam muội. Đời Thanh vẫn có nhiều vị Đại sư tu Ban Chu tam muội thiên tịnh song tu. Tuy nhiên đến ngài Ấn Quang năm đầu Dân quốc, đặc biệt chú trọng chấp trì danh hiệu trong Kinh A Di Đà, cho rằng thật tướng niệm Phật rất khó thực hành, người hạ căn ngày nay chẳng thể theo kịp. Vì thế Đại sư chủ trương trì danh niệm Phật, hạ thủ dễ mà thành công cao, ấy là toàn sự tức lý, toàn vọng tức chân, có thể khiến cho người niệm Phật, hiện đời dự nhập dòng Thánh, lâm chung theo Phật vãng sinh, khai tri kiến Phật, đồng Phật thọ dụng. Ngài đã dùng phong khí khéo léo quét sạch thiên tịnh lẫn lộn, đem lý làm sự. Ngài cho rằng thời đại mạt pháp hiện nay, muốn ra khỏi đời ác năm trước, ngoài việc chuyên tu trì danh niệm Phật Tịnh độ phương Tây, không có pháp môn nào khác có thể nương dựa. Đó cũng chính là lý do khoảng mười năm gần đây, phong khí niệm Phật của giới Phật giáo Trung Quốc rất phổ biến.

11.- Chân thật trì danh niệm Phật

Tôi cũng khuyên quý vị nên chí thành tu hành pháp môn niệm Phật trì danh, pháp môn này có thể

giúp chúng ta lúc sắp mạng chung quyết định vãng sinh cõi Phật. Trong hiện đời cũng có thể nâng cao nhân phẩm, tiêu trừ nghiệp chướng, tự lợi lợi người. Nếu có thể niệm Phật khẩn thiết, công phu miên mật, cũng có khi xuất hiện cảnh giới hoát nhiên tâm khai. Bởi vì bản thân trì danh niệm Phật tức là một trong những phương pháp tu hành thiền quán. Cho nên trong “Nhập Đạo An Tâm Yếu Phương Tiện Môn” của ngài Đạo Tín Tổ thứ tư Thiền tông, đặc biệt dẫn dụng pháp tu Nhất hạnh tam muội nêu trong Kinh Văn Thù Thuyết Bát Nhã là : “Cột tâm vào một vị Phật, chuyên xưng danh hiệu Ngài”. Ngay như Kinh Quán Vô Lượng Thọ Phật là kinh điển của Tịnh độ nói : “Tâm này làm Phật, tâm này là Phật”. Cũng được Đại sư Đạo Tín dẫn dụng. Đủ chứng tỏ hai môn thiền tịnh vốn là một nhà. Phương pháp có thể hỗ thông, chỉ là không được dùng tâm gian dối để trục lợi mà thôi.

Trì danh niệm Phật, nghiệp tiêu chướng nhẹ, trong tâm tự nhiên an tĩnh, nhìn thế giới cũng sẽ tự nhiên thanh tịnh, nhìn mọi người dù nhân duyên thuận nghịch cũng có thể xem là chư thượng thiện nhân trợ giúp thành đạo lớn Bồ đề. Dù họ dùng thái độ nào đối đãi với chúng ta cũng đều có thể làm tăng trưởng tư lương Tịnh độ của chúng ta.

Nếu có thể dùng tâm trạng chân thật niệm Phật như lời Đại sư Liên Trì đã dạy mà trì danh niệm Phật, tuy không cầu lợi ích và an lạc cho

mình, trên thực tế sẽ khiến cho bạn thuận lợi mọi bề, được người đắc đạo trợ giúp, dù cho có gặp nghịch cảnh cũng có thể biến xấu thành tốt. Đó chính là hiện đời niệm Phật đạt được an toàn bảo đảm, vị lai nhất định vãng sinh Tịnh độ.

Dùng tâm thanh tịnh chân thật niệm Phật, đem tâm chấp trước và tâm tự tư mà mình có, dần dần buông bỏ để chuyên tâm nhất ý niệm Phật, cảm thọ và quan niệm tự nhiên sẽ được cải biến, chuyển nhà lửa tam giới thành thế giới trong mát, biến vô minh phiền não thành biển trí tuệ, hóa tham dục sân nhuế thành tấm lòng từ bi. Lúc ấy thấy chúng sinh hiện hữu ở thế giới này đều là Bồ Tát, hiện đời đã thể hội được y chính trang nghiêm của thế giới Cực lạc phương Tây. Cho nên công đức niệm Phật thực tại rất tốt đẹp, rất to lớn, mong quý vị nên chân thật niệm Phật.

12.- Phật A Di Đà có 14 danh hiệu

Quý vị liên hữu thân mến, chúng ta mỗi ngày niệm Phật A Di Đà, mà ý nghĩa danh hiệu của Ngài có thể vẫn có những người chưa biết được. Y cứ vào sự giới thiệu trong Kinh Vô Lượng Thọ, Phật A Di Đà lại có tên là Phật Vô Lượng Thọ, Phật Vô Lượng Quang, Phật Vô Biên Quang, Phật Vô Ngại Quang, Phật Vô Đối Quang, Phật Viêm Vương Quang, Phật Thanh Tịnh Quang, Phật Hoan Hỷ Quang, Phật Trí Tuệ Quang, Phật Bất Đoạn Quang, Phật Nan Tư Quang, Phật Vô Xung Quang, Phật

Siêu Nhật Nguyệt Quang, tổng cộng 14 tôn hiệu, đều đại biểu cho trí tuệ rộng lớn và từ bi rộng lớn của Phật A Di Đà. Cũng có thể nói, nếu hay tu trì pháp môn niệm Phật của Phật A Di Đà và được Đức Phật chiếu cố, thì có thể ở mọi lúc mọi nơi, ánh sáng trí tuệ và lòng từ bi của Phật mãi mãi trợ giúp cho chúng ta được bình an, dũng khí, nghị lực, kiên cường, hạnh phúc, hoan hỷ, khoái lạc, thanh tịnh, không gì có thể so sánh được, rất tốt, không thể nghĩ bàn. Dù có chúng sinh ngu muội cực tuyệt Ngài, nhưng Ngài vẫn mãi mãi không để cho bất kỳ chúng sinh nào thất vọng. Nếu có chúng sinh phiền não chướng ngại, có nghiệp chướng hiện tiền, chỉ cần trì danh xưng niệm Thánh hiệu Phật A Di Đà, sẽ được tâm khai ý giải, cõi lòng cởi mở.

13.- Phật A Di Đà là trí tuệ và từ bi

Tất cả trạng huống sự vật của thế gian, đều do mối quan hệ nhân quả trước sau tạo thành, cũng là do mối quan hệ nhân duyên bất đồng mà hình thành, cho nên nói nhân quả bất khả tư nghị, nhân duyên bất khả tư nghị. Phàm tất cả sự việc chúng ta chỉ biết tận lực mà làm, nhưng không thể tùy tâm mong muốn cái gì liền được cái đó. Người phàm phu ngu si không hiểu được đạo lý này, cho nên cứ mong muốn mọi việc đều được như ý, nếu không được bèn quay trở lại, không oán trời trách người, thì cũng mất tự tin, sinh khởi phiền não. Cho nên cần phải niệm Phật để nhờ sức Phật đem đến ánh sáng trí tuệ cho ta.

Không buông bỏ được thì tự mình không có trí tuệ, không buông bỏ được thì đối với người sẽ không có từ bi. Hay nghĩ tưởng như thế đối với tất cả người sẽ sinh khởi tâm thông cảm và tâm tôn kính. Thông cảm vì người ta cũng là phàm phu trói buộc, tôn kính vì người ta cũng có nhân cách độc lập. Như đối với sự khổ nạn rắc rối của người khác ra tay cứu giúp không có điều kiện, đó chính là tâm từ bi. Nếu như không vì mục đích nào hết, lúc nào cũng dùng tâm trợ giúp và cảm thông đối đãi với người, tức là tấm lòng của Bồ Tát, cũng là từ bi của Bồ Tát, Bồ Tát là giai đoạn dự bị để thành Phật, người tu hành gọi là Bồ Tát, tức là học tập từ bi và trí tuệ của Đức Phật. Người niệm Phật đến lúc từ bi và trí tuệ viên mãn cũng tức là Phật.

Trong “Tứ Chúng Phật tử cộng miên ngữ” của tôi viết có hai câu : “Từ bi không có người thù địch, trí tuệ không khởi lòng phiền não”. Trên thực tế nếu có thể đem câu này phát huy rộng rãi thì chính là Vô Lượng Thọ, Vô Lượng Quang, Thanh Tịnh Quang, Hoan Hỷ Quang, Trí Tuệ Quang của Phật A Di Đà. Dùng thọ mạng vô lượng mãi mãi cứu độ chúng sinh, dùng trí tuệ vô lượng phổ chiếu chúng sinh, dùng từ bi vô lượng bình đẳng thương xót chúng sinh.

Tu hành pháp môn niệm Phật, phải nên biết ý nghĩa của Phật A Di Đà. Nếu muốn đích thân mình thể nghiệm ý nghĩa này, nên dùng trí tuệ và từ bi để phát nguyện hồi hướng cho mình được sinh Tịnh độ

cõi Phật, cũng phát nguyện mong muốn cho tất cả chúng sinh nhờ công đức niệm Phật của chúng ta mà được vãng sinh Tịnh độ cõi Phật, đó chính là tâm phát nguyện hồi hướng.

14.- Tịnh niệm tương kế nhập lưu vong sở

Nếu dùng tâm niệm Phật, ngay đó xa lìa được thống khổ phiền não. Nếu dùng chuyên tâm niệm Phật, thì sẽ phát hiện phiền não vốn không trụ tại trong tâm. Nếu dùng nhất tâm niệm Phật, niệm niệm đều là Phật A Di Đà, đó là “tịnh niệm tương kế” như trong Kinh Lăng Nghiêm đã nói. Nếu dùng vô tâm niệm Phật, lập tức mất cả tự mình năng niệm và Phật hiệu sở niệm, đó là “nhập lưu vong sở” như Kinh Lăng Nghiêm đã nói. Niệm Phật mà được nhất tâm như Đại sư Liên Trì nói có sự nhất tâm và lý nhất tâm. Tâm không vọng tưởng là sự nhất tâm, trong tâm vô ngã tức là lý nhất tâm thân chứng thật tướng Bát nhã. Đại sư Trí Giả tông Thiên Thai sáng lập thuyết “một niệm ba ngàn”, y cứ vào Sám nghi Pháp Hoa Tam muội do ngài soạn. Một niệm của Đại sư Trí Giả là thông cả phàm thánh mười pháp giới. Một niệm vọng tâm của phàm phu cũng tức là đầy đủ ba ngàn công đức. Đủ biết Thiên Thai tuy lập bốn loại Tịnh độ, nhưng trong một độ nào cũng nhiếp cả ba độ khác, trong một niệm nào cũng thường có đầy đủ sự lý. Không cần phải quan tâm chúng là sự nhất tâm hay là lý nhất tâm, cũng không cần phải quan tâm chúng là phàm hay thánh, chỉ cần

nắm chắc một niệm tâm ngay lúc đó chính là toàn thể đại dụng của tất cả chư Phật trong mười phương ba đời. Dùng cách này để quán sát công đức niệm Phật, dù tán tâm niệm Phật hay nhất tâm niệm Phật, đều có vô lượng công đức, đều có thể “hiện đời dự vào dòng Thánh” như Đại sư Ấn Quang đã nói. Đây cũng tức là viên giáo sở nhiếp của tông Thiên Thai.

Đến như làm thế nào để nắm chắc một niệm tâm hiện tiền, vẫn là phải tu quán hạnh, thường hành tam muội trong bốn loại tam muội của tông Thiên Thai, tức là lấy 49 ngày làm kỳ hạn, hằng trì danh hiệu Phật A Di Đà, ngày đêm không có dừng nghỉ.

15.- Ba loại người niệm Phật

Mục đích niệm Phật có ba loại : 1/ Có một loại người niệm Phật để cầu tiêu tai sống lâu, lành bệnh, kiện khang, siêu độ người mất. 2/ Có một loại người niệm Phật là để cầu lúc lâm chung được vãng sinh về Tịnh độ Cực lạc phương Tây. 3/ Có một loại người lúc niệm Phật, niệm niệm Phật hiệu niệm niệm Tịnh độ, niệm niệm Phật hiệu trong mỗi niệm thể hiện vô lượng công đức của Phật. Ba loại người này, loại trước không bằng sau. Loại sau toàn nhiếp trước. Nếu chúng ta lấy việc kiếm tiền làm thí dụ thì loại người thứ nhất là kiếm được tiền sắt, loại người thứ hai là kiếm được tiền đồng và tiền bạc, loại người thứ ba là kiếm được tiền vàng và kim cương. Nếu chỉ lấy tiền sắt, nhất định không đổi được tiền bạc và tiền vàng. Nếu đã lấy được tiền vàng và kim cương,

đương nhiên có thể mua được tiền sắt, tiền đồng, tiền bạc. Cho nên tôi muốn khuyên quý vị đã đến tham gia Phật thất, nghe được pháp môn niệm Phật cần phải có mục tiêu, không nên dừng lại ở loại một.

Làm thế nào để lấy được tiền vàng ? Phải có đại nguyện, ra sức quyết tâm, dùng thâm tâm niệm Phật, chuyên tâm niệm Phật, nhất tâm niệm Phật, cho đến tiến một bước nữa đạt đến trình độ vô tâm niệm Phật.

16.- Một niệm niệm Phật thời một niệm thấy Tịnh độ

Đương nhiên không nên nóng vội, vì nhất tâm niệm Phật và vô tâm niệm Phật là việc so ra không dễ gì làm. Ngay như tâm trạng và quan niệm của người niệm Phật loại ba thì có thể dùng tín tâm để thử thể hội. Ít nhất cũng phải hiểu, trong miệng niệm Phật ra tiếng trong tâm biết là đang niệm Phật, một niệm tiếp nối một niệm, một tiếng liền nhau một tiếng, tin rằng mình đang niệm Phật A Di Đà, công đức bốn nguyện của Phật A Di Đà, đều ở trong mỗi tiếng Phật hiệu, cũng đều ở trong một niệm niệm Phật mà mình đang niệm. Đây là điều có thể làm được. Nếu chúng ta làm được như vậy thì lúc một niệm niệm Phật, một niệm thấy Tịnh độ. Thấy Tịnh độ nào ? Đương nhiên là Tịnh độ của Phật A Di Đà, đó là Tịnh độ trong tâm mình, cũng chẳng lìa Tịnh độ phương Tây, đây chính là Tịnh độ nhân gian cùng với bốn loại Tịnh độ có mối quan hệ mật thiết, không một cũng không khác.

17.- Quý tiếc tài nguyên thiên nhiên

Quý vị Bồ Tát, sau ngộ xin quý vị chịu đựng một chút, bởi vì cúp nước, cho nên không được tắm rửa, giặt quần áo, đi vệ sinh cũng phải hết sức tiết kiệm nước, nếu không ngày mai sẽ thiếu nước dùng. Hiện tại chúng ta đang sử dụng nước trong bồn chứa, lượng nước không còn nhiều, chỉ nên dùng vào việc ăn uống mà thôi. Nguồn tài nguyên thiên nhiên của thế giới này có hạn, lúc được ăn no mặc đẹp phải nghĩ đến ngày đói khổ bần cùng, lãng phí thì toàn bộ nguồn tài nguyên của địa cầu sẽ bị giảm thiểu. Nước cũng là phước báo của chúng ta, lúc có nước dùng, tuy biết nước không giá trị bằng tiền, nhưng lúc thiếu nước, nước so với vàng còn quý hơn. Không có vàng người ta không chết, không có nước uống thì người ta khó mà sống được. Lúc đại hạn hán đến, một giọt nước khó tìm. Cầu trời trời không ứng, kêu đất đất cũng làm ngơ, đó đều là do nơi phước báo không đủ, mới có tai nạn giáng lâm. Trái lại, hôm nay lại là giáo trình giảng dạy rất tốt, trong kỳ Phật thất này bị cúp nước, chính là dạy cho chúng ta từ nay về sau phải tiết kiệm dùng nước, cũng cần phải quý tiếc tài nguyên vốn có.

18.- Cảm ân và báo ân

Phật thất lần này chúng ta tham dự là Phật thất báo ân. Nếu chúng ta dùng tâm báo ân để sinh hoạt, làm việc, tu hành nhất định sẽ được cảm kích và sẽ không có ý niệm oán hận, thất vọng, không

tin phục, không công bình. Dù làm việc gì đều là vì báo ân, báo đáp ân huệ của cha mẹ, sư trưởng, Tam Bảo, quốc gia, xã hội và tất cả chúng sinh. Trả tất cả, dù là trách nhiệm hay nghĩa vụ, cho đến các thứ lừa gạt vơ vét tài sản không hợp tình lý, đều xem là không phải bị hại, cũng không phải trả nợ, mà phải xem đó là hoàn nguyện báo ân. Lúc chúng ta ăn uống, thời khắc dùng cho thân thể, lúc dùng đến tài nguyên xã hội và tài nguyên thiên nhiên đều phải có tâm cảm ân. Trường hợp gặp được bất kỳ người nào cũng phải quý tiếc nhân duyên này, gặp bất kỳ việc gì phát sinh, có lợi cũng không nên mừng quá, có hại cũng không nên oán hận. Nếu siêng niệm Phật tất nhiên đối với các cảnh thuận nghịch, nhất luật dùng tâm bình thường để đối xử, dùng tâm cảm ân để xử lý. Nếu dùng tâm cảm ân đối mặt với cuộc sống, thì sẽ có các loại thiện pháp, thiện cảnh giới xuất hiện. Sẽ cảm nhận được pháp hỷ sung mãn. Ít nhất lúc đối với cảnh ác hiện tiền không đến nỗi mất đi sự chọn lọc của trí tuệ và tấm lòng từ bi.

19.- Báo ân như thế nào ?

Sau khi Phật thất viên mãn, mỗi người đều phải lập chí làm một người báo ân. Trước tiên làm sao cho gia đình chiếu cố đến nhiều hơn và ít phiền toái hơn. Dùng bố thí và cúng dường Tam Bảo để hỗ trợ cho người tiếp thụ Phật pháp, tu học Phật pháp càng nhiều hơn. Sắp xếp thời gian rảnh rỗi tham gia các công tác phúc lợi. Tự mình tu trì Phật

pháp được lợi ích, cũng nên hỗ trợ cho nhiều người tu học Phật pháp đạt được lợi ích.

Thời gian tôi còn là chú tiểu sa di, không có ai cúng dường, mùa Đông không có áo bông lại do cha mẹ nghèo khổ nên phải bán lúa mạch khẩu phần ăn của gia đình, để đổi lấy áo bông đem đến chùa cho tôi. Lúc ấy tôi nghĩ : Sau này khi tôi trưởng thành nhất định sẽ báo đáp ân đức cha mẹ. Nhưng báo ân bằng cách nào đây ? Đến nay thì cha mẹ đã qua đời, chỉ còn cách dùng thân thể mà cha mẹ đã sinh ra mình, tu học Phật pháp, hoằng dương Phật pháp cho tốt, khiến cho người tu học Phật pháp, hoằng dương Phật pháp càng nhiều, giúp cho chúng sinh lìa khổ được vui để báo ân cha mẹ. Tôi cũng mang rất nhiều ân của bậc thầy thế độ, bao quát trước sau hai lần xuất gia, các ngài đã dẫn dắt tôi ra khỏi trần thế, đi trên con đường học Phật tu hành, ân sâu hơn biển, đức dày hơn trời, lại còn có Hòa thượng truyền pháp, thầy dạy đạo, giới sư truyền giới v.v... đều là ân nhân đại đức của tôi, không làm sao báo đền hết, chỉ biết mỗi ngày vào lúc khóa tụng vì các ngài mà lễ bái, đem ân đức thọ nhận từ các ngài, phổ thí cho tất cả chúng sinh hữu duyên để làm sự báo ân.

20. – Bồ Tát vạn hạnh kết thiện duyên với vạn người

Trong kỳ Phật thất lần này có rất nhiều Bồ Tát đến làm việc trợ duyên như : phụ giúp hướng dẫn nơi nhà khách, quét dọn sửa sang cảnh chùa,

mỗi tối ở bên ngoài cổng lớn vì các Bồ Tát đến tùy hỷ niệm Phật mà xông pha mưa gió để chỉ huy giao thông, lại có những Bồ Tát phát tâm lo việc nhà bếp rất khổ cực, mỗi ngày phải dậy sớm làm cho đến tối, vì số lượng chúng ta cả ngàn người ăn uống. Họ chỉ hy vọng đem sự thành tựu tu hành của chúng ta để báo ân Tam Bảo, ân cha mẹ, ân sư trưởng, ân chúng sinh và ân quốc gia. Bởi vì sự tu hành của chúng ta là cải biến tự thân của chúng ta, đối với thân hữu và xã hội quảng đại, sẽ có ảnh hưởng tích cực trực tiếp, sẽ đem lại lợi ích cho rất nhiều người. Cho nên các vị Bồ Tát công quả đó hộ trì đạo tràng, hộ trì Phật thất, cũng là tu hành Phật pháp và hoằng dương Phật pháp. Chúng ta thường chỉ nghĩ đến người niệm Phật trên chính điện mới là báo ân, mới là tu hành. Kỳ thật, các vị Bồ Tát đó hộ trì chúng ta tu hành cũng là tu hành, mà còn là đại tu hành nữa. Cho nên rất mong những vị đến niệm Phật lần này, lần sau cũng nên phát tâm đến trợ duyên công quả hộ thất. Trong đoàn thể Pháp Cổ Sơn của chúng ta nơi đây được tôn xưng Bồ Tát vạn hạnh, mọi người đều đem sở tri sở năng và sở hữu sở trường của mình để kết thiện duyên với vạn người, cũng là để cho vạn người kết thiện duyên với chính họ. Tịnh độ nhân gian của chúng ta, chính là phải dựa vào niềm tin và hành động như thế để kiến thiết.



Khai thị 2 : Phật thất Thanh minh báo ân

1.- Khẩn thiết, hoan hỷ, không lìa danh hiệu Phật

Quý vị liên hữu thân mến, A Di Đà Phật ! Chúng ta hiện tại bắt đầu đi vào giai đoạn tu hành Phật thất Thanh minh, mong quý vị dùng tâm khẩn thiết, tâm hoan hỷ để tu hành pháp môn niệm Phật bảy ngày, tốt nhất nên xem niệm Phật thất như là bắt đầu lại một đời sống mới. Chúng ta bình thường dùng tán tâm niệm Phật, trong thời gian Phật thất phải dùng chuyên tâm niệm Phật, sau đó đến nhất tâm niệm Phật. Vì sao phải hoan hỷ ? Vì có thể niệm Phật được, lại có thể tham gia niệm Phật bảy ngày, là nhờ bản thân bạn có đại phước báo, căn lành sâu dày, rất nhiều người không được mà bạn được, cho nên phải hoan hỷ. Đồng thời lúc niệm Phật phải đem tâm niệm của bạn và danh hiệu Phật gắn liền với nhau, tạo thành một khối. Danh hiệu Phật chính là bản thân bạn, bản thân bạn chính là danh hiệu Phật, tâm của bạn phải tương ứng với danh hiệu của Phật A Di Đà. Ở trên Phật điện niệm Phật, ở trong trai đường niệm Phật, lúc ngủ cũng niệm, khi đi làm lễ cũng niệm, cho đến khi rửa tay cũng niệm, dù niệm thầm hay niệm ra tiếng trong tâm lúc nào cũng có danh hiệu Phật.

2.- Trí tuệ vô lượng

Ý nghĩa Phật A Di Đà là vô lượng thọ, vô lượng quang, tức là thọ mạng vô lượng và ánh sáng

mỗi tối ở bên ngoài cổng lớn vì các Bồ Tát đến tùy hỷ niệm Phật mà xông pha mưa gió để chỉ huy giao thông, lại có những Bồ Tát phát tâm lo việc nhà bếp rất khổ cực, mỗi ngày phải dậy sớm làm cho đến tối, vì số lượng chúng ta cả ngàn người ăn uống. Họ chỉ hy vọng đem sự thành tựu tu hành của chúng ta để báo ân Tam Bảo, ân cha mẹ, ân sư trưởng, ân chúng sinh và ân quốc gia. Bởi vì sự tu hành của chúng ta là cải biến tự thân của chúng ta, đối với thân hữu và xã hội quảng đại, sẽ có ảnh hưởng tích cực trực tiếp, sẽ đem lại lợi ích cho rất nhiều người. Cho nên các vị Bồ Tát công quả đó hộ trì đạo tràng, hộ trì Phật thất, cũng là tu hành Phật pháp và hoằng dương Phật pháp. Chúng ta thường chỉ nghĩ đến người niệm Phật trên chính điện mới là báo ân, mới là tu hành. Kỳ thật, các vị Bồ Tát đó hộ trì chúng ta tu hành cũng là tu hành, mà còn là đại tu hành nữa. Cho nên rất mong những vị đến niệm Phật lần này, lần sau cũng nên phát tâm đến trợ duyên công quả hộ thất. Trong đoàn thể Pháp Cổ Sơn của chúng ta nơi đây được tôn xưng Bồ Tát vạn hạnh, mọi người đều đem sở tri sở năng và sở hữu sở trường của mình để kết thiện duyên với vạn người, cũng là để cho vạn người kết thiện duyên với chính họ. Tịnh độ nhân gian của chúng ta, chính là phải dựa vào niềm tin và hành động như thế để kiến thiết.



Khai thị 2 : Phật thất Thanh minh báo ân

1.- Khẩn thiết, hoan hỷ, không lia danh hiệu Phật

Quý vị liên hữu thân mến, A Di Đà Phật ! Chúng ta hiện tại bắt đầu đi vào giai đoạn tu hành Phật thất Thanh minh, mong quý vị dùng tâm khẩn thiết, tâm hoan hỷ để tu hành pháp môn niệm Phật bảy ngày, tốt nhất nên xem niệm Phật thất như là bắt đầu lại một đời sống mới. Chúng ta bình thường dùng tán tâm niệm Phật, trong thời gian Phật thất phải dùng chuyên tâm niệm Phật, sau đó đến nhất tâm niệm Phật. Vì sao phải hoan hỷ ? Vì có thể niệm Phật được, lại có thể tham gia niệm Phật bảy ngày, là nhờ bản thân bạn có đại phước báo, căn lành sâu dày, rất nhiều người không được mà bạn được, cho nên phải hoan hỷ. Đồng thời lúc niệm Phật phải đem tâm niệm của bạn và danh hiệu Phật gắn liền với nhau, tạo thành một khối. Danh hiệu Phật chính là bản thân bạn, bản thân bạn chính là danh hiệu Phật, tâm của bạn phải tương ứng với danh hiệu của Phật A Di Đà. Ở trên Phật điện niệm Phật, ở trong trai đường niệm Phật, lúc ngủ cũng niệm, khi đi làm lễ cũng niệm, cho đến khi rửa tay cũng niệm, dù niệm thầm hay niệm ra tiếng trong tâm lúc nào cũng có danh hiệu Phật.

2.- Trí tuệ vô lượng

Ý nghĩa Phật A Di Đà là vô lượng thọ, vô lượng quang, tức là thọ mạng vô lượng và ánh sáng

vô lượng. Phật A Di Đà có thể ở trong khoảng thời gian dài vô tận, tiếp dẫn chúng sinh vô lượng, cho nên gọi là vô lượng thọ, hay dùng trí tuệ vô biên và lòng từ bi vô tỉ, chiếu cố đến chúng sinh trong biển khổ vô cùng, cho nên gọi là vô lượng quang. Lúc chúng ta niệm Phật, trong tâm phải tương ứng với từ bi và trí tuệ, cũng tức là phải tương ứng với vô lượng quang của Phật A Di Đà, tâm của chúng ta vĩnh viễn không được xa lìa trí tuệ và từ bi. Tâm của chúng ta cũng vĩnh viễn không được xa lìa danh hiệu Phật A Di Đà, đó cũng là vô lượng thọ.

3.- Không một không hai, sinh mạng vô thường

Lúc niệm Phật, Phật A Di Đà với chúng ta hiệp làm một, không một không hai, cũng không phải một cũng không phải hai. Bởi vì ngay lúc chúng ta niệm Phật, Phật A Di Đà là danh hiệu Phật mà chúng ta phải niệm, cho nên không phải là một, thế nhưng lúc niệm Phật A Di Đà, tâm chúng ta với Phật A Di Đà hợp làm một, cho nên không phải một cũng không phải hai.

Chúng ta cùng niệm Phật chung với người một chỗ, cũng là không một không hai. Bởi vì mọi người cùng niệm Phật A Di Đà, bạn niệm Phật A Di Đà của bạn, tôi niệm Phật A Di Đà của tôi, mà không phải cá nhân nào niệm; thế nhưng mọi người ở một chỗ cùng chung niệm Phật A Di Đà, trong tâm chỉ có một Phật A Di Đà chung, cho nên cũng không thể tách rời được.

Nếu thể nghiệm được đạo lý này, chúng ta có thể tin tưởng đang lúc bản thân mình tham gia Phật thất niệm Phật, những oán thân trái chủ của chúng ta, cha mẹ và thân hữu của chúng ta hiện còn, tiên vong quyến thuộc của chúng ta cũng với chúng ta không một không hai, cũng với chúng ta niệm Phật một chỗ. Chúng ta được lợi ích về niệm Phật, họ cũng được lợi ích về niệm Phật, cho nên Phật thất Thanh minh báo ân, một mặt tự mình được công đức tu hành, đồng thời cũng đem công đức tu hành này chia cho thân hữu trái chủ của chúng ta. Dù là người còn sống hay đã chết họ đều nhờ công đức niệm Phật của chúng ta mà hưởng được lợi ích rất lớn.

Trong quá trình tu hành Phật thất kỳ này, điều cần nhất là yêu cầu quý vị không nên nói chuyện, cho đến cũng không nên đối thoại với chính mình, chỉ chuyên tâm niệm Phật. Đồng thời phải lợi dụng thời gian nhàn rỗi, vừa niệm Phật vừa lễ Phật, mỗi ngày ít lắm cũng phải được 300 lạy. Hy vọng quý vị không nên lãng phí thời gian, sinh mạng vô thường, thời gian có hạn.

4.- Tham gia Phật thất chính thật là báo ân

Tham gia tu hành Phật thất Thanh minh là vì báo ân, vậy báo ân ai ? Phật dạy có bốn ân, Thanh minh chủ yếu là báo ân cha mẹ và ân chúng sinh.

Người Trung Quốc trong một năm thông thường có ba lần cúng tổ tiên : Thanh minh, Trung nguyên và Tết. Đây chính là uống nước nhớ nguồn,

biểu đạt tấm lòng đối với tổ tiên, biểu thị sự tưởng nhớ và lòng biết ơn.

Đây chính là phong tục tập quán của dân tộc Trung Hoa do lịch sử tạo thành. Người Trung Quốc xem trọng việc cúng tổ tiên nên ấn định một năm ba tiết như vậy. Đối với Ấn Độ và Âu Mỹ thì không như thế. Như trước đây có một vị cư sĩ quốc tịch Mỹ tham dự Phật thất tại Nông Thiên tự, nếu đem việc cúng tế Thanh minh mà nói với ông ta thì không thích hợp lắm, thế nhưng lấy phong tục của người Trung Quốc để nói thì Thanh minh báo ân là rất trọng yếu. Phật giáo từ Ấn Độ truyền đến Trung Quốc đã không phế bỏ phong tục tập quán của người Trung Quốc, trái lại còn thích ứng với văn hóa bản địa của Trung Quốc, tín đồ Phật giáo cũng tế tự tổ tiên giống như người Trung Quốc vậy.

Người Trung Quốc bình thường chỉ biết cúng tế một lần vào dịp Tết, như vậy có tác dụng không? Có, đây chính là một loại thăm hỏi đối với tiên vong quyến thuộc, cho đến đối với những cô hồn vất vưởng biểu thị sự quan tâm, cho nên có tác dụng, thế nhưng không phải là nhiều lắm. Nếu có thể vận dụng Phật pháp để siêu độ tiên vong, thì mới có tác dụng lớn lao chân chính. Bởi vì dùng Phật pháp để hóa giải phiền não, oán kết trong tâm của họ, khiến họ có thể ly khai quỷ đạo mà sớm sinh về thiện đạo, hoặc sinh thiên quốc, hoặc vãng sinh Tịnh độ cõi Phật. Đem công đức niệm Phật và

năng lực niệm Phật của chúng ta hồi hướng cho họ, đồng thời cũng dẫn dắt họ cùng niệm Phật, giúp cho tiên vong quyến thuộc và những cô hồn không người thờ cúng được siêu sinh lìa khổ. Đó chính là dùng Phật pháp để làm Phật sự siêu độ, so với việc biểu lộ bằng hình thức lễ cúng tảo mộ hoặc đốt giấy tiền vàng bạc v.v... có tác dụng hơn nhiều.

Cho nên chúng ta gặp lúc tiết Thanh minh, dùng công đức tu hành Phật thất để báo ân, có lợi cho người chết mà cũng có ích cho người sống, mới là hữu dụng chân thật. Bao quát cả chúng sinh hữu hình và vô hình đều được lợi ích. Họ từ vô thủy đến nay đối với chúng ta đều có ân, cho nên cũng dùng công đức niệm Phật để hồi hướng cho họ, đồng thời cũng dùng oai lực Tam Bảo dẫn dắt họ cùng tu hành.

Tôi xin hỏi quý vị, hiện tại có bao nhiêu chúng sinh tham gia Phật thất này ? Người thì không có bao nhiêu, đang nghe tôi khai thị không đến 1000 vị. Thế nhưng quý vị có thấy không ? Trên vách tường chúng ta thấy có cả ngàn bài vị thờ, lại thêm hàng trăm ngọn đèn. Trên mỗi bài vị, mỗi ngọn đèn, có viết một tên người, biết bao nhiêu là tên, viết rất nhiều lịch đại oán thân trái chủ, còn viết cả lịch kiếp oán thân trái chủ và cô hồn không người thờ cúng. Cho nên chúng ta phải biết, ngày nay tại chỗ niệm Phật này, không chỉ có một số người chúng ta, còn có vô số chúng sinh mà mắt thịt không thể thấy được, cũng đang niệm Phật

nghe pháp. Nếu oán thân trái chủ đã chuyển sinh và không đến được, cũng sẽ do công đức niệm Phật của chúng ta mà được lợi ích.

5.- Ý nghĩa và công năng của siêu độ

Hiện tại tôi cũng căn cứ Phật pháp giới thiệu với quý vị về ý nghĩa siêu độ chúng sinh, công năng siêu độ chúng sinh.

Ý nghĩa siêu độ là dùng Phật pháp thanh tịnh hóa giải khổ nạn chúng sinh, khiến cho chúng sinh ra khỏi biển khổ phiền não sinh về Tịnh độ Phật quốc. Mục đích chúng ta tu học Phật pháp chính là muốn từ bờ khổ nạn bên này siêu độ đến bờ giải thoát bên kia. Nhiều người hiểu lầm cho là Phật pháp chỉ siêu độ người chết, siêu độ vong linh, kỳ thật Phật pháp tuy có công năng độ vong, nhưng tác dụng lớn nhất của nó là siêu độ người sống tu hành Phật pháp. Tu hành Phật pháp thì có thể từ trong ngu si, vô minh, phiền não đạt được giải thoát. Dùng năng lực tu hành giới định tuệ, có thể khiến cho chúng ta từ phàm phu sinh tử đạt đến cảnh giới Bồ Tát, Phật bất sinh bất tử, đó mới là siêu độ chân chính.

Công đức siêu độ có cạn có sâu. Trên đường tu hành Phật pháp, đi một bước là siêu độ một bước, đi hai bước là siêu độ hai bước. Chúng ta mỗi khi niệm một câu danh hiệu Phật thì ở trong biển khổ di chuyển đến bờ một bước. Cho nên tín đồ Phật giáo trong địa vị phàm phu là đang siêu độ, Phật Bồ Tát trong địa vị thánh giả là đã siêu độ. Chúng ta mỗi khi

niệm một câu danh hiệu Phật đều đang siêu độ chính mình. Tổ tiên hoặc oán thân trái chủ của chúng ta, cho đến những cô hồn vô tự đối với chúng ta có duyên nhờ sự niệm Phật của chúng ta mà được lợi ích, được siêu độ. Đó là chúng ta báo ân, kết duyên, hoàn nguyện, có sự quan tâm, cũng tức là thực hành đạo Bồ Tát tự lợi lợi tha. Dùng Phật pháp để trợ giúp yong linh, khiến cho họ nghe được Phật pháp, cũng có thể được tâm ý khai mở, phát sinh trí tuệ, cầu sinh Tịnh độ Phật quốc. Đó gọi là siêu độ chúng sinh.

Từ quan điểm Phật pháp để lý giải, chúng sinh đều ở trong ngũ thú lục đạo từ sinh đến tử, tử rồi lại sinh, gọi là sinh tử lưu chuyển, không phải vĩnh viễn làm quỷ, không phải vĩnh viễn làm người, cũng không phải vĩnh viễn làm súc sinh, hay làm thiên thần. Bởi vì người phải chết, ngũ thú chúng sinh đều phải chết. Họ chết rồi sau này làm gì ? Đi chuyển sinh. Chuyển sinh đến đâu ? Là y theo nghiệp nhân của chính họ từ vô thủy đến nay, mà sinh đến chỗ phải sinh. Nhân duyên lành thì sinh đến chỗ lành, nhân duyên ác thì sinh đến chỗ xấu. Nếu tu nhân duyên Bồ đề vô lậu, nương nhờ nguyện lực của Phật thì sẽ sinh về Tịnh độ cõi Phật. Chiếu theo lời giảng trên thì tổ tiên của chúng ta, oán thân trái chủ lịch kiếp không nhất định đều ở trong quỷ thú. Bởi vì từ vô thủy kiếp đến nay, chúng ta với rất nhiều chúng sinh phát sinh quan hệ ân oán với nhau. Cho nên chúng ta vẫn không biết được có bao nhiêu chúng sinh có quan hệ với chúng ta ở trong quỷ đạo, thần đạo hoặc thiên đạo, và

chúng ta cũng không biết có bao nhiêu oán thân trái chủ ở trong địa ngục đạo và súc sinh đạo. Để báo ân họ, chúng ta nhất định phải dùng Phật pháp, đem công đức tu học Phật pháp, hoằng dương Phật pháp, hộ trì Phật pháp để hồi hướng cho họ, khiến cho họ được lợi ích, có thể lìa khổ được vui.

6.- Quỷ và thần

Chúng sinh thuộc quỷ đạo chia làm ba loại : vô tài, thiếu tài và đa tài. Vô tài vô phước là ngã quỷ không có tự do. Thiếu tài thiếu lực là quỷ thần nương gá nơi cỏ cây. Đa tài đại phước là quỷ thần tự do đại lực. Quỷ không tự do là chúng sinh ở địa ngục. Nhưng cũng có một số quỷ thần, tuy không có phước báo, nhưng cũng không có tội báo lớn lắm. Hoặc giả có một loại linh thể, chúng có tội báo và phước báo vẫn chưa có thọ báo, đang đợi nhân duyên đi thọ báo, vẫn ở trong vòng quỷ đạo. Những hồn ma này lơ lửng ở không trung, trôi nổi tại nhân gian mà mắt thịt của người không thể nhìn thấy được. Những quỷ thần này rất dễ kết duyên với người, có một số cũng quấy phá người. Do đó nếu chúng ta dùng Phật pháp kết duyên với họ, đối với họ có lợi ích rất lớn, giúp họ sau khi tâm ý khai mở có thể được siêu độ.

Quỷ thần tự do và không tự do ở chỗ là quỷ thần phước báo lớn thì phạm vi tự do của họ lớn tương đương. Quỷ Trung Quốc có thể đi Mỹ quốc, quỷ Mỹ quốc cũng có thể đến Đài Loan. Họ có một số thần thông lực muốn đi đâu liền đến đó. Nhưng

có một số quý thần phước đức kém, chỉ có thể ở địa phương, chẳng hạn họ ở Bắc Đâu chỉ có thể hoạt động ở khu vực Bắc Đâu. Như ở thành phố Đài Bắc có một khu vực 20 mươi năm về trước là pháp trường xử bắn phạm nhân, hiện nay nơi này đã xây dựng một cơ quan lớn, các nhân viên nhà nước lúc mới dọn đến phát hiện rất nhiều chuyện, chẳng hạn như không ai khởi động thang máy, tự động nó đi lên đi xuống. Có người nghe trong phòng trống có tiếng dọn đồ đạc, ngoài ra có những lúc đột nhiên cúp điện, cũng có lúc nghe tiếng hô khẩu lệnh, tiếng súng bắn, miêu tả đủ thứ chuyện kỳ lạ, do đó có người muốn tôi đến đó xem thử. Tôi đã đến một lần rồi và tin rằng đối với những linh thể đó sẽ có được một ít trợ giúp. Bởi vì tôi đến đó niệm Phật A Di Đà, mời họ về Nông Thiên Tự tham gia niệm Phật thất Thanh minh. Chúng ta dùng công đức niệm Phật để siêu độ họ và kết thiện duyên với họ.

Họ rất đáng thương, vì không có xác thân cho nên rất khó lưu lại đây bảy ngày mà không phải đi. Lúc quý vị niệm Phật, tuy muốn dừng vọng tưởng, nhưng tâm vẫn cứ trôi nổi bên ngoài, cũng như hồn ma trôi nổi Đông Tây, mà thân thể thì vẫn đang ở đây niệm Phật vậy. Thế nhưng những quý thần này rất đáng thương, niệm được vài câu Phật, nghe được vài câu Phật pháp, chỉ một thoáng là bay đi mất. Do phước báo của họ không lớn bằng chúng ta, chính bản thân họ cũng không có biện pháp nào, vẫn phải nhờ chúng ta dùng công đức niệm Phật hồi

hướng cho họ. Qua đó đủ biết, nếu chúng ta lúc sống biết niệm Phật, tự tu tự độ là tốt nhất, để đợi chết rồi sau đó nhờ người nhà siêu độ thì cũng giống như những người kia vậy. Phật nói: “Thân người khó được”, chỉ có thân người mới thực sự có đủ điều kiện tu tập.

Tôi ở phương Tây, đối với người phương Tây không nói như vậy, bởi vì quý phương Tây không có tiết Thanh minh, cũng không mong người nhà cúng tế, nguyên nhân là họ đã thành tập quán, cho nên sẽ không có vấn đề. Thế nhưng quý thần của Trung Quốc thì không như vậy. Người Trung Quốc có tập quán của người Trung Quốc, đến lúc Thanh minh bạn không cúng tế cho họ, họ cũng sẽ thắc mắc. Phong tục tập quán và tín ngưỡng nhân gian của Trung Quốc, khiến cho linh thể của một số người đã chết mà vẫn chưa chuyển sinh, hoặc làm chúng sinh ở trong quỷ đạo, thiết tha mong đợi người sống chăm lo cho họ. Cho nên người Trung Quốc có tiết Thanh minh, đặc biệt còn có thuyết mở cửa ngục rằm tháng 7 âm lịch nữa.

Tôi giảng hôm nay, không chỉ thăm hỏi an ủi vong linh, mà cũng muốn khuyến khích mọi người dùng tu hành Phật pháp để báo ân tổ tiên, báo ân chúng sinh, và dùng công đức thuyết pháp, nghe pháp, niệm Phật để siêu độ họ.



8.- NGUỒN GỐC CỦA PHẬT THẬT

Khóa tu Phật thật pháp môn Tịnh độ, bắt nguồn từ Kinh A Di Đà mà thiết lập, như câu : “Nghe nói Phật A Di Đà, niệm danh hiệu của Ngài từ một ngày đến bảy ngày, nhất tâm bất loạn, người ấy đến lúc lâm chung, Phật A Di Đà cùng chư Thánh chúng hiện ra trước mặt người ấy”.



Tu Phật thật, tu Thiên thật vì sao dùng bảy ngày làm kỳ hạn, xuất xứ từ sách nào ?

Vấn đề này có quan hệ mật thiết với bảy đại hành tinh trong thể của vũ trụ. Ở thời đại Đường Tống, từ trong kinh điển Mật bộ Phạn văn dịch ra, có một vài loại dùng thất diệu, thất tinh hoặc Bắc đẩu làm tên. Loại tín ngưỡng này tại Ấn Độ có rất sớm. Tương truyền Đức Thích Ca ở trên tòa Kim cang dưới cây Bồ đề, tu thiên bảy lần bảy bốn mươi chín ngày, liền được khai ngộ thành đạo. Trong bảy ngày đầu sau khi thành đạo, một mặt hưởng thụ niềm vui giải thoát, đồng thời cũng suy nghĩ nên dùng phương tiện thiện xảo nào để tuyên thuyết Phật pháp cho chúng sinh.

Sau khi đức Thích Ca thành lập giáo đoàn, theo trong Luật tạng, những vị Tỳ kheo nếu trong ba tháng an cư kiết hạ, có công việc của Tăng đoàn thì có thể xin phép đại chúng tối đa là bảy ngày, gọi là “thọ thất nhật pháp”. Lại do Tỳ kheo không được phép cất chứa thực vật qua đêm để ăn lại, nhưng do có Tỳ kheo bệnh, vì làm thuốc chữa bệnh nên có thể để dành bơ, sinh tô, mật, đường mật, nhưng không được vượt quá bảy ngày, gọi là “thất nhật dược”. Đủ chứng tỏ, cơ cấu thời gian bảy ngày làm kỳ hạn, từ Đức Thích Ca về trước đã lưu hành tại Ấn Độ rồi. Cựu Ước, Sáng Thế Ký của Cơ Đốc giáo nói Thượng đế dùng ngày bảy sáng tạo hoàn thành vũ trụ và loài người, vạn vật cũng phát nguồn từ lý do nêu trên.

Do đó, ở trong kinh Phật có đề xướng phương pháp tu hành dùng bảy ngày làm kỳ hạn. Chẳng hạn như Kinh Đại Phương Đẳng Đà La Ni quyển 1 ghi chép, làm thế nào tu trì Phương Đẳng Đà La Ni chương cú ? Kinh chép : “Nếu muốn thực hành, cần phải bảy ngày trường trai, mỗi ngày ba lần tắm gội, mặc áo sạch sẽ, ngồi trước hình tượng Phật, làm lọng ngũ sắc, tụng câu chú này, một trăm hai mươi biến, đi nhiều một trăm hai mươi vòng”. Cũng trong kinh này quyển 3, Đức Phật nói với ông Văn Thù Sư Lợi rằng : “Nếu có thiện nam tử thiện nữ nhân nào đi đến chỗ ông, muốn cầu kinh Đà La Ni, ông nên dạy cầu 12 vị mộng vương, nếu thấy được một vị vương, ông nên giảng dạy hành pháp bảy ngày”.

Nhưng trong Kinh Pháp Hoa, phẩm Phổ Hiền Bồ Tát khuyến phát có nói : “Muốn tu Kinh Pháp Hoa này, trong ba lần bảy (21 ngày) nên nhất tâm tinh tấn. Mãn 21 ngày rồi, ta sẽ cỡi voi trắng sáu ngà... hiện ra trước người ấy mà nói pháp”. Cho nên trong Sám Nghi Pháp Hoa Tam Muội của Đại sư Trí Giả cũng quy định “trong 21 ngày, nhất tâm tinh tấn”. Đó là lấy 21 ngày làm kỳ hạn tu hành.

Trong Kinh - Ban Chu Tam Muội thuộc pháp môn Tịnh độ Phật A Di Đà có nói : “Có Tỳ kheo, Tỳ kheo ni, Ưu bà tắc, Ưu bà di, như pháp tu hành, trì giới đầy đủ, ở yên một chỗ, niệm Phật A Di Đà ở phương Tây, hiện tại... nhất tâm niệm Ngài, một ngày một đêm, đến bảy ngày bảy đêm, qua bảy ngày rồi, sẽ thấy Phật A Di Đà”. Tiếp đến liên tục tu hành, tất cả ba tháng, lấy 90 ngày làm kỳ hạn, kinh còn nói : “Không được ngủ ba tháng, như khoảng khảy móng tay”. Lại nói : “Kinh hành không được nghỉ, không được ngồi ba tháng, ngoại trừ lúc ăn cơm”. Cách thức này gần giống với lối tu Pháp tướng Phương Đẳng tam muội, lấy bảy ngày đầu làm giai đoạn dự bị.

Lại như Kinh Địa Tạng Bồ Tát bốn nguyện, ngoài việc chủ trương siêu độ người mất trong vòng bảy ngày đầu tốt nhất, và còn cho rằng chậm nhất là 49 ngày, là rất thỏa đáng. Nguyên nhân này có thể thấy trong quyển 1 Du Già Sư Địa Luận : “Người ta sau khi chết trở thành thân trung hữu (cũng gọi

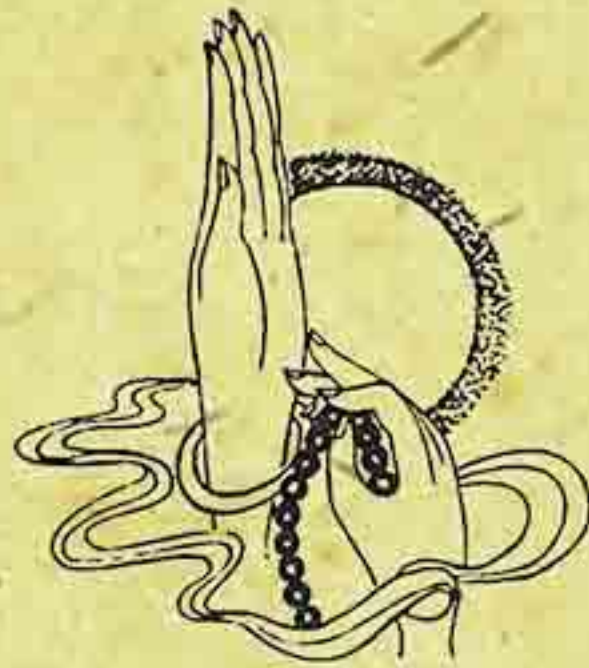
là thân trung ấm), nếu chưa vãng sinh ngay về cõi trời hoặc cõi người, hoặc vẫn chưa đủ nhân duyên đầu thai chuyển thế, thân trung hữu này. “Nội trong bảy ngày không nhất định được chuyển sinh. Nếu trong bảy ngày mà chưa đủ duyên chuyển sinh chết rồi sống lại, cứ lần lượt như vậy mà chưa được chuyển sinh thì đến 49 ngày, từ đó về sau sẽ quyết định chuyển sinh. Lại nữa, thân trung hữu này sau khi chết bảy ngày, hoặc lập tức sinh vào cõi người, nếu do những nghiệp khác chuyển, chủng tử trung hữu chuyển thì sinh vào các loài khác”. Đủ chứng tỏ thân trung hữu lại còn gọi là thân trung ấm, mỗi bảy ngày chết một lần, chỉ có bảy lần, sau đó tùy theo nghiệp mà thọ sinh, do đó mới có hoạt động tu hành siêu độ 49 ngày làm kỳ hạn. Điều này cũng có liên quan đến 49 ngày thành đạo của Đức Thích Ca Mâu Ni.

Chẳng qua tu Phật thất theo pháp môn Tịnh độ là y cứ vào Kinh A Di Đà mà thiết lập như câu : “Nghe nói Phật A Di Đà, trì niệm danh hiệu của Ngài từ một ngày cho đến bảy ngày, nhất tâm bất loạn, người ấy đến lúc sắp mạng chung, Đức Phật A Di Đà cùng chư Thánh chúng hiện ra trước mặt người ấy”. Trong kinh Quán Vô Lượng Thọ cũng nói : “Một ngày cho đến bảy ngày thì được vãng sinh”.

Các tòng lâm Thiên tông xưa nay chỉ có Thiên kỳ, chẳng hạn như Hạ kỳ, Đông kỳ, những khóa tu này có liên quan với việc an cư tu hành trong luật của Tỳ kheo. Như nay các phái Thiên

tông từ thời đại Tống Minh truyền đến Nhật Bản đều không có tên gọi đả thiên thất, chỉ có tu hành định kỳ gọi là tiếp tâm hoặc nhiếp tâm, quá nửa là hoạt động tu thiền tinh tấn bảy ngày. Đủ chứng minh danh xưng đả thiên thất đối với lịch sử Trung Quốc, sớm nhất cũng không quá cuối đời Minh đầu đời Thanh. Tôi tìm trong các tư liệu cuối đời Minh vẫn chưa thấy danh từ này.

Có thể có bảy ngày tinh tấn niệm Phật gọi là đả Phật thất, lịch sử của nó cũng không phải là sớm lắm, chẳng qua loại hoạt động tu hành này lấy bảy ngày làm kỳ hạn thủ chứng, rất có ý nghĩa, và lại thời gian cũng ngắn nên đáng được thi hành rộng rãi.



9.- PHƯƠNG PHÁP NIỆM PHẬT

Pháp môn niệm Phật vốn xuất phát từ chữ Phạn “Phật Đà Na Tức Lạc Đế”, ý là nhớ niệm Đức Phật, chuyển dần thành phương pháp tu trì quán tưởng hảo Phật, xưng danh hiệu Phật v.v... Tại các tông phái Đại thừa Phật giáo Trung Quốc, ngoài các Thiền sư phái Tam Luận (Trung Quán) cho đến bộ phận tông Lâm Tế ra, không một phái nào không học pháp môn niệm Phật cầu sinh Tịnh độ Cực lạc phương Tây.



1.- Niệm Phật là pháp tu cộng đồng đặc sắc của Phật giáo Trung Quốc

Phật giáo Đại thừa dù là hiển hay mật gần như đều xiển dương pháp môn Tịnh độ của Phật A Di Đà. Mật giáo có nghi quỹ tu trì của họ. Hiển giáo chủ yếu y cứ vào kinh điển như ba bộ kinh nói về Tịnh độ là : 1/ Phật thuyết A Di Đà Kinh. 2/ Phật thuyết Quán Vô Lượng Thọ Kinh, cũng gọi là Thập Lục Quán Kinh. 3/ Phật thuyết Vô Lượng Thọ Kinh, lại còn gọi là Đại A Di Đà Kinh. Kinh này từ đời Hán đến đời Tống trước sau cộng có 12 bản dịch, từ Tống Nguyên về sau chỉ còn 5 bản, Cư sĩ Vương

Nhật Hưu triều Tống, y cứ vào bốn bản dịch trong số đó, tổng hợp thành “Phật thuyết Đại A Di Đà Kinh”. Năm Dân Quốc thứ 35 (1946) lại có Cư sĩ Hạ Liên Cư tập hợp năm bản dịch đời Hán, Ngụy, Ngô, Đường, Tống thành Phật thuyết Đại thừa Vô Lượng Thọ Trang Nghiêm Thanh Tịnh Bình Đẳng Giác Kinh tổng cộng 48 chương. Kinh này giới thiệu rất tường tận y chính trang nghiêm, nhân quả sự lý đối với pháp môn Tịnh độ của Phật A Di Đà.

Lại có học giả Tịnh độ khác như Đại sư Ấn Quang cho rằng, chương Đại Thế Chí Bồ Tát niệm Phật viên thông trong Kinh Lăng Nghiêm, cho đến phẩm Phổ Hiền Bồ Tát hạnh nguyện trong Kinh Hoa Nghiêm cũng thuộc kinh điển trọng yếu hoằng dương pháp môn Tịnh độ của Phật A Di Đà. Do đó cùng với ba kinh trên hợp lại gọi là năm kinh Tịnh độ.

Tại Trung Quốc các tông phái Đại thừa Phật giáo, ngoài các thiền sĩ phái Tam Luận (Trung Quán) cho đến bộ phận tông Lâm Tế ra, không dùng pháp môn niệm Phật Tịnh độ, còn lại những nhà khác gần như không một phái nào không học pháp môn niệm Phật cầu sinh Tịnh độ Cực lạc phương Tây. Do đó đủ biết niệm Phật là pháp tu cộng đồng đặc sắc của Phật giáo Trung Quốc.

2.- Phương pháp niệm Phật trong Kinh A Hàm

Pháp môn niệm Phật vốn xuất phát từ Phạn ngữ Phật Đà Na Tức Lạc Đế (Buddhanusireti) ý là

nhớ niệm Đức Phật, chuyển dần thành phương pháp tu trì quán tưởng hảo Phật, xưng danh hiệu Phật v.v... Trong Kinh Tạp A Hàm thứ 33, niệm Phật thuộc về pháp môn lục niệm, trong Kinh Tăng Nhất A Hàm thứ 2 thuộc về pháp môn thập niệm, phương pháp niệm Phật ấy là :

“Thân ngay ý chính, ngồi thể kiết già, buộc niệm phía trước, không nghĩ gì khác, chuyên tinh niệm Phật, quán hình tướng Phật, chưa từng rời mắt. Đã không rời mắt, lại còn nhớ công đức của Như Lai. Thể của Như Lai, do kim cương tạo thành, đầy đủ thập lực, tứ vô sở úy, dũng kiện trong chúng. Diện mạo Như Lai, đoan chính vô song, nhìn không biết chán, thành tựu giới đức, cũng như kim cang, không thể hoại được. Thanh tịnh không tỳ vết, cũng như lưu ly. Tam muội Như Lai, chưa từng có giảm, đã thường tịch tịnh, không một niệm khác, kiêu mạn hung tàn, các thứ lo sợ, ý muốn oán giận, tâm ngu mê hoặc, đều được trừ hết. Huệ thân Như Lai, trí không ngăn mé, chẳng còn chướng ngại. Thân của Như Lai, thành tựu giải thoát, dứt bật các đường, không sinh trở lại, vì nguyện độ sinh, mới sinh trở lại. Thân của Như Lai, vượt thành tri kiến, biết căn cơ người, nên độ hay không, chết đây sinh kia, xoay vần qua lại, trong khoảng sinh tử, có người giải thoát, người không giải thoát, đều biết rõ hết. Cho nên tu hành niệm Phật, sẽ được khen ngợi, thành quả báo lớn, điều lành đều đến, được cam lộ

vị, đến chỗ vô vi, thành tựu thần thông, trừ các loạn tướng, được quả Sa môn, đến nơi Niết bàn”.

Phương pháp niệm Phật này là buộc tâm nhớ niệm, chuyên tâm quán tưởng công đức vô lượng của Phật, bao quát quán tưởng thân thể, nhan sắc của Phật và năm phần pháp thân Phật như : giới đức, tam muội, trí tuệ, giải thoát, giải thoát tri kiến. Nếu có thể theo đó mà tu hành pháp môn niệm Phật, thì được thành tựu quả báo lớn, cho đến tự đến Niết bàn, tự được giải thoát. Đây là pháp môn niệm Phật của Tiểu thừa.

3.- Phương pháp niệm Phật trong Kinh Ban Chu Tam Muội

Nếu y theo Hành Phẩm trong Kinh Ban Chu Tam muội đã nêu thì : “Trì pháp nào được vãng sinh Cực lạc quốc ? Phật A Di Đà nói rằng : Muốn sinh về nước kia, nên niệm danh hiệu ta, không lúc nào dừng nghỉ, thì sẽ được vãng sinh. Phật lại nói rằng : Chuyên niệm thì sẽ được vãng sinh. Thường nhớ thân Phật có 32 tướng tốt 80 vẻ đẹp, quang minh chiếu suốt, đoan chính không thể sánh, ở trong Bồ Tát Tăng mà nói pháp... Muốn thấy được mười phương chư Phật hiện tại nên nhất tâm niệm cõi Phật kia, không được nghĩ khác, như thế sẽ thấy được”.

Qua Kinh Ban Chu Tam Muội ta thấy, phương pháp tu hành là niệm danh hiệu Phật, niệm thân

Phật tướng hảo quang minh, niệm tướng côi Phật. Nếu thành tựu được Tam muội, thì sẽ thể nghiệm được “Điều ta hằng tâm niệm là thấy tâm thành Phật. Nếu tâm tự thấy biết chính nó thì tâm ấy chính là Phật, tâm Phật ở ngay nơi thân của ta. Nếu tâm còn thấy Phật (bên ngoài), thì tâm ấy không tự biết không tự thấy chính mình, tâm mà có tướng thì đó là si tâm. Tâm không có tướng chính là Niết bàn”. Đó là pháp môn Đại thừa từ niệm Phật mà thật chứng chân như thật tướng.

4.- Phương pháp niệm Phật trong Kinh Vô Lượng Thọ

Căn cứ vào quyển hạ Kinh Phật Thuyết Vô Lượng Thọ có nói rằng : “Có chúng sinh nào, nghe danh hiệu Phật A Di Đà, tín tâm hoan hỷ, cho đến một niệm, chí tâm hồi hướng, nguyện sinh về nước kia, liền được vãng sinh, trụ nơi bất thối chuyển, chỉ trừ kẻ ngũ nghịch hủy báng chính pháp”. Theo kinh này thì điều kiện vãng sinh cõi nước Cực lạc rất giản đơn, không giống như Kinh Ban Chu Tam Muội cần phải niệm danh hiệu Phật không được dừng nghỉ mới được vãng sinh Phật quốc. Chỉ cần nguyện sinh cõi nước kia, ngoại trừ người phạm tội ngũ nghịch (giết cha, giết mẹ, giết A la hán, làm thân Phật chảy máu, phá hòa hợp Tăng) và người hủy báng chính pháp Đại thừa, thậm chí chỉ cần một niệm tin nguyện đều có thể vãng sinh về cõi kia.

Chẳng qua kinh này dạy vãng sinh nước Cực lạc có ba hạng người thượng trung hạ, hai hạng thượng và trung điều kiện niệm Phật vãng sinh là “chuyên niệm một hướng, Đức Phật Vô Lượng Thọ”, điều kiện niệm Phật vãng sinh của bậc hạ là “chuyên ý một hướng, cho đến mười niệm, niệm Đức Phật Vô Lượng Thọ... thậm chí một niệm niệm Đức Phật kia, dùng tâm chí thành, nguyện sinh về nước của Phật A Di Đà, người này lúc lâm chung, mộng thấy Đức Phật A Di Đà cũng được vãng sinh”. Từ “chuyên niệm một hướng” đến “thậm chí một niệm”, đều có thể vãng sinh nước Phật. Vậy phải niệm Phật như thế nào ? Phải chí thành tưởng nhớ Phật, buộc tâm vào danh hiệu Phật Vô Lượng Thọ (Phật A Di Đà).

Nguyện thứ 18 trong 48 nguyện của kinh này tại quyển thượng có nói : “Khi ta được thành Phật, chúng sinh trong mười phương, chí tâm tín nguyện, muốn sinh về nước ta, cho đến mười niệm, nếu không được vãng sinh, ta không thành Chánh giác”. Lúc Đức Phật A Di Đà phát nguyện này, vẫn còn ở giai đoạn hành đạo Bồ Tát. Nay đã thành Phật, nguyện lực của Ngài đương nhiên biến thành sự thật, cho nên khuyến khích chúng sinh, chỉ cần mười niệm niệm danh hiệu Phật A Di Đà, nhất định vãng sinh về cõi Phật, nhưng kinh này cũng hai lần nêu thêm “thậm chí một niệm” cũng được vãng sinh nước Phật.

5.- Phương pháp niệm Phật trong Kinh Quán Vô Lượng Thọ Phật và các kinh khác

Căn cứ theo yêu cầu trong Kinh Quán Vô Lượng Thọ Phật, đầu tiên là : “Cột niệm quán kỹ tịnh nghiệp của cõi Cực lạc”, kế đến dạy : “Cột niệm một chỗ, tưởng cõi Tây phương”. Rồi tưởng mặt trời, tưởng nước, tưởng đất, tưởng bảy hàng cây, tưởng ao nước bát công đức, tổng quán cây báu, ao báu cõi nước kia, quán y báo trang nghiêm của Phật Vô Lượng Thọ và hai vị Bồ Tát, quán thân pháp giới của chư Phật Như Lai nhập trong tâm tưởng của tất cả chúng sinh (quán tưởng thành tựu, ngay trong đời hiện tại, được niệm Phật tam muội, tức là thân chứng thật tướng). Quán ánh sáng thân Phật Vô Lượng Thọ, quán Bồ Tát Quán Thế Âm và Bồ Tát Đại Thế Chí, quán ngôi ở trong hoa sen và tưởng hoa sen khép nở, quán thân tướng Phật Vô Lượng Thọ một trượng sáu đang đứng trên ao nước.

Phần trên là tiêu chuẩn niệm Phật quán tưởng, niệm Phật quán tượng, niệm Phật thật tướng, kế đến kinh này lại nói pháp môn niệm Phật vãng sinh chín phẩm, trong đó đề cập chỗ niệm Phật có :

1/ Thượng phẩm thượng sinh, tu hành lục niệm (niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng, niệm thiên, niệm giới, niệm thí) hồi hướng phát nguyện một ngày cho đến bảy ngày liền được vãng sinh.

2/ Bạc Hạ phẩm thượng sinh, nghe được đầu đề của 12 bộ kinh Đại thừa, trừ được ngàn kiếp ác nghiệp cực nặng, lại dạy : “Hai tay chấp lại xưng niệm Nam mô A Di Đà Phật, xưng danh Phật rồi”. Phật A Di Đà dùng hóa Phật, hóa Quán Thế Âm, hóa Đại Thế Chí, đến trước người ấy nghinh tiếp vãng sinh về cõi Phật.

3/ Bạc Hạ phẩm hạ sinh, “Hoặc có chúng sinh tạo nghiệp bất thiện, ngũ nghịch thập ác, đủ các điều bất thiện”, đến lúc lâm chung, gặp được thiện tri thức vì người ấy nói diệu pháp, chỉ dạy niệm Phật, nếu chúng sinh này bị khổ bức bách, “không thể niệm Đức Phật kia, nên xưng danh hiệu Phật Vô Lượng Thọ chí tâm niệm Nam mô A Di Đà Phật, niệm liên tục không dứt, đầy đủ mười niệm, xưng danh hiệu Phật rồi, ở trong mỗi niệm trừ được tội nặng trong đường sinh tử 80 ức kiếp... ở trong khoảng một niệm liền được vãng sinh thế giới Cực lạc, ở trong hoa sen mãn 12 đại kiếp hoa sen mới nở”. Thấy được hai vị đại Bồ Tát là Quán Thế Âm và Đại Thế Chí vì người ấy mà nói pháp.

Theo kinh văn đã nêu, trừ ba loại niệm Phật quán tưởng, quán tượng và thật tượng, đối với chúng sinh phàm phu nói chung vẫn có thể dùng pháp môn lục niệm, xưng danh niệm Phật, đặc biệt đối với chúng sinh vãng sinh Hạ phẩm nên dùng xưng danh niệm Phật là thích hợp nhất.

Phương pháp xưng danh niệm Phật, như phẩm Phương tiện trong kinh Pháp Hoa có nói : “Chỉ xưng Nam mô Phật, đều đã thành Phật đạo” lại nói “Tiếng vi diệu rất tịnh, xưng Nam mô chư Phật”.

Trong Kinh Phật Thuyết A Di Đà thì nói : “Nếu thiện nam tử thiện nữ nhân nào, nghe nói Phật A Di Đà, chấp trì danh hiệu của Ngài” một ngày cho đến bảy ngày đạt đến trình độ “nhất tâm bất loạn” thì lúc lâm chung liền được Phật A Di Đà cùng chư Thánh chúng đến trước người ấy tiếp dẫn vãng sinh về cõi Cực lạc. Cho nên có người dùng tâm ghi nhớ niệm Phật, xưng danh hiệu Phật, trì danh niệm Phật đều gọi là pháp môn niệm Phật.

6.- Phương pháp niệm Phật từ một niệm đến mười niệm

Trong nhiều đời các vị Đại sư ở Trung Quốc, người tuyên dương pháp môn niệm Phật tương đối nhiều, vả lại mỗi vị tự đề xuất phương pháp cụ thể niệm Phật sinh Tịnh độ.

Đại sư Đàm Loan thời Bắc Ngụy, chú giải “Vãng sinh luận” của ngài Thế Thân giải thích mười niệm vãng sinh như sau : “Tâm không nghĩ gì khác, nhất tâm tương tục, niệm Phật A Di Đà đủ mười số gọi là mười niệm”. Lại nói : “Niệm mười niệm này, dùng ghi nhớ niệm làm nghĩa, duyên theo tướng hảo của Phật, xưng danh hiệu Phật, dùng tâm niệm

mười niệm tương tục, chuyên tâm vào Phật A Di Đà, rất là quan trọng”.

Trong An Lạc Tập quyển thượng của Đại sư Đạo Xước triều Đường có nói : “Chỉ nhớ niệm Phật A Di Đà, hoặc tổng tướng hoặc biệt tướng, tùy duyên mà quán, thẳng tất mười niệm, không xen tạp niệm khác gọi là mười niệm”.

Tập “Vãng Sinh Lễ Tán Thích Bốn Nguyên Văn” do Đại sư Thiện Đạo triều Đường viết có nói : “Mười phương chúng sinh xưng danh hiệu ta, cho đến mười tiếng, nếu không được vãng sinh, ta không thành chính giác”. Tức là dùng miệng niệm mười tiếng Phật, để giải thích phép tu mười niệm.

Trong “Vô Lượng Thọ Kinh Tông yếu” của Đại sư Tân La Nguyên Hiếu, giải thích mười niệm tức là xưng niệm danh hiệu, duyên theo tướng hảo, không tạp niệm khác, không chút gián đoạn, niệm đủ mười số. Thuyết này với thuyết của ngài Đàm Loan giống nhau.

Học giả Nhật Bản cận đại là Vọng Nguyệt Tín Hạnh khảo sát chữ niệm dùng trong niệm Phật bằng chữ Phạn ý là tâm niệm (chữ Phạn là Citta), ở trong Kinh Vô Lượng Thọ nói chỗ của ba hạng niệm Phật vãng sinh, chữ niệm trong niệm Vô Lượng Thọ Phật ý là Tùy niệm (chữ Phạn là Anusmrti) hoặc có ý là tư duy (chữ Phạn là Mansikr).

Đủ chứng tỏ chữ niệm trong mười niệm cho đến một niệm vốn là tâm ghi nhớ, tư duy thêm vào xưng danh niệm hoặc trì danh niệm, tức là trong miệng tuyên xưng danh hiệu Phật A Di Đà, đồng thời ở trong tâm cũng biết rõ là đang tuyên xưng danh hiệu Phật A Di Đà, trong tâm rõ ràng không có vọng tưởng tạp niệm, chỉ biết từ trong miệng mình đang tuyên xưng danh hiệu Phật, một tiếng Phật hiệu này cũng là một niệm niệm Phật, trong miệng niệm liên tục không gián đoạn cho đủ mười tiếng, trong tâm không có xuất hiện tạp niệm nào khác, đó là mười niệm tương tục cũng là niệm Phật mười niệm.

7.- Ngũ niệm môn

Đại sư Đàm Loan thời Bắc Ngụy được tôn là thủy tổ tu pháp Tịnh độ tại Trung Quốc có chú thích “Vãng sinh luận” của Bồ Tát Thế Thân, giải thích Ngũ niệm môn của Bồ Tát Thế Thân chủ trương như sau :

1/ *Lễ bái môn* : Trong tâm nguyện sinh về cõi nước an lạc, cần phải lễ bái Phật A Di Đà.

2/ *Tán thán môn* : Xưng niệm danh hiệu Tận Thập Phương Vô Ngại Quang Như Lai (tên khác của Phật A Di Đà)

3/ *Tác nguyện môn* : Như thật tu hành Xa Ma Tha (tu chỉ)

4/ *Quán sát môn* : Như thật tu hành Tỳ Bà Xá Na (tu quán)

5/ *Hồi hướng môn* : Đem tất cả công đức căn lành có được, vì muốn bạt trừ tất cả khổ của chúng sinh, mà nguyện nhiếp thủ họ đồng sinh về cõi nước an lạc.

Phương pháp niệm Phật ngũ niệm môn này kỳ thật là : Lễ bái Đức Di Đà tin nguyện được vãng sinh, xưng danh niệm Phật, quán tưởng niệm Phật, phát tâm Bồ đề quảng độ chúng sinh.

8.- Ngũ phương tiện niệm Phật môn

Ngũ phương tiện niệm Phật môn của Đại sư Trí Khải tông Thiên Thai triều Tùy giới thiệu tu pháp niệm Phật môn như sau :

1/ *Xưng danh vãng sinh niệm Phật tam muội môn* : Hành giả lúc miệng xưng Nam mô A Di Đà Phật, tâm phải nguyện sinh về Tịnh độ nước Phật. Môn này là vì chúng sinh thích xưng danh hiệu Phật mà nói.

2/ *Quán tưởng diệt tội niệm Phật tam muội môn* : Hành giả tưởng hình tượng Phật chuyên chú không thôi, bèn được thấy Phật, các tội chướng đều được tiêu diệt. Môn này là vì người ưa thích thấy thân Phật, lo sợ tội chướng mà nói.

3/ *Chư cảnh duy tâm niệm Phật môn* : Hành giả quán tưởng thân Phật là từ tự tâm sinh khởi, không có cảnh giới nào khác. Môn này là vì người tâm mê chấp cảnh mà nói.

4/ *Tâm cảnh câu ly niệm Phật môn* : Hành giả quán tưởng tâm này, cũng không phải tự mình có thể được. Môn này là vì người hay suy tính tự tâm thật có mà nói.

5/ *Tính khởi viên thông niệm Phật tam muội môn* : Hành giả lúc này vào sâu định vắng lặng, sắp nhập Niết bàn, nương nhờ vào sự gia bị hộ niệm của chư Phật mười phương, hưng khởi công năng trí tuệ, trong khoảng một niệm thanh tịnh cõi nước của Phật, thành tựu chúng sinh. Môn này là vì người ưa thích định vắng lặng nhập cảnh giới Niết bàn mà nói.

Ngũ phương tiện niệm Phật môn đã nêu trên, thứ nhất là xưng danh niệm Phật, thứ hai là quán tưởng niệm Phật, thứ ba và thứ tư là nhân hành và quả cảnh của thật tướng niệm Phật, thứ năm là phát đại Bồ đề tâm.

Đại sư Trí Giả từ trong văn này, đặc biệt cường điệu : “Nếu dùng một lời nói mà đầy đủ các môn, thì không gì qua niệm Phật”. Lại nói : “Nếu lúc niệm Phật, nên biết người này, cùng với đức Văn Thù Sư Lợi không có khác biệt”.

9.- Pháp tu trì niệm Phật tam muội

Trong Đại Tạng Kinh, giới thiệu kinh luận về niệm Phật tam muội và các trú thuật của lịch đại Tổ sư tương đối nhiều, chẳng hạn như : Ban Chu tam muội trong Kinh Ban Chu Tam muội, Kinh Đại A Di

Đà quyển hạ, phẩm Nhập pháp giới trong Kinh Hoa Nghiêm dịch đời Tấn, Nhất hạnh tam muội trong Kinh Văn Thù Sư Lợi sở thuyết Ma ha Bát nhã Ba la mật, Đại Trí Độ Luận quyển 21, Thập Trụ Tỳ Bà Sa Luận quyển 12, Tư Duy Lược Yếu Pháp, Nhiếp Đại Thừa Luận quyển hạ, Ngũ Phương tiện niệm Phật môn của Trí Khải tông Thiên Thai, Hoa Nghiêm Kinh Hạnh nguyện phẩm Biệt hành số sao quyển 4 của Ngũ Tổ Tông Mật tông Hoa Nghiêm, An Lạc Tập quyển hạ của Đạo Xước, Thích Tịnh Độ Quán Nghi Luận quyển 7 của Hoài Cảm.

Y cứ theo các tư liệu trên thì tu pháp niệm Phật tam muội phải đầy đủ : 1/ Phải có chỗ nhất định, kỳ hạn nhất định. 2/ Phải có tín nguyện vãng sinh cõi Phật. 3/ Phải dùng tâm chí thành thường niệm Phật không dứt. 4/ Niệm Phật phải có thứ lớp tiến dần, có thể chia làm bốn cấp :

1/ Xưng danh niệm Phật : Buông bỏ các ý tạp, mỗi tiếng mỗi câu, niệm niệm tương tục, miệng niệm danh hiệu Phật, tâm buộc vào tiếng niệm Phật.

2/ Quán tượng niệm Phật : Buông bỏ các tạp ý, niệm niệm quán sát 32 tướng 80 vẻ đẹp của thân hình Đức Phật, phóng ra ánh sáng lớn, ở trong chúng nói pháp.

3/ Quán tưởng niệm Phật : Buông bỏ các ý tạp, niệm niệm hướng tâm về cõi nước của Phật, quán tưởng y chính trang nghiêm của Tịnh độ Phật

quốc, cùng tất cả công đức pháp thân, bi trí giải thoát của Phật, Bồ Tát và La hán.

4/ *Thật tướng niệm Phật* : Buông bỏ các ý tạp, không giữ tướng mạo trong ngoài, niệm niệm tương tục, quán tưởng thể nghiệm, tâm Phật chúng sinh, tất cả các pháp, thật tướng vô tướng, chân tâm vô tâm, chẳng không chẳng có, tức không tức có, chân tục không hai, vạn pháp bình đẳng.

Bốn thứ lớp nêu trên, hàng phàm phu tốt nhất nên từ xưng danh niệm Phật khởi tu, nếu được thân tâm an ổn tiến tu tăng cấp thứ hai, thứ ba, cho đến thật tướng niệm Phật thì tương đương với minh tâm kiến tánh của Thiên tông. Cần phải tiêu trừ nghiệp chướng, thân tâm an ổn, không sinh phiền não nhân ngã mới có thể tu trì được, trái lại chỉ luống công nhọc mệt, lại còn tự dối mình dối người. Làm thế nào để tiêu trừ nghiệp chướng ? Xưng danh niệm Phật, lễ bái, sám hối, phát tâm Bồ đề là phương pháp tốt nhất.

Tuy nhiên Đại sư Ấn Quang thời gần đây cho rằng người hạ căn ở thời đại mạt pháp này, trong bốn loại niệm Phật nói trên, thật tướng niệm Phật là pháp môn khó trong khó. Thế nhưng đời Minh Thanh, vẫn có không ít Tăng tục đại đức, chuyên tu niệm Phật tam muội như Đại sư Liên Trì (Vân Thê Châu Hoàng) cuối đời Minh, ngài Tĩnh Am (Thật Hiền) triều Thanh đều từng khắc kỳ tu trì niệm Phật tam muội, lấy 100 ngày làm kỳ hạn. Đại sư Liên Trì

từng nói : “Một câu A Di Đà Phật, gồm đủ tám giáo, viên nhiếp năm tông, nên biết niệm Phật tam muội tức là căn nguyên một đời giáo hóa của Phật”. Lại đem trì danh niệm Phật chia làm : 1/ Minh trì, niệm ra tiếng. 2/ Mặc trì, niệm không ra tiếng. 3/ Bán minh bán mặc trì (giống như Kim Cang trì của Mật tông) niệm hơi khê động môi. Hoặc ký số niệm, hoặc không ký số niệm đều được.

Đại sư Liên Trì lại chủ trương chấp trì danh hiệu trong Kinh A Di Đà. Chấp là nghe danh hiệu, trì là nhận và giữ lấy danh hiệu Phật, không lúc nào quên, mà chấp trì này cũng có thể chia ra : 1/ Sự trì, nhớ niệm không gián đoạn. 2/ Lý trì, thể cứu không gián đoạn. Cùng cực của chấp trì là được nhất tâm, cũng có thể chia làm : 1/ Sự nhất tâm, tức là nghe danh hiệu Phật, thường nhớ thường niệm, chữ chữ phân minh, tương tục không dứt, chỉ có một niệm này. 2/ Lý nhất tâm, nghe danh hiệu Phật, không chỉ nhớ niệm, mà còn nên phản quan, xem xét tỉ mỉ, nguồn gốc sâu xa, nơi bản tâm mình, hốt nhiên được khế hợp.

Còn Đại sư Ngẫu Ích thì giải thích chấp trì danh hiệu là chấp trì danh hiệu Phật A Di Đà đạt đến chỗ nhất tâm bất loạn. Nếu có thể niệm niệm hằng nhớ danh hiệu Phật tạm không lúc nào quên gọi là chấp trì. Cũng có thể chia làm hai giai đoạn : 1/ Sự trì, chưa đạt được lý tâm này là Phật, tâm này làm Phật như trong Kinh Quán Vô Lượng Thọ đã

nêu. 2/ Lý trì, tin Đức Phật A Di Đà ở phương Tây trong tâm ta vốn đủ, là do tâm ta tạo, đem danh hiệu vốn đầy đủ trong tâm mình mà làm cảnh để buộc tâm, khiến cho tạm không quên. Nếu từ chỗ hàng phục được phiền não cho đến kiến hoặc tư hoặc trừ hết, đều gọi là sự nhất tâm, nếu niệm đến chỗ tâm khai, thấy được bản tánh Phật, đều gọi là Lý nhất tâm. Ngài không đồng ý cái lý thể cứu của Đại sư Liên Trì, vì cho rằng lý nhất tâm đem làm phương pháp thể cứu niệm Phật hoặc tham cứu niệm Phật, chẳng qua là một loại phương tiện nhiếp Thiền tông về Tịnh độ mà thôi.

Trên sự thật Đại sư Liên Trì dựa vào kinh nghiệm tu thiền mà đem lý nhất tâm và lý trì, giải thích cho là minh tâm kiến tánh của Thiền tông. Đại sư Ngẫu Ích thì từ trên lý luận phân biệt thuyết minh Thiền là Thiền, Tịnh độ là Tịnh độ, không nên lẫn lộn. Lời pháp của Đại sư Liên Trì là từ sự kết hợp thể nghiệm tu chứng và luận điểm Thiền Tịnh, mà đưa ra pháp môn tu niệm Phật như thế nào để không trái với pháp môn tu Thiền.

Lại do Đại sư Trí Giả tông Thiền Thai từng nói : “Có bốn loại tam muội (thường đi, thường ngồi, nửa đi nửa ngồi, chẳng đi chẳng ngồi), đồng gọi là niệm Phật tam muội, niệm Phật tam muội là vua trong tam muội”. Vì thế Đại sư Ngẫu Ích cuối đời Minh cũng nói : “Niệm Phật tam muội gọi là Bảo Vương tam muội, là vua trong tam muội”, còn cho rằng

niệm Phật Tịnh độ của phái Lô Sơn là niệm tha Phật (Phật ngoài), còn Đạt Ma truyền lại là niệm tự Phật (Phật chính mình), phái của Vĩnh Minh Diên Thọ là niệm tự tha Phật lý sự song tu, Thiền Tịnh đều đủ. Chẳng qua bản thân của Đại sư Ngẫu Ích chưa điều lý được phương pháp thật tiên của niệm Phật tam muội, ngài từ chỗ tổng hợp quan điểm của các nhà Thiền Tịnh lại mà nói.

Tóm lại, niệm Phật tam muội là Bảo Vương tam muội, vua trong tam muội. Chúng ta nên khuyến khích hành giả tịnh nghiệp nên tu hành theo pháp niệm Phật này. Hành pháp 90 ngày theo Ban Chu tam muội thì phải thường đi, không nằm, không ngồi, không được nghỉ, đối với người bình thường mà nói rất khó mà hành trì được. Nhưng ở vào thời đại của Đại sư Liên Trì từng khích lệ không ít cư sĩ tu hành niệm Phật tam muội đạt được kết quả, cũng lấy 90 ngày làm kỳ hạn.

Do đó, nên đem bốn cấp tu pháp niệm Phật tam muội như đã nêu trên, phối hợp với kỳ hạn 90 ngày để tu tập rất thích hợp.

10.- Niệm Phật lớn tiếng (cao thanh niệm Phật)

Xưng danh niệm Phật lại còn gọi là trì danh niệm Phật, xưng danh cần dùng miệng niệm ra tiếng, trì danh hoặc có thể ra tiếng cũng có thể niệm thầm, hoặc có thể khẽ động môi. Xưng danh niệm Phật tại Trung Quốc thực hành đã lâu. Đại sư

Phi Tích đời Đường có soạn quyển Niệm Phật Tam Muội Bảo Vương Luận. Trong quyển Trung của luận này đặc biệt đề xướng phương pháp “niệm Phật lớn tiếng”. Tiếng vang của âm thanh niệm Phật được hình dung là “tiếng vang dội thôn xóm, chấn động cả núi rừng”. Xét về lý thì phương pháp niệm Phật lớn tiếng có năm đặc điểm như sau :

“Điều cốt yếu của sự nhiếp tâm hay tán loạn chính là ở âm thanh. Sự phát thanh mà không cố gắng dụng công thì tâm thức sẽ nông nổi, hời hợt, phiêu dạt khó có thể kiên định được. Nếu khi phát thanh mà cố gắng dụng công âm thanh diu dặt, đôn đốc nhau, sau đó đạt đến chỗ dốc cạn hết bình sinh, buông xả bao phiền muộn. Đó là đặc điểm thứ nhất, nếu nói một cách đơn giản trước mắt thì khi âm hưởng của câu niệm Phật rền trong tâm khảm, muôn ngàn tai họa thảy tiêu trừ, công đức tu hành vói vói như đỉnh tùng trên Thiên lân. Đó là đặc điểm thứ hai. Nếu nói xa hơn nữa, niệm Phật lớn tiếng có thể chiêu cảm từ quang rạng ngời chiếu diệu, tầng không hoa báu như mưa, tất cả đều nhờ âm thanh mà cảm được như thế. Đó là đặc điểm thứ ba. Lại nữa, giống như người lăn đá, hòn đá quá nặng không dễ gì nhích tới được. Nếu họ hét to lên một tiếng thì có thể nhấc lên dễ dàng hơn. Đó là đặc điểm thứ tư. Khi cùng chiến đấu với ma quân, cờ xí phát phới, tiếng chiêng vang vọng, dùng thanh thế hiên ngang để phá tan cường địch. Đó là đặc

điểm thứ năm. Đầy đủ năm nghĩa này thì còn sợ gì nữa ? Nếu không thể song toàn ở hai trạng thái tĩnh và động thì song tu chỉ quán, hiệp với Phật ý há chẳng được sao ? Khi định huệ quân bình thì đó chính là Phật tâm bật hết năng sở ?

Ngài Phi Tích cường điệu niệm Phật lớn tiếng có năm nghĩa, chứng minh công năng kỳ diệu của tiếng, có thể định được tâm, trừ lo âu, tiêu tai họa, nhắc vật nặng, hàng phục ma, thậm chí đạt được trình độ thật tướng niệm Phật, chỉ quán song vận, định tuệ ngang nhau, tâm Phật đều quên v.v...

11/ Niệm Phật ngũ hội

Đại sư Pháp Chiếu triều Đường y cứ vào Kinh Vô Lượng Thọ quyển thượng, có soạn một quyển “Tịnh độ ngũ hội niệm Phật lược pháp sự nghi tán”, đề xướng niệm Phật ngũ hội.

“Hoặc có cây báu, xa cừ làm gốc, vàng tía làm thân, bạch ngân làm nhánh, lưu ly làm cành, thủy tinh làm lá, san hô làm hoa, mã não làm quả. Hàng cây trồng đều nhau, thân đối với nhau, cành có khoảng cách đều nhau, lá cùng hướng, hoa trở có thứ lớp, quả ra đều đặn, sắc tươi tỏa sáng, nhìn không thể xiết, gió thường nổi lên, phát ra năm thứ tiếng, cung thương vi diệu, hòa hợp tự nhiên”.

Lại Kinh A Di Đà cũng miêu tả các thứ động thực vật trong nước Cực lạc giống như Kinh Vô Lượng Thọ như : “Gió nhẹ thổi động các hàng cây

báu, và lưới báu, phát ra tiếng vi diệu, ví như trăm ngàn thứ nhạc, phát ra cùng lúc, người nghe âm thanh này đều sinh tâm niệm Phật niệm Pháp niệm Tăng”. Đại sư Pháp Chiếu dựa theo đây mà đề xướng phát minh phương pháp niệm Phật ngũ hội.

Kỳ thật trong kinh chỉ nói : “Phát ra năm thứ tiếng” là chỉ cho “cung, thương, giốc, chủy, vũ” loại âm nhạc xưa dùng để phổ nhạc, chứ không có ý là ngũ hội.

Ý của ngài Pháp Chiếu sử dụng ngũ hội có nghĩa là : “Ngũ là số, hội là tập hợp. Năm loại âm thanh ấy từ hườn đến gấp, chỉ niệm Phật Pháp Tăng, không có tạp niệm, niệm tức là không niệm, Phật không có hai môn, tiếng thì vô thường là đệ nhất nghĩa”. Ngài lại nói : “Người nghe âm thanh ấy được vào sâu pháp nhãn, trụ nơi bất thối chuyển, cho đến thành Phật đạo”.

Đủ biết niệm Phật ngũ hội chính là dùng năm thứ âm phổ nhạc niệm Phật, trầm bổng, ngừng ngắt hườn gấp, khiến cho người niệm Phật không đến nổi rơi vào hôn trầm tán loạn, mà còn tùy theo tiết tấu âm nhạc, sản sinh cảm giác thú vị khiến cho tâm thần an định và vui vẻ. Nếu có thể chuyên tinh trì danh niệm Phật liên tục cũng có thể hoàn thành niệm Phật tam muội. Ngũ hội là theo thứ tự từng giai đoạn niệm Phật, tiến hành theo phương pháp như sau :

Hội thứ nhất, niệm chậm tiếng bình Nam mô A Di Đà Phật.

Hội thứ hai, niệm chậm tiếng cao Nam mô A Di Đà Phật.

Hội thứ ba, niệm không chậm không nhanh Nam mô A Di Đà Phật.

Hội thứ tư, niệm nhanh dần Nam mô A Di Đà Phật.

Hội thứ năm, chuyển niệm nhanh bốn chữ A Di Đà Phật.

Thật ra, phương pháp niệm Phật của các tự viện tại Trung Quốc hiện nay, trên đại thể đều áp dụng giống như niệm Phật ngũ hội này, chẳng qua có đôi chút khác biệt mà thôi. Có một số nơi tổ chức tương đối khá, khiến người ta đến tham dự cộng tu niệm Phật, cảm được trạng thái an lạc và mát mẻ. Thế nhưng hiện nay tại Đài Loan cũng có phổ thành nhạc khúc, do niệm Phật ngũ hội đem nhạc cụ vào, khiến cho người nghe có cảm giác thư thái nhẹ nhàng, hưng phấn đầy đạo vị, nhưng dường như lại đánh mất đi phong cách Phạm Ca, khiến cho người ta rất khó thành tựu được niệm Phật tam muội.

12.- Niệm Phật ký số mười niệm

Đại sư Ấn Quang năm đầu Dân Quốc, là vị Tổ sư vĩ đại sau cùng hoằng dương Tịnh độ Di Đà

tại Trung Quốc cho đến nay, trong “Ấn Quang Đại sư văn sao”, có một chương “Chỉ bày phương pháp tu trì”, rất thực dụng đối với người tu tịnh nghiệp, mà ngài đã đặc biệt khai thị về phương pháp niệm Phật. Độc giả nên tìm đọc để hiểu thêm. Hiện tại chỉ rút ra hai loại phương pháp niệm Phật mà người niệm Phật hiện nay đều có thể ứng dụng được :

1/ *Pháp môn mười niệm* : Nếu vì công việc đa đoan, không có cách gì sinh hoạt theo thời khóa công phu sớm tối như tự viện được, nên vào lúc sáng sớm thức dậy súc miệng xong, lễ Phật ba lễ, ngồi ngay thẳng chấp tay, niệm Nam mô A Di Đà Phật, dứt một hơi là một niệm, niệm đến mười hơi, rồi niệm văn Tịnh độ ngấn, hoặc chỉ niệm bốn câu kệ : “Nguyện sinh Tây phương Tịnh độ trung, cứu phẩm liên hoa vi phụ mẫu, hoa khai kiến Phật ngộ vô sinh, bất thối Bồ Tát vi bạn lữ”. Niệm xong lễ Phật ba lạy là hoàn thành công khóa pháp môn mười niệm buổi sáng. Nếu không có tượng Phật thì xoay mặt về hướng Tây xá ba xá. Pháp này do ngài Tuân Thức triều Tống sáng lập, vì đương thời vua quan quá bận rộn với việc triều đình nên ngài mới soạn ra phương pháp này. Pháp này có thể giúp cho tâm gom về một chỗ, nhất tâm niệm Phật, quyết định được vãng sinh.

2/ *Pháp môn niệm Phật ký số mười niệm*. Nhiều người niệm Phật thích dùng chuỗi hạt dài hoặc ngấn để ký số, thế nhưng Đại sư Ấn Quang

dạy hành giả tịnh nghiệp ký số mười niệm là không nên lần hạt, chỉ dùng tâm ghi nhớ.

Đại sư Ấn Quang nói : “Ký số mười niệm là dùng sức toàn tâm để vào một tiếng Phật... đây là diệu pháp cứu cánh nhiếp tâm niệm Phật, các vị hoàng dương pháp môn Tịnh độ xưa kia chưa từng nói đến”. Ngài lại nói : “Bậc lợi căn thì không phải nói, như đối với hàng độn căn chúng ta, bỏ qua pháp ký số mười niệm này, muốn nhiếp được sáu căn, tịnh niệm nối liền, thật là khó lắm”. Ngài lại nói : “Cái mâu nhiệm của pháp này là thực hành nhiều thì hiệu nghiệm nhiều”. Thế nào là ký số mười niệm ? Tức là đang lúc niệm Phật, từ khi xưng niệm câu thứ nhất Nam Mô A Di Đà Phật đến câu thứ mười Nam Mô A Di Đà Phật, mỗi lần xưng niệm một câu phải niệm cho được rõ ràng, ghi nhớ cho được rõ ràng, niệm cho đến mười câu là hoàn tất, rồi lại ký số niệm Phật từ câu thứ nhất đến câu thứ mười, cứ như thế dứt mười câu rồi lại niệm từ một đến mười.

Nếu suốt mười câu thấy khó nhọc thì có thể chia làm hai hơi, từ 1 đến 5, từ 6 đến 10. Nếu lại tổn sức thì chia làm ba hơi, từ 1 đến 3, từ 4 đến 6, từ 7 đến 10. Xưng niệm danh hiệu Phật như thế, niệm cho được rõ ràng, nghe cho được rõ ràng, vọng niệm sẽ không còn chỗ đứng, lâu dần sẽ tự nhiên đạt được nhất tâm bất loạn.

Phương pháp ký số mười niệm này, lúc tôi hướng dẫn tu thiền và phương pháp niệm Phật cũng thường giới thiệu cho những học giả mới, những người tu thiền nếu tu pháp số tức thấy khó thì nên dùng pháp ký số mười niệm này rất là thuận lợi. Cho nên bản thân tôi cũng rất cảm ân đại sư Ấn Quang đã phát minh ra diệu pháp niệm Phật ký số mười niệm này.

Dịch xong ngày 10-8-2001



Mấy lời tâm huyết

Thuyết pháp giảng kinh, viết sách giáo lý nhà Phật hoặc in kinh sách đem phát cho mọi người xem, để họ sớm giác ngộ, được như thế hạnh phúc không gì bằng, đó gọi là pháp thí.

Nếu không đủ điều kiện làm những việc ấy, chúng ta thỉnh một số kinh sách chịu khó đem đến từng nhà cho mượn đọc, sau đó lần lượt cho nhà khác mượn, hoặc đọc cho kẻ khác nghe, nhất là cho người không biết chữ. Việc làm này quý giá vô biên, đây cũng gọi là pháp thí.

Chính Đức Phật đã dạy: “Trong các sự bố thí, Pháp thí có công đức lớn nhất, không công đức nào có thể sánh bằng”.

Tưởng về lợi cũng như về danh, chúng ta đừng nên lo nghĩ, mà điều tối cần là làm sao cho rạng rỡ chánh đạo. Đó là mục đích chính, thiêng liêng và cao cả nhất của chúng ta. Nên móng đạo pháp cần nhờ sự chung lưng góp sức của chúng ta. Vậy mỗi người nên xây đắp vào đó một ít vôi, một ít nước, một tảng đá hay một viên gạch v.v... ngõ hầu làm cho nền móng ấy được thêm bền vững và kiên cố đời đời.

Chúng ta không nên quan niệm gì về công đức, hãy nên nghĩ nhiều đến những người lầm đường lạc lối, sống trong vòng tội lỗi không lối thoát xung quanh chúng ta. Hãy mau cứu vớt họ, cảnh tỉnh họ để cùng quay về chân lý, giúp họ tìm ra nhiều lẽ sống, niềm vui. Được thế, chính ta đã làm lợi ích cho Phật pháp vậy.

Với hoài bão cuộc đời, chúng ta hãy “Tất Cả Vì Phật Pháp”. Hy vọng mấy lời tâm huyết này được nhiều vị hảo tâm in kinh sách cho mọi người xem!

Được vậy, niềm phúc lạc vô bờ chắc chắn sẽ đến với chúng ta! Tha thiết mong mọi như thế!

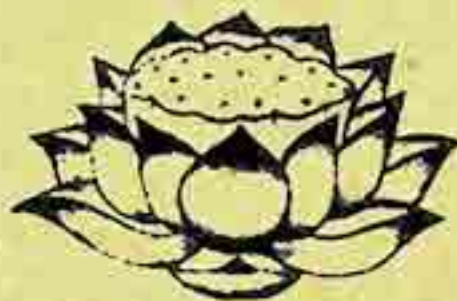


Tặng cho thân nhân một số tiền nhỏ, lòng mình không vui, nhưng mình không đủ sức tặng nhiều hơn nữa. Chỉ có một cách là tặng các loại sách tu hành để xây dựng cho đời sống thanh cao, thì dù một quyển sách giá chỉ vài ngàn, nhưng vẫn quý hơn tiền trăm bạc triệu.

Quý vị nào muốn phát tâm ấn tống kinh sách xin liên hệ: CHÙA HOÀNG PHÁP, Xã Tân Hiệp, huyện Hóc Môn, TP. Hồ Chí Minh.

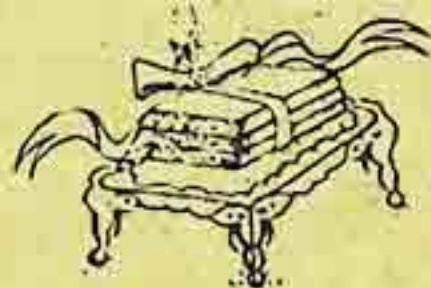
ĐT: 7130002 - 7133827.

Email: hoangphap@hcm.vnn.vn



MỤC LỤC

Tiểu sử Hòa thượng Thích Thánh Nghiêm	5
Lời người dịch	6
Lời tựa	8
1.- Báo ân cha mẹ thân quyến nên niệm Phật.....	11
2.- Bốn thứ tâm của pháp môn niệm Phật	21
3.- Bốn loại tịnh độ tùy bạn thích.....	32
4.- Siêu độ kẻ còn người mất	46
5.- Sám hối nghiệp chướng làm hằng khóa	58
6.- Đối nghiệp, tiêu nghiệp sinh Tịnh độ	72
7.- Tịnh độ phương Tây và Tịnh độ nhân gian	83
Khai thị 1 : Phật thất thanh minh báo ân	83
Khai thị 2 : Phật thất thanh minh báo ân	101
8.- Nguồn gốc của Phật thất.....	111
9.- Phương pháp niệm Phật	116



NIỆM PHẬT SINH TỊNH ĐỘ



Tác giả : THÍCH THÁNH NGHIÊM

Dịch giả : THÍCH CHÂN TÍNH

Chịu trách nhiệm xuất bản : THIỀU QUANG THẮNG

Chịu trách nhiệm bản thảo : PHẠM NGỌC HẬU

Biên tập : NGUYỄN TƯỜNG LONG

Trình bày - Sửa bản in : KIM THỦY

NHÀ XUẤT BẢN TÔN GIÁO

37 Hùng Vương - Hà Nội

ĐT : 080.48106 - FAX : (84).080.48240

In 2.000 cuốn, khổ 14x20cm, tại Xí nghiệp in Nguyễn Minh Hoàng. Địa chỉ : 100 Lê Đại Hành, P.7, Q.11, TP. HCM. ĐT : 8555812. E-mail : xn-inngminhhoang@hcm.vnn.vn. Số xuất bản : 33-1732/XB-QLXB ngày 14-12-2001. In xong và nộp lưu chiểu Quý III năm 2002.

Sách ebook này dùng để phục vụ đối tượng sinh viên, học viên cao học, nghiên cứu sinh... và những độc giả chưa có điều kiện mua sách.

Vui lòng không sử dụng file vào mục đích thương mại.

Nếu có khả năng, mời quý độc giả đặt sách giấy để ủng hộ công tác của thư viện.

Chân thành cảm ơn!

THƯ VIỆN HUỆ QUANG

116 Hòa Bình, Hòa Thạnh, Tân Phú, TP. HCM

Website: thuvienhuequang.vn